

Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
của cơ sở

KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY
DIỆN TÍCH: 171,63 HA

Địa điểm: Phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Thành phố Thủ Dầu Một, tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở
KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY
DIỆN TÍCH: 171,63 HA

Địa điểm: Phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY
GIÁM ĐỐC



Lữ Cán Cường

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG
L. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Phương Nhi

Thành phố Thủ Dầu Một, tháng 11 năm 2022

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	3
DANH MỤC HÌNH	4
DANH MỤC BẢNG	5
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	6
1. Tên chủ cơ sở: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn (TNHH) Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy;	6
2. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Kim Huy.....	6
3. Công suất của cơ sở:	6
4. Điện năng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	7
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:.....	7
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	12
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	12
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:	12
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	14
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:.....	14
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	14
1.2. Thu gom, thoát nước thải:	15
2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.....	43
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:.....	43
4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	44
4.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục các sự cố của HTXLNT KCN Kim Huy	44
5. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:.....	51
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	54
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	54

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.	56
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	58
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	70
1. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	70
1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:.....	70
1.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:	70
2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	70
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	72
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	73

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

KCN	:	Khu công nghiệp;
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn;
BTCT	:	Bê tông cốt thép;
ĐTM	:	Báo cáo đánh giá tác động môi trường;
HTXLNT	:	Hệ thống xử lý nước thải;
UBND	:	Ủy ban nhân dân.

DANH MỤC HÌNH

Hình III-1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của KCN Kim Huy	14
Hình III-2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của KCN Kim Huy	16
Hình III-3. Sơ đồ công nghệ HTXLNT tập trung KCN Kim Huy, Module 1.....	19
Hình III-4. Sơ đồ công nghệ HTXLNT tập trung KCN Kim Huy, Module 2.....	23

DANH MỤC BẢNG

Bảng I-1. Danh sách các doanh nghiệp trong KCN Kim Huy	7
Bảng I-2. Tình hình đầu nổi và lượng nước thải phát sinh của các doanh nghiệp trong KCN Kim Huy	9
Bảng I-3. Lưu lượng nước thải dẫn về HTXLNT của KCN Kim Huy năm 2020 và 2021	10
Bảng III-1. Thông số kỹ thuật mạng lưới thoát nước mưa.....	14
Bảng III-2. Thông số kỹ thuật mạng lưới thu gom nước thải.....	16
Bảng III-3. Danh sách các hạng mục công trình module 2	27
Bảng III-4. Các trang thiết bị của HTXLNT module 2	27
Bảng III-5. Giá trị cho phép của các nồng độ các chất độc hại có trong nước thải trước khi vào nhà máy xử lý bằng phương pháp sinh học.....	45
Bảng III-6. Các sự cố thường gặp của hệ thống xử lý nước thải.....	47
Bảng III-7. Khắc phục các sự cố hư hỏng thiết bị, máy móc	49
Bảng III-8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	52
Bảng IV-1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn nước thải đầu ra của KCN Kim Huy.....	54
Bảng IV-2. Chúng loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên	56
Bảng IV-3. Chúng loại, khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh thường xuyên.....	56
Bảng V-1. Kết quả quan trắc nước thải năm 2020 của KCN Kim Huy	58
Bảng V-2. Kết quả quan trắc nước thải năm 2021 của KCN Kim Huy	60
Bảng V-3. Kết quả quan trắc chất lượng không khí năm 2020	62
Bảng V-4. Kết quả quan trắc chất lượng không khí năm 2021	64
Bảng VI-1. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của KCN Kim Huy	70

Chương I.
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn (TNHH) Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy;

- Địa chỉ văn phòng: Lô CN 16, đường D1, khu công nghiệp Kim Huy, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương;
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Lữ Cán Cường;
- Điện thoại: 0274 3815015; Fax: 0274 3815014;
- E-mail: khip@kenkimhuy.com.vn;
- Giấy chứng nhận đầu tư số: 46221000042 do Ban quản lý các KCN Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 11/12/2006; chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 14/4/2014.

2. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Kim Huy

- Địa điểm cơ sở: Phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) số 4924/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban nhân dân (UBND) Bình Dương cấp.
- Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của giai đoạn 1 Dự án "Đầu tư và kinh doanh Khu công nghiệp Kim Huy" số 1542/GXN-STNMT ngày 25 tháng 5 năm 2015 do Sở Tài nguyên và môi trường Bình Dương cấp.
- Công văn thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải thứ 2 của khu công nghiệp Kim Huy số 2198/STNMT-CCBVMT ngày 21 tháng 5 năm 2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp.
- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 44/GP-UBND ngày 29/4/2020 do UBND tỉnh Bình Dương cấp.
- Quy mô của cơ sở: cơ sở thuộc nhóm A theo khoản c mục 1 Điều 8 của Luật đầu tư công là Dự án không phân biệt tổng mức đầu tư thuộc trường hợp Dự án hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

3. Công suất của cơ sở:

- Công suất hoạt động của cơ sở: KCN Kim Huy có diện tích 171,63 ha do Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy làm chủ đầu tư.

4. Điện năng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

- Nguồn cung cấp điện: KCN Kim Huy sử dụng nguồn điện từ trạm biến thế 110/22KV ngay sát khu Liên Hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương. Nhu cầu sử dụng điện hiện tại của KCN Kim Huy khoảng 380.000 KWh.
- Nguồn cung cấp nước: Nguồn cung cấp nước cho KCN từ nhà máy nước Tân Hiệp với công suất cấp nước 30.000 m³/ngày.đêm. Nhu cầu sử dụng nước hiện tại của KCN Kim Huy khoảng 1.036 m³/ngày.đêm.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

Hiện nay, Khu công nghiệp Kim Huy (KCN Kim Huy) có 25 Công ty đã đi vào hoạt động chiếm 79,43% diện tích toàn khu công nghiệp. Trong đó, Công ty Thiên Phú 2 cho 8 doanh nghiệp, Công ty Uy Đạt cho 2 doanh nghiệp, Công ty Moash cho 3 doanh nghiệp và Công ty Garzitto Timber cho 2 doanh nghiệp thuê lại nhà xưởng.

Danh sách các doanh nghiệp trong KCN Kim Huy được thể hiện trong Bảng I-1 sau:

Bảng I-1. Danh sách các doanh nghiệp trong KCN Kim Huy

STT	Tên doanh nghiệp	Ngành nghề	Tình trạng hoạt động
A. Các doanh nghiệp thuê đất, nhà xưởng của khu công nghiệp			
1.	Công ty TNHH Xương Hưng (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Garzitto Timber)	Sản xuất quạt thông gió, ống thoát gió	Đang hoạt động
2.	Công ty TNHH Moash Enterprise Việt Nam	Sản xuất, chế biến gỗ gia dụng, cho thuê nhà xưởng, văn phòng	Đang hoạt động
3.	Công ty TNHH Kim Phong	Sản xuất đồ nội thất gia dụng	Đang hoạt động
4.	Công ty TNHH Thiên Phú 2	Cho thuê xưởng, văn phòng	Đang hoạt động
5.	Công ty TNHH Long Huei	Sản xuất nón bảo hiểm, mốt xốp, bao bì, khuôn, sơn	Đang hoạt động
6.	Công ty TNHH Đồ gỗ gia dụng Đình Gia Việt Nam	Sản xuất, chế biến gỗ gia dụng	Đang hoạt động
7.	Công ty TNHH Astro Engineering	Sản xuất, gia công khung xe đạp, phụ tùng bằng kim loại	Đang hoạt động

STT	Tên doanh nghiệp	Ngành nghề	Tình trạng hoạt động
8.	Công ty TNHH Cerubo	Sản xuất, chế biến gỗ gia dụng	Đang hoạt động
9.	Công ty TNHH Jiangmen Technology	Sản xuất, gia công khuôn mẫu giấy bằng kim loại	Đang hoạt động
10.	Công ty TNHH ACE Elite (thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH SX gỗ Kim Anh)	Sản xuất các sản phẩm từ plastic	Đang hoạt động
11.	Công ty TNHH sản phẩm giấy Go-Pak Việt Nam	Sản xuất các sản phẩm từ giấy	Đang hoạt động
12.	Công ty TNHH Jinheng	Sản xuất bao bì từ giấy, bìa	Đang hoạt động
13.	Công ty TNHH ReKay Việt Nam	Sản xuất sản phẩm từ plastic	Đang hoạt động
B. Các doanh nghiệp thuê nhà xưởng của Thiên Phú 2			
1.	Công ty TNHH Bao Bì Long Thành Đạt	Sản xuất bao bì từ giấy, bìa	Đang hoạt động
2.	Công ty TNHH Momentum Việt Nam	Sản xuất sản phẩm tiêu dùng	Đang hoạt động
3.	Công ty TNHH MTV Kim Toàn Hữu	Sản xuất bao bì từ plastic	Đang hoạt động
4.	Công ty TNHH MTV Công nghệ Thu Hoạch Đại Dương	Sản xuất chế biến rong biển	Đang hoạt động
5.	Công ty TNHH Kleen Pak Industries (Việt Nam)	Sản xuất khăn lau, găng tay	Đang hoạt động
6.	Công ty TNHH Go-Pak Việt Nam	Sản xuất bao bì từ plastic	Đang hoạt động
7.	Công ty TNHH MTV Nutri-San	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	Đang hoạt động
8.	Công ty TNHH Daisho	Sản xuất sản phẩm từ plastic	Đang hoạt động
C. Các doanh nghiệp thuê nhà xưởng của Công ty Uy Đạt			
1.	Công ty CP Brand Packaging Việt Nam	In bao bì	Đang hoạt động

STT	Tên doanh nghiệp	Ngành nghề	Tình trạng hoạt động
D. Các doanh nghiệp thuê nhà xưởng của Công ty Moash Enterprise			
1.	Công ty TNHH Scared Earth	Thiết kế, chế tạo đồ mỹ nghệ, đồ nội thất	Đang hoạt động
2.	Công ty TNHH Công nghệ Bao bì Yuto Bình Dương	Sản xuất hàng bao bì, đóng gói	Chưa hoạt động
3.	Công ty TNHH Rui Feng	Gia công in các mặt hàng giấy	Chưa hoạt động

Nguồn: Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy, 2022.

Tình hình đấu nối của các Doanh nghiệp trong KCN Kim Huy được thể hiện trong Bảng I-2 sau:

Bảng I-2. Tình hình đấu nối và lượng nước thải phát sinh của các doanh nghiệp trong KCN Kim Huy

STT	Tên doanh nghiệp	Tình trạng đấu nối
A. Các doanh nghiệp thuê đất, nhà xưởng của khu công nghiệp		
1.	Công ty TNHH Xương Hưng (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Garzitto Timber)	Đã đấu nối
2.	Công ty TNHH Moash Enterprise Việt Nam	Đã đấu nối
3.	Công ty TNHH Kim Phong	Đã đấu nối
4.	Công ty TNHH Thiên Phú 2	Đã đấu nối
5.	Công ty TNHH Long Huei	Đã đấu nối
6.	Công ty TNHH Đồ gỗ gia dụng Dinh Gia Việt Nam	Đã đấu nối
7.	Công ty TNHH Astro Engineering	Đã đấu nối
8.	Công ty TNHH Cerubo	Đã đấu nối
9.	Công ty TNHH Jiangmen Technology	Đã đấu nối
10.	Công ty TNHH ACE Elite (thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH SX gỗ Kim Anh)	Đã đấu nối
11.	Công ty TNHH sản phẩm giấy Go-Pak Việt Nam	Đã đấu nối
12.	Công ty TNHH Jinheng	Đã đấu nối
13.	Công ty TNHH Rckay Việt Nam	Đã đấu nối

STT	Tên doanh nghiệp	Tình trạng đấu nối
B. Các doanh nghiệp thuê nhà xưởng của Thiên Phú 2		
1.	Công ty TNHH Bao Bì Long Thành Đạt	Đã đấu nối
2.	Công ty TNHH Momentum Việt Nam	Đã đấu nối
3.	Công ty TNHH MTV Kim Toàn Hữu	Đã đấu nối
4.	Công ty TNHH MTV Công nghệ Thu Hoạch Đại Dương	Đã đấu nối
5.	Công ty TNHH Kleen Pak Industries (Việt Nam)	Đã đấu nối
6.	Công ty TNHH Go-Pak Việt Nam	Đã đấu nối
7.	Công ty TNHH MTV Nutri-San	Đã đấu nối
8.	Công ty TNHH Daisho	Đã đấu nối
C. Các doanh nghiệp thuê nhà xưởng của Công ty Uy Đạt		
1.	Công ty CP Brand Packaging Việt Nam	Đã đấu nối
D. Các doanh nghiệp thuê nhà xưởng của Công ty Moash Enterprise		
1.	Công ty TNHH Scared Earth	Đã đấu nối
2.	Công ty TNHH Công nghệ Bao bì Yuto Bình Dương	Đã đấu nối
3.	Công ty TNHH Rui Feng	Đã đấu nối

Nguồn: Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy, 2022.

- Số cơ sở được miễn trừ đấu nối: 0
- Số cơ sở không/ chưa đấu nối theo quy định: 0

Lượng nước thải phát sinh năm 2020 và năm 2021 của KCN Kim Huy được thể hiện trong Bảng I-3 sau:

Bảng I-3. Lưu lượng nước thải dẫn về HTXLNT của KCN Kim Huy năm 2020 và 2021

Tháng	Lưu lượng (m ³ /ngày.đêm)		Số ngày vượt công suất HTXLNT (ngày)
	Năm 2020	Năm 2021	
1	587,3	1201,1	0
2	760	581,6	0
3	779,5	836,7	0

Tháng	Lưu lượng (m ³ /ngày.đêm)		Số ngày vượt công suất HTXLNT (ngày)
	Năm 2020	Năm 2021	
4	796,2	981	0
5	804	841,3	0
6	972	1261,2	0
7	1.163,2	1091,5	0
8	1.078,2	795,3	0
9	1.173,5	800,5	0
10	1.192	799,8	0
11	1.081,1	927,8	0
12	981,7	911,4	0

Nguồn: Báo cáo kết quả quan trắc và công tác bảo vệ môi trường KCN Kim Huy, 2020-2021.

Nhận xét:

Lưu lượng nước thải của KCN Kim Huy năm 2020, năm 2021 luôn nằm trong khả năng tiếp nhận của HTXLNT tập trung.

Chương II.

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

KCN Kim Huy có diện tích 171,63 ha do Công ty TNHH Phát triển KCN Kim Huy làm chủ đầu tư. KCN Kim Huy đã được Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương cấp giấy chứng nhận đầu tư số 46221000042 lần đầu ngày 11/12/2006, thay đổi lần thứ 2 ngày 14/04/2014. KCN Kim Huy được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Dương phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư và kinh doanh tại khu liên hợp công nghiệp, dịch vụ, đô thị Bình Dương, theo Quyết định số 4924/QĐ-UBND ngày 03/11/2006.

Do đó, KCN Kim Huy được hình thành phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

KCN Kim Huy đã được UBND tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 44/GP-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2020 với lưu lượng xả nước thải lớn nhất là 1.900 m³/ngày.đêm.

Công ty đã đánh giá khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận theo quy định tại Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 trong Báo cáo xả nước thải vào nguồn nước cho "Trạm XLNT tập trung KCN Kim Huy - công suất: 1.900 m³/ngày.đêm" đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

Nước thải của KCN Kim Huy sau hệ thống xử lý được xả ra suối Chợ (suối Con), suối Cái sau đó thải ra sông Đồng Nai. Vì vậy suối Chợ (suối Con), suối Cái và sông Đồng Nai được xem là nguồn tiếp nhận nước thải cần được bảo vệ và được đánh giá sơ bộ khả năng tiếp nhận nước thải theo hướng dẫn tại thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Vị trí xả thải không nằm trên hoặc ngay gần thượng lưu khu vực bảo vệ hệ sinh.
- Vị trí xả thải không nằm trong khu vực bảo tồn.
- Suối Chợ (suối Con), suối Cái và sông Đồng Nai khu vực xả thải chưa có dấu hiệu ô nhiễm và không xảy ra hiện tượng nước đen và bốc mùi hôi thối.
- Suối Chợ (suối Con), suối Cái và sông Đồng Nai tại khu vực xả thải hiện nay không xảy ra hiện tượng các sinh vật thủy sinh bị đe dọa sự sống hoặc xảy ra hiện tượng cá, thủy sinh vật chết hàng loạt.

- Suối Chợ (suối Con), suối Cái và sông Đồng Nai chưa từng xảy ra hiện tượng tảo nở hoa.
- Khu vực chưa từng có báo cáo, số liệu liên quan đến vấn đề bệnh tật cộng đồng do tiếp xúc với nguồn nước sông gây ra.

Kết luận: Theo hướng dẫn của Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, suối Chợ (suối Con), suối Cái và sông Đồng Nai (khu vực tiếp nhận nước thải của KCN Kim Huy) vẫn còn khả năng tiếp nhận nước thải.

Chương III.

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

KCN Kim Huy đã xây dựng hệ thống thu gom nước mưa và thu gom nước thải riêng biệt. Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tự chảy theo trọng lực trong cống tròn Bê tông cốt thép (BTCT) với đường kính D400 - D1800 kết hợp với kênh nhân tạo, thoát nước riêng với nước thải sinh hoạt và công nghiệp. Nước mưa được thu vào các hố ga và cống bố trí dọc theo hai bên vỉa hè đường, khoảng cách các hố ga trung bình khoảng 30-40 m. Lưu lượng nước mưa được thu vào các tuyến cống chính chảy về hai kênh Tân Vĩnh Hiệp và kênh Đỗ Thị.

Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của KCN Kim Huy được thể hiện trong Hình III-1:



Nguồn: Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy, 2022.

Hình III-1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của KCN Kim Huy

Thông số kỹ thuật mạng lưới thoát nước mưa của KCN Kim Huy được thể hiện trong Bảng III-1 sau:

Bảng III-1. Thông số kỹ thuật mạng lưới thoát nước mưa

STT	Tên đường	Chung loại cống	ĐVT	Chiều dài
1	D1	400	m	1180,72
		1000	m	114,03
		1200	m	296,51
		1500	m	281,03
2	H1	600	m	135,88
		800	m	132,28

STT	Tên đường	Chủng loại cống	ĐVT	Chiều dài
		1000	m	231,49
		1200	m	931,04
		1800	m	420,67
3	H2	600	m	830,75
		800	m	329,3
		1000	m	544,32
		1200	m	203,71
4	N6	400	m	1728,13
		600	m	823,85
		800	m	65,22
		1000	m	138,9
		1500	m	523,09
5	N7	400	m	1034,52
		600	m	197,02
		800	m	197,02
		1000	m	189
		1200	m	566,73
Tổng cộng				11.095,21

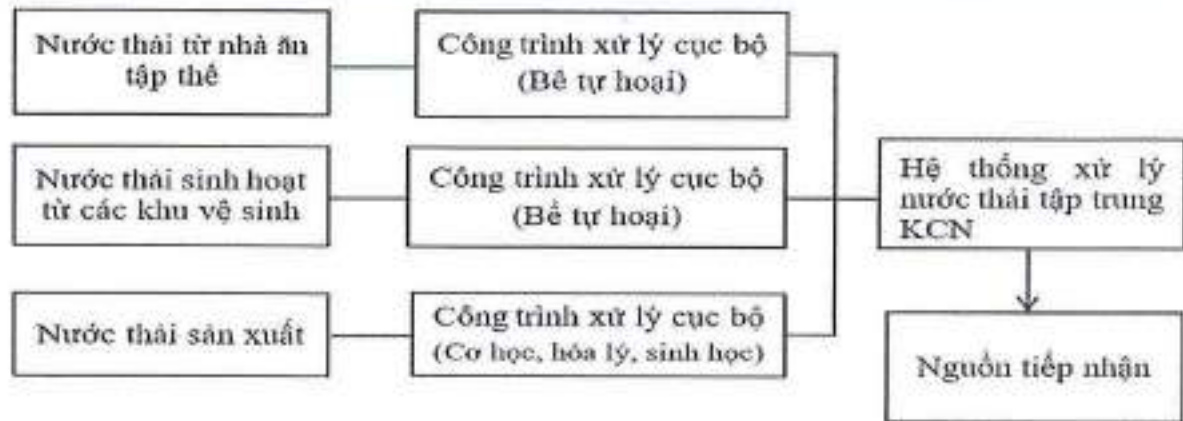
Nguồn: Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy, 2022.

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

Nước thải được thu gom bằng các tuyến cống D300 - 400, dẫn tới các tuyến chính D600 -1000 dẫn nước thải tới HTXLNT tập trung KCN Kim Huy. Cống thoát nước thải dùng cống BTCT chịu lực, cống đi trên vỉa hè, trong các dải cây xanh cách ly, dựa theo cao độ địa hình, các tuyến cống bố trí theo các tuyến đường, hoàn toàn chảy về trạm xử lý tập trung. Hồ ga thu nước kết hợp làm giếng thăm được bố trí trên toàn tuyến với khoảng cách 30-40 m/hồ ga.

Nước thải của KCN Kim Huy sau khi xử lý được dẫn đổ ra kênh Tân Vĩnh Hiệp → hồ Tân Vĩnh Hiệp → suối Chợ (suối Con) → suối Cái - sông Đồng Nai.

Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của KCN Kim Huy được thể hiện trong Hình III-2 sau:



Nguồn: Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy, 2022.

Hình III-2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của KCN Kim Huy

Thông số kỹ thuật mạng lưới thu gom nước thải của KCN Kim Huy được thể hiện trong Bảng III-2 sau:

Bảng III-2. Thông số kỹ thuật mạng lưới thu gom nước thải

STT	Tên đường	Chủng loại cống	ĐVT	Chiều dài
1	D1	400	m	469,06
		600	m	655,7
2	H1	300	m	655,87
		400	m	206,21
		600	m	682,26
3	H2	300	m	1190,28
		400	m	71,03
4	Tạo lực 1	300	m	341,04
		400	m	406,96
5	N6	300	m	459,13
		400	m	42,8
		600	m	41,1
		800	m	971,19
		1000	m	663,4
Tổng cộng				6.856,03

Nguồn: Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy, 2022.

1.2.1. Công trình xử lý nước thải:

Hiện tại, hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) tập trung đang tiếp nhận nước thải từ các doanh nghiệp trong KCN và đạt hiệu quả xử lý cao. Lưu lượng nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp đang hoạt động khoảng $1.400 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, được thu về HTXLNT tập trung với tổng công suất của trạm là $3.000 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý. HTXLNT tập trung của KCN Kim Huy hiện có 2 module, công suất cụ thể là:

- Module 1: $1.000 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, đã được cấp giấy xác nhận số 1542/GXN-STNMT ngày 25/5/2015 về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành GD1 năm 2015 (*Giấy xác nhận được đính kèm trong phụ lục*).
- Module 2: $2.000 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, đã hoàn thiện và được Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương cấp Văn bản số 2198/STNMT-CCBVMT ngày 21/5/2020 về việc thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải của KCN Kim Huy (*Văn bản được đính kèm trong phụ lục*).

Lưu lượng xả thải cao nhất của KCN theo Quyết định số 1661/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000) Khu công nghiệp Kim Huy thuộc Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương ngày 26 tháng 6 năm 2017 là $1.860 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

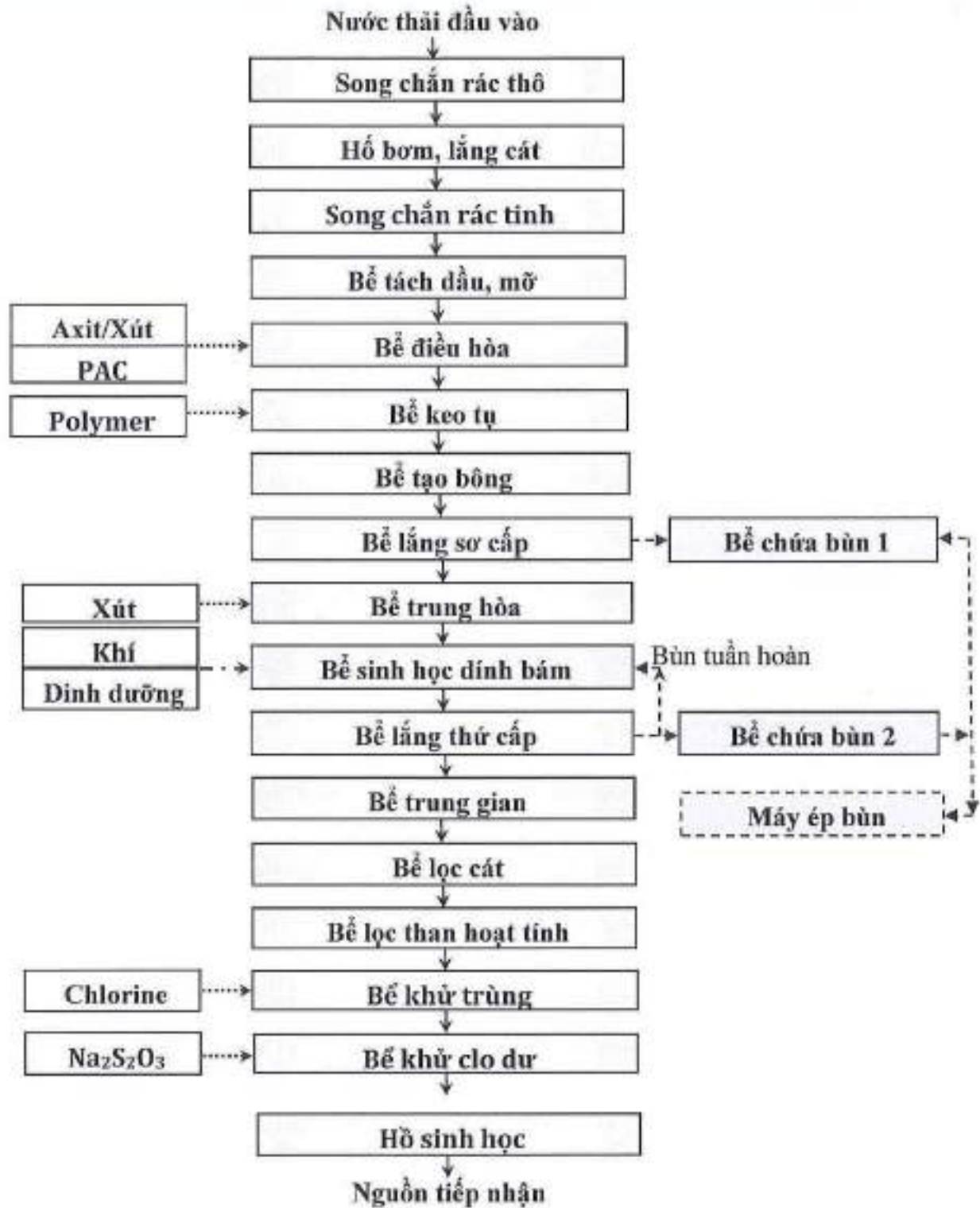
Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn xả thải QCVN 40:2011/BTNMT cột A ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$), trước khi thải ra môi trường là kênh Tân Vĩnh Hiệp → hồ Tân Vĩnh Hiệp → ra suối Chợ (suối Con) → suối Cái → sông Đồng Nai.

Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý của 2 giai đoạn được mô tả như sau:

- Module 1: Nước thải → Bể thu gom và tách rác → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng sơ cấp → Bể trung hòa → Bể xử lý sinh học dính bám (FBR) → Bể lắng thứ cấp → Bể trung gian → Bồn lọc cát → bồn lọc than hoạt tính → Bể khử trùng → khử Clo dư → Hồ sinh học → Nước thải sau xử lý thải ra kênh Tân Vĩnh Hiệp - hồ Tân Vĩnh Hiệp - ra suối Chợ (suối Con) - suối Cái - sông Đồng Nai.
- Module 2: Nước thải → Bể thu gom và tách rác (Hiện hữu) → Máy tách rác tinh → Bể tách dầu mỡ (Hiện hữu) → Bể điều hòa (Hiện hữu) → Bể trung hòa → Bể Anoxic → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Hồ sinh học (Hiện hữu) → Nước thải sau xử lý thải ra kênh Tân Vĩnh Hiệp - hồ Tân Vĩnh Hiệp - ra suối Chợ (suối Con) - suối Cái - sông Đồng Nai.
- Chế độ vận hành: Vận hành liên tục 24/24 giờ.

- Hóa chất sử dụng:
 - + Module 1 gồm: Xút, Axít, Dinh dưỡng, Phèn PAC, Polymer, Chlorine, $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3$;
 - + Module 2 gồm: Xút, Axít, Dinh dưỡng, Phèn PAC, Polymer, Chlorine.

Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Kim Huy (Module 1 công suất $1.000 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$) được thể hiện trong Hình III-3 sau:



QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, với $K_q = 0,9$; $K_r = 1,0$

Nguồn: Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy, 2022.

Hình III-3. Sơ đồ công nghệ HTXLNT tập trung KCN Kim Huy, Module 1

Ghi chú:

.....> : đường hóa chất

- -> : đường bùn

- -> : đường khí

THUYẾT MINH CÔNG NGHỆ MODULE 1

Nước thải của các nhà máy theo hệ thống thoát nước riêng qua song chắn rác thô và chảy vào **Hố bơm, lắng cát**.

Hố bơm, lắng cát được thiết kế đảm bảo thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ nhà máy. Trong bể có lắp đặt thiết bị tách rác thô có kích thước khe hở 10 mm để loại bỏ các chất có kích thước lớn có thể gây tắc nghẽn đường ống làm hư hại máy bơm và làm giảm hiệu quả xử lý của giai đoạn sau. Bơm chìm tại bể gom hoạt động luân phiên nhằm bơm nước thải lên thiết bị tách rác tinh tinh có kích thước khe hở 2 mm để loại bỏ các tạp chất, rác có kích thước nhỏ; trước khi nước thải tiếp tục chảy qua **bể tách dầu mỡ**.

Tại **bể tách dầu mỡ**, dầu và các chất hoạt động bề mặt có tỉ trọng riêng nhẹ hơn so với nước sẽ nổi lên trên bề mặt và được thiết bị gạt dầu, vớt nổi hoạt động liên tục gạt bỏ ra khỏi nước thải, thu về thùng chứa dầu mỡ và đem xử lý định kỳ. Lượng dầu, vớt nổi này nếu không được xử lý sẽ làm ảnh hưởng đến đường ống, nghẹt bơm và giảm hiệu quả xử lý của các công trình sinh học phía sau (vì các chất này hạn chế khả năng sử dụng chất hữu cơ của vi sinh vật). Nước thải sau khi tách dầu mỡ sẽ tiếp tục tự chảy sang **bể điều hòa**.

Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa về lưu lượng và nồng độ hữu cơ trong nước thải nhằm tránh gây quá tải cho vi sinh vật trong các bể phía sau. Bể điều hòa làm giảm kích thước và tạo chế độ làm việc ổn định cho các công trình phía sau, tránh hiện tượng quá tải. Nhờ vào thiết bị khuấy trộn chìm, nước thải được xáo trộn đều và tránh sự lắng cặn trong bể, tránh hiện tượng phân hủy kỵ khí tạo mùi hôi. Sau đó nước thải được bơm sang **bể keo tụ - tạo bông**.

Bể keo tụ - tạo bông có nhiệm vụ loại bỏ phần lớn SS, COD và độ màu trong nước thải.

Bể keo tụ: có nhiệm vụ khử màu và trợ keo tụ các chất rắn lơ lửng nhờ vào quá trình tiếp xúc, phản ứng giữa hoá chất keo tụ PAC với nước thải. Tại bể, pH của nước thải cũng được điều chỉnh đến giá trị tối ưu cho quá trình keo tụ.

Bể tạo bông: có nhiệm vụ hình thành các bông cặn lớn từ các hạt keo nhỏ nhờ hóa chất trợ keo tụ Polymer được châm vào hòa trộn với nước thải, đảm bảo sự vận hành hiệu quả của bể lắng phía sau.

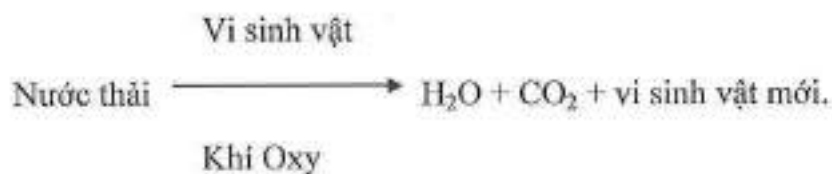
Bể lắng bùn hóa lý được thiết kế đặc biệt tạo môi trường tĩnh cho bông bùn lắng xuống đáy bể và được gom vào tâm nhờ hệ thống gom bùn lắp đặt dưới đáy bể. Phần bùn ở đáy bể lắng sẽ được bơm đến bể chứa bùn. Phần nước trong sau lắng được thu lại bằng hệ máng thu nước răng cưa được bố trí trên bề mặt bể và được dẫn sang **bể trung hòa**.

Bể trung hòa có nhiệm vụ trung hòa pH nước thải bằng dung dịch xút tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xử lý sinh học phía sau. Nước thải tiếp tục chảy sang **bể sinh học dính bám (FBR)**.

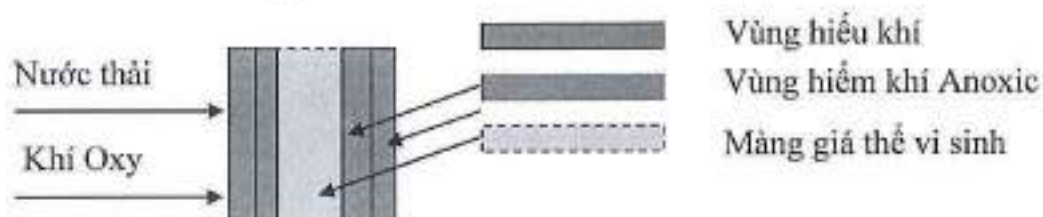
Bể sinh học dính bám (FBR): xảy ra đồng thời hai quá trình xử lý các chất hữu cơ trong nước thải nhờ các vi sinh dị dưỡng và quá trình oxy hóa nitơ (nitrification) nhờ các vi sinh tự dưỡng. Trong xử lý sinh học hiếu khí FBR, hệ thống đĩa phân phối khí được lắp cố định dưới đáy ngăn. Hệ thống này thông qua máy thổi khí có tác dụng cung cấp Oxy cho quá trình phát triển của vi sinh vật. Ngoài ra có tác dụng đảo trộn nước thải với vi sinh vật trong ngăn và giúp Oxy hoà tan trong nước thải dễ dàng hơn, tạo điều kiện để các vi sinh vật hiếu khí sẽ phân hủy các chất hữu cơ trong nước thải thành CO_2 , H_2O ,... một phần được chuyển hoá phát triển thành sinh khối – Biomass và oxy hoá hợp chất Nitơ thành NO_3 .

Tại bể xử lý sinh học hiếu khí FBR cũng được lắp đặt giá thể vi sinh làm tăng bề mặt tiếp xúc của nước thải và vi sinh vật lên hàng vài chục lần nhờ cấu trúc của giá thể có diện tích riêng lên đến $150 \text{ m}^2/\text{m}^3$. Giá thể vi sinh cố định này tạo ra môi trường thuận lợi để vi sinh vật phát triển tốt.

Quá trình phân hủy các chất hữu cơ theo phản ứng sau:



Sử dụng công nghệ FBR ngoài khả năng giải quyết tốt các chỉ tiêu COD, BOD, một phần Nitơ cũng bị khử trong vùng hiếu khí. Quá trình khử Nitơ trong vùng được minh họa như hình vẽ dưới đây:



Hỗn hợp bùn hoạt tính và nước thải sẽ chảy qua **bể lắng thứ cấp**.

Bể lắng thứ cấp có nhiệm vụ lắng và tách bùn hoạt tính ra khỏi nước thải, làm giảm SS nên được thiết kế đặc biệt tạo môi trường tĩnh cho bông bùn lắng xuống đáy bể. Tại bể lắng, nước thải đi từ dưới lên trên qua ống trung tâm, bùn sẽ lắng xuống và được gom vào đáy bể. Bùn sau khi lắng có hàm lượng SS = 8.000-12.000 mg/L sẽ chảy về bể bơm bùn, từ đó sẽ bơm tuần hoàn trở lại bể sinh học hiếu khí (50-60% lưu lượng)

để giữ ổn định mật độ cao vi khuẩn. Lượng bùn dư thải ra mỗi ngày sẽ được bơm về bể chứa bùn. Độ ẩm bùn dao động trong khoảng 98,5 - 99,5%.

Phần nước trong sau lắng tự chảy qua **bể trung gian**.

Bể trung gian có nhiệm vụ chứa nước để đảm bảo thời gian hoạt động cho bơm lọc. Nước thải sau bể trung gian được bơm qua hệ thống lọc áp lực gồm 02 cột lọc có chứa than hoạt tính sẽ giữ lại các cặn nhỏ li ti và hấp thụ mạnh chất ô nhiễm hữu cơ, vô cơ có trong nước thải.

Bể khử trùng: Nước thải sau lọc được châm Chlorine khử trùng trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Chlorine, chất oxy hóa mạnh thường được sử dụng rộng rãi trong quá trình khử trùng nước thải. Hàm lượng chlorine cần thiết để khử trùng cho nước sau lắng, 3-15 mg/L. Hàm lượng chlorine cung cấp vào nước thải ổn định bằng bơm định lượng hóa chất.

Tại bể khử trùng clo dư được loại bỏ bằng cách cho phản ứng với $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3$. Nước thải sau đó tự chảy vào hồ sinh học.

Nước thải sau xử lý thải ra nguồn tiếp nhận đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, với $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$.

Xử lý bùn

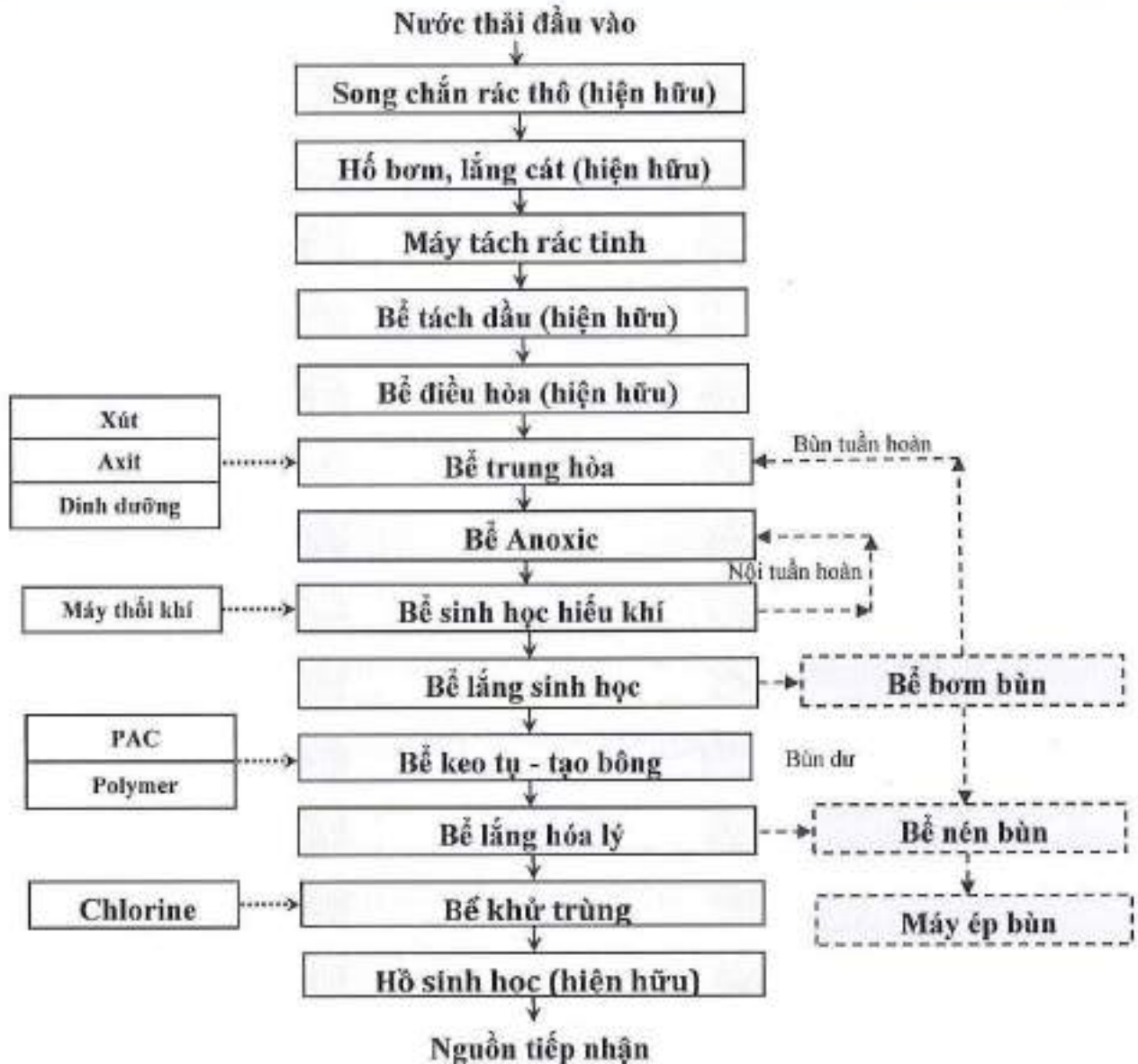
Quá trình xử lý nước thải bằng phương pháp hoá lý cũng phát sinh một lượng bùn đáng kể (còn gọi là bùn hóa lý). Lượng bùn này được thu gom và đưa về **bể chứa bùn 1** (Bùn sơ cấp).

Quá trình xử lý sinh học sẽ làm gia tăng liên tục lượng bùn vi sinh trong bể sinh học. Đồng thời lượng bùn ban đầu sau thời gian sinh trưởng phát triển sẽ giảm khả năng xử lý chất ô nhiễm trong nước thải và chết đi. Lượng bùn này còn gọi là bùn dư và được đưa về bể chứa bùn 2 (Bùn thứ cấp).

Tại **bể chứa bùn 1 và 2**, sau một thời gian nén cố định để gia tăng nồng độ và cô đặc, bùn sẽ được đưa vào máy ép bùn để tiến hành tách nước làm giảm độ ẩm và thể tích của bùn để thuận tiện cho quá trình xử lý bùn.

Nước tách bùn phát sinh từ máy ép bùn được đưa về hồ bơm + lắng cát.

Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Kim Huy (Module 2 công suất 2.000 m³/ngày.đêm) được thể hiện trong Hình III-4 sau:



QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, với $K_q = 0,9$; $K_r = 1,0$

Nguồn: Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy, 2022.

Hình III-4. Sơ đồ công nghệ HTXLNT tập trung KCN Kim Huy, Module 2

Ghi chú:

-> : đường hóa chất
- · > : đường khí
- - > : đường bùn

THUYẾT MINH CÔNG NGHỆ MODULE 2:

Nước thải của các nhà máy theo hệ thống thoát nước riêng qua Song chắn rác thô (hiện hữu) và chảy vào **Hố bơm + lắng cát (hiện hữu)**.

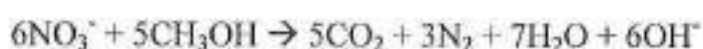
Hố bơm + lắng cát (hiện hữu) được thiết kế đảm bảo thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ nhà máy. Trong bể có lắp đặt thiết bị tách rác thô (hiện hữu) có kích thước khe hở 10 mm để loại bỏ các chất có kích thước lớn có thể gây tắc nghẽn đường ống làm hư hại máy bơm và làm giảm hiệu quả xử lý của giai đoạn sau. Bơm chìm tại bể gom hoạt động luân phiên nhằm bơm nước thải lên thiết bị tách rác tinh (hiện hữu) có kích thước khe hở 2 mm để loại bỏ các tạp chất, rác có kích thước nhỏ; trước khi nước thải tiếp tục chảy qua **bể tách dầu mỡ (hiện hữu)**.

Tại bể tách dầu mỡ (hiện hữu), lượng dầu, chất hoạt động bề mặt có tỉ trọng riêng nhẹ hơn so với nước sẽ nổi lên trên bề mặt và được thiết bị gạt dầu, văng nổi hoạt động liên tục gạt bỏ ra khỏi nước thải, thu về thùng chứa dầu mỡ và đem xử lý định kỳ. Lượng dầu, văng nổi này nếu không được xử lý sẽ làm ảnh hưởng đến đường ống, nghẹt bơm và giảm hiệu quả xử lý của các công trình sinh học phía sau (vì các chất này hạn chế khả năng sử dụng chất hữu cơ của vi sinh vật). Nước thải sau khi tách dầu mỡ sẽ tiếp tục tự chảy sang **bể điều hòa (hiện hữu)**.

Bể điều hòa (hiện hữu) có nhiệm vụ điều hòa về lưu lượng và nồng độ hữu cơ trong nước thải nhằm tránh gây quá tải cho vi sinh vật trong các bể phía sau. Bể điều hòa làm giảm kích thước và tạo chế độ làm việc ổn định cho các công trình phía sau, tránh hiện tượng quá tải. Nhờ vào thiết bị khuấy trộn chìm, nước thải được xáo trộn đều và tránh sự lắng cặn trong bể, tránh hiện tượng phân hủy kỵ khí tạo mùi hôi. Sau đó nước thải được bơm sang **bể trung hòa**.

Bể trung hòa có nhiệm vụ trung hòa pH nước thải bằng dung dịch xút. Ngoài ra bể trung hòa sẽ được châm thêm dinh dưỡng khi cần thiết và tiếp nhận bùn hồi lưu tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xử lý sinh học phía sau. Tại bể có lắp đặt các đĩa phân phối khí tinh nhằm tăng khả năng xáo trộn giữa hóa chất, bùn và nước thải. Nước thải tiếp tục chảy sang **bể anoxic**.

Bể anoxic là nơi tiếp nhận nước thải từ bể điều hòa và dòng dung dịch xáo trộn (bùn hoạt tính + nước thải) từ bể sinh học hiếu khí tuần hoàn. Với môi trường thiếu khí, quá trình phân huỷ hợp chất hữu cơ và khử Nitrat diễn ra nhờ các vi sinh vật sử dụng Nitrat, Nitrite làm chất oxy hóa để sản xuất năng lượng. Trong bể Anoxic, quá trình khử Nitrat sẽ diễn ra theo phản ứng:



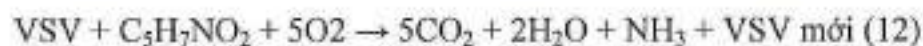
Trong bể anoxic có lắp đặt thiết bị khuấy chìm nhằm tạo ra sự xáo trộn trong bể giúp bọt khí N_2 (từ quá trình khử Nitrat) dễ dàng thoát lên khỏi mặt nước. Bể anoxic còn

đóng vai trò là một hệ chọn lọc vi sinh hiếu khí để chống lại hiện tượng bùn nổi do vi khuẩn dạng sợi gây ra. Sau đó hỗn hợp bùn nước thải từ bể thiếu khí tiếp tục qua bể sinh học hiếu khí để khử các hợp chất hữu cơ COD, BOD₅.

Bể sinh học hiếu khí là nơi diễn ra quá trình phân huỷ hợp chất hữu cơ trong điều kiện cấp khí nhân tạo bằng máy thổi khí. Lượng khí cung cấp vào bể với mục đích: (1) cung cấp oxy cho vi sinh vật hiếu khí chuyển hóa chất hữu cơ hòa tan thành nước và CO₂; (2) xáo trộn đều nước thải và bùn hoạt tính tạo điều kiện để vi sinh vật tiếp xúc tốt với các cơ chất cần xử lý; (3) giải phóng các khí ức chế quá trình sống của vi sinh vật, các khí này sinh ra trong quá trình vi sinh vật phân giải các chất ô nhiễm, tác động tích cực đến quá trình sinh sản của vi sinh vật.

Quá trình phân huỷ hợp chất hữu cơ:

Trong bể sinh học hiếu khí các vi sinh vật (VSV) hiếu khí sử dụng oxy được cung cấp chuyển hóa các chất hữu cơ hòa tan trong nước thải một phần thành vi sinh vật mới, một phần thành khí CO₂ và NH₃ bằng phương trình phản ứng sau:



Bể sinh học bùn hoạt tính có dạng chữ nhật, hàm lượng bùn hoạt tính và nhu cầu oxy đồng nhất trong toàn bộ thể tích bể. Bể này có ưu điểm chịu được quá tải rất tốt. METCALF and EDDY (1991) đưa ra tải trọng thiết kế khoảng 0,8-2,0 kg BOD₅/m³.ngày với hàm lượng bùn 2.500-4.000 mg/L, tỉ số F/M 0,2 - 0,6. Trong bể sinh học hiếu khí kết hợp quá trình bùn hoạt tính, các chất hữu cơ hòa tan và không hòa tan chuyển hóa thành bông bùn sinh học - quần thể vi sinh vật hiếu khí - có khả năng lắng dưới tác dụng của trọng lực. Nước thải chảy liên tục vào bể sinh học trong đó khí được đưa vào cùng xáo trộn với bùn hoạt tính (oxy hòa tan DO > 2 mg/l), cung cấp oxy cho vi sinh phân huỷ chất hữu cơ. Dưới điều kiện như thế, vi sinh sinh trưởng tăng sinh khối và kết thành bông bùn.

Hỗn hợp bùn hoạt tính và nước thải gọi là dung dịch xáo trộn (mixed liquor), hỗn hợp này sẽ chảy qua **bể lắng bùn sinh học**.

Bể lắng bùn sinh học có nhiệm vụ lắng và tách bùn hoạt tính ra khỏi nước thải, làm giảm SS nên được thiết kế đặc biệt tạo môi trường tĩnh cho bông bùn lắng xuống đáy bể. Tại bể lắng, nước thải đi từ dưới lên trên qua ống trung tâm, bùn sẽ lắng xuống và được gom vào đáy bể. Bùn sau khi lắng có hàm lượng SS = 8.000 - 12.000 mg/L sẽ chảy về bể bơm bùn, từ đó sẽ bơm tuần hoàn trở lại bể sinh học hiếu khí (50 - 60% lưu lượng) để giữ ổn định mật độ cao vi khuẩn. Lượng bùn dư thải ra mỗi ngày sẽ được bơm về bể chứa bùn (hiện hữu). Độ ẩm bùn dao động trong khoảng 98,5 - 99,5%.

Phần nước trong sau lắng tự chảy qua cụm hoá lý để xử lý hoá lý.

Bể keo tụ - tạo bông có nhiệm vụ loại bỏ triệt để SS, COD và độ màu trong nước thải.

Bể keo tụ: có nhiệm vụ khử màu và trợ keo tụ các chất rắn lơ lửng nhờ vào quá trình tiếp xúc, phản ứng giữa hoá chất keo tụ PAC với nước thải. Tại bể, được lắp đặt thiết bị khuấy trộn nhằm tăng hiệu quả cho phản ứng keo tụ.

Bể tạo bông: có nhiệm vụ hình thành các bông cặn lớn từ các hạt keo nhỏ nhờ hóa chất trợ keo tụ Polymer được châm vào hòa trộn với nước thải, đảm bảo sự vận hành hiệu quả của bể lắng phía sau.

Bể lắng bùn hóa lý được thiết kế đặc biệt tạo môi trường tĩnh cho bông bùn lắng xuống đáy bể và được gom vào tâm nhờ hệ thống gom bùn lắp đặt dưới đáy bể. Phần bùn ở đáy bể lắng sẽ được bơm đến bể chứa bùn (hiện hữu). Phần nước trong sau lắng được thu lại bằng hệ máng thu nước răng cưa được bố trí trên bề mặt bể và được dẫn sang **bể khử trùng**.

Bể khử trùng: Nước thải sau khi tách bùn được châm Chlorine khử trùng trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Chlorine, chất oxy hóa mạnh thường được sử dụng rộng rãi trong quá trình khử trùng nước thải. Hàm lượng chlorine cần thiết để khử trùng cho nước sau lắng, 3 – 15 mg/L. Hàm lượng chlorine cung cấp vào nước thải ổn định bằng bơm định lượng hóa chất.

Nước thải sau khử trùng thải ra nguồn tiếp nhận đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, với $K_q = 0,9$; $K_T = 1,0$.

Xử lý bùn

Quá trình xử lý sinh học sẽ làm gia tăng liên tục lượng bùn vi sinh trong bể sinh học. Đồng thời lượng bùn ban đầu sau thời gian sinh trưởng phát triển sẽ giảm khả năng xử lý chất ô nhiễm trong nước thải và chết đi. Lượng bùn này còn gọi là bùn dư và được đưa về bể nén bùn.

Ngoài lượng bùn vi sinh phát sinh trong quá trình xử lý sinh học, quá trình xử lý nước thải bằng phương pháp hoá lý cũng phát sinh một lượng bùn đáng kể (còn gọi là bùn hóa lý). Lượng bùn này cũng được thu gom và đưa về **bể nén bùn**.

Tại **bể nén bùn**, sau một thời gian nén cố định để gia tăng nồng độ và cô đặc, bùn sẽ được đưa vào máy ép bùn để tiến hành tách nước làm giảm độ ẩm và thể tích của bùn để thuận tiện cho quá trình xử lý bùn.

Nước tách bùn phát sinh từ máy ép bùn được đưa về hố bơm + lắng cát (hiện hữu).

Các hạng mục công trình của HTXLNT module 2 được thể hiện trong Bảng III-3 sau:

Bảng III-3. Danh sách các hạng mục công trình module 2

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Kích thước	Thể tích (m ³)
1	Hố bơm, lắng cát	m ³	1	4,0 x 4,0 x 6,0 m	96,0
2	Bể tách dầu	m ³	1	13,9x2,4x1,7 m	56,7
3	Bể điều hòa	m ³	2	15,9x13,9x5,0 m	2.210,1
4	Bể trung hòa	m ³	1	1,65x1,65x5,0 m	13,6
5	Bể Anoxic	m ³	1	11,8x6,6x5,0 m	389,4
6	Bể hiếu khí	m ³	1	16,9x11,8x5,0 m	997,1
7	Bể lắng sinh học	m ³	1	5,1x5,1x5,0 m	130,05
8	Bể keo tụ	m ³	1	2,7x2,7x4,5 m	32,8
9	Bể tạo bông	m ³	1	2,7x2,65x4,5 m	32,2
10	Bể lắng hóa lý	m ³	1	8,5x8,5x4,5 m	325,1
11	Bể khử trùng	m ³	1	8,6x3,25x3,5 m	97,8

Nguồn: Công ty TNHH Phát triển KCN Kim Huy, 2022.

Bảng III-4. Các trang thiết bị của HTXLNT module 2

STT	HẠNG MỤC	XUẤT XỨ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
I	BỂ GOM (HIỆN HỮU)			
1	Bơm chìm nước thải	Zenit - Ý	Bộ	2
	Công suất: 7,5kW			
	Điện áp: 380V/3pha/50Hz			
	Lưu lượng: Q = 167 m ³ /h x 8,5 m			
	Mã hiệu: DRG 1000/4/80 D0GT5			
	Ghi chú: 2 máy hoạt động luân phiên			
2	Khớp nối bơm tự động	Việt Nam	Bộ	2
	Vật liệu: Gang			
3	Thanh trượt + xích kéo	Việt Nam	Bộ	2

STT	HẠNG MỤC	XUẤT XỨ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	Vật liệu: Inox			
4	Phao kiểm soát mức nước	Mac 3 - Ý	Bộ	1
	- Nhiệt độ hoạt động: $0^{\circ} \div 50^{\circ}\text{C}$			
	- Nhiệt độ môi trường: $-10^{\circ}\text{C} + 60^{\circ}\text{C}$			
	- Cấp độ bảo vệ: IP68			
	- Chứng chỉ tiêu chuẩn: ENEC/CE			
	- Áp lực chịu được: 1bar			
	- Kích thước: 106x154x54 mm			
	- Vật liệu: Polypropylene			
	Mã hiệu: H07RN-F 3x1			
II	BỂ TÁCH DẦU MỠ (HIỆN HỮU)			
1	Thiết bị tách rác tinh	Việt Nam	Bộ	1
	Lưu lượng: $167 \text{ m}^3/\text{h}$			
	Motor: 0,75kW - G7			
	Điện áp: 380V/3 pha/50Hz			
	Kích thước khe hở: 2 mm			
	Vật liệu: Inox 304			
III	BỂ ĐIỀU HÒA (HIỆN HỮU)			
1	Bơm chìm nước thải	Zenit - Ý	Bộ	2
	Công suất: 4kW			
	Điện áp: 380V/3pha/50Hz			
	Lưu lượng: $Q = 84 \text{ m}^3/\text{h} \times 9 \text{ m}$			
	Mã hiệu: DRG 550/2/80 A0FT5			
	Ghi chú: 2 máy hoạt động luân phiên			

STT	HẠNG MỤC	XUẤT XỨ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
2	Khớp nối bơm tự động	Việt Nam	Bộ	2
	Vật liệu: Gang			
3	Thanh trượt + xích kéo	Việt Nam	Bộ	2
	Vật liệu: Inox			
4	Biến tần điều khiển bơm, công suất 5,5kW	Yasakawa - Nhật	Bộ	2
	Mã hiệu: CIMR-AT4A0018FAA			
5	Máy khuấy chìm	Faggiolati - Ý	Bộ	2
	Công suất: 3,2kW			
	Điện áp: 400V/3pha/50Hz			
	Mã hiệu: GM30B610R1-4T6KA2			
6	Thanh trượt + xích kéo máy khuấy chìm	Việt Nam	Bộ	4
	Vật liệu: Inox			
7	Đồng hồ đo lưu lượng điện từ	Siemens - Pháp	Bộ	1
	Đo lưu lượng tức thời và lưu lượng tổng			
	Kiểu: điện từ			
	Phiên bản: Compact			
	Mặt đồng hồ hiển thị:			
	Cấp độ bảo vệ: IP67/Nema4X/6			
	Vỏ bao bên ngoài: Polyamid			
	Màn hình hiển thị			

STT	HẠNG MỤC	XUẤT XỨ	DVT	SỐ LƯỢNG
	Nguồn: 115-230V AC 50/60Hz			
	Mã hiệu: 7ME6910-1AA10-1AA0			
	Thân đồng hồ			
	DN 150			
	Mã hiệu: 7ME6520-4HC12-2AA1			
8	Phao kiểm soát mức nước	Mac3 - Ý	Bộ	1
	- Nhiệt độ hoạt động: $0^{\circ} \div 50^{\circ}\text{C}$			
	- Nhiệt độ môi trường: $-10^{\circ}\text{C} \div 60^{\circ}\text{C}$			
	- Cấp độ bảo vệ: IP68			
	- Chứng chỉ tiêu chuẩn: ENEC/CE			
	- Áp lực chịu được: 1bar			
	- Kích thước: 106x154x54 mm			
	- Vật liệu: Polypropylene			
	Mã hiệu: H07RN-F 3x1			
IV	BỂ TRUNG HÒA			
1	Đĩa phân phối khí tinh	EDI - Mỹ	Bộ	2
	Kiểu: Đĩa, Bọt mịn			
	Lưu lượng thiết kế: $0-9,5 \text{ m}^3/\text{h}$			
	Đường kính: 277 mm (9 inches)			
	Đầu nổi: ren 27 mm			
	Vật liệu: Màng: EPDM (hoặc Polyurethan); Khung: PVC/ABS			
2	Bơm định lượng hóa chất Axit, NaOH, Dinh dưỡng	OBL - Ý	Bộ	6

STT	HẠNG MỤC	XUẤT XỨ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	Công suất: 0,37kW			
	Điện áp: 380V/3pha/50Hz			
	Lưu lượng: $Q = 420\text{l/h} \times 6\text{bar}$			
	Vật liệu: Đầu bơm: PP; Màng bơm: Teflon			
	Mã hiệu: M421PPSV			
	Ghi chú: 02 máy hoạt động luân phiên/ hóa chất			
3	Bồn chứa hóa chất Dinh dưỡng	Việt Nam	Bộ	1
	Dung tích: $V = 2\text{ m}^3$			
	Vật liệu: PE			
	Ghi chú: Bồn chứa hóa chất Axit, NaOH tận dụng hiện hữu			
4	Motor khuấy hoá chất NaOH, Dinh dưỡng	Nord - Đức	Bộ	2
	Công suất: 0,75kW			
	Điện áp: 380V/3pha/50Hz			
	Tốc độ quay: 119 vòng/phút			
	Mã hiệu: SK01F-80L/4			
5	Bộ cánh khuấy hoá chất NaOH, Dinh dưỡng	Việt Nam	Bộ	2
	Vật liệu: Inox 304			
6	Bộ hiển thị pH	Horiba - Nhật	Bộ	1
	Dãy đo: pH = 0 - 14			
	Độ chính xác: $\pm 0,01\text{pH}$			

STT	HẠNG MỤC	XUẤT XỨ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	Nhiệt độ hoạt động: 0 - 100°C			
	Điều khiển: 2 relay ON/OFF			
	Ngõ ra: 4 – 20 mA			
	Nguồn: 24 VDC			
	Mã hiệu: HP - 300			
7	Đầu dò pH	Horiba - Nhật	Bộ	1
	Mã hiệu: 6108 - 50B			
V	BỂ ANOXIC			
1	Máy khuấy chìm	Faggiolati - Ý	Bộ	4
	Công suất: 1,4 kW			
	Điện áp: 380 V/3 pha/50 Hz			
	Mã hiệu: GM18B471T1-4T6KA1			
	Ghi chú: 02 bộ hoạt động, 02 bộ dự phòng			
2	Thanh trượt + xích kéo máy khuấy chìm	Việt Nam	Bộ	4
	Vật liệu: Inox			
VI	BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ			
1	Máy thổi khí	Taiko - Kikai - Nhật	Bộ	2
	Công suất: 37kW			
	Điện áp: 380V/3pha/50Hz			
	Lưu lượng: Q = 24,4 m ³ /phút, P = 55kPa			

STT	HẠNG MỤC	XUẤT XỨ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	Phụ kiện đi kèm: Giám âm đầu hút; đầu dây; Van 1 chiều; Van an toàn; Khung đế; Pully motor; Pully đầu thổi; V-Belt; Belt cover; Khớp nối mềm; đồng hồ đo áp suất;			
	Motor: Enertech-Úc			
	Mã hiệu: SSR-150			
	Ghi chú: Nhà máy sản xuất tại Trung Quốc, 02 máy hoạt động luân phiên			
2	Biến tần điều khiển máy thổi khí, công suất 37kW	Yasakawa - Nhật	Bộ	2
	Mã hiệu: CIMR-AT4A0088AAA			
3	Đĩa phân phối khí tinh	EDI - Mỹ	Bộ	203
	Kiểu: Đĩa, Bọt mịn			
	Lưu lượng thiết kế: 0-9,5 m ³ /h			
	Đường kính: 277mm (9 inches)			
	Đầu nối: ren 27mm			
	Vật liệu: Màng: EPDM (hoặc Polyurethan); Khung: PVC/ABS			
4	Bơm chìm tuần hoàn nước thải	Zenit - Ý	Bộ	2
	Công suất: 7,5kW			
	Điện áp: 380V/3pha/50Hz			
	Lưu lượng: Q = 167 m ³ /h x 8,5m			
	Mã hiệu: DRG 1000/4/80 D0GT5			
	Ghi chú: 2 máy hoạt động luân phiên			
5	Khớp nối bơm tự động	Việt Nam	Bộ	2

STT	HẠNG MỤC	XUẤT XỨ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	Vật liệu: Gang			
6	Thanh trượt + xích kéo	Việt Nam	Bộ	2
	Vật liệu: Inox			
7	Thiết bị đo chỉ tiêu DO	Horiba - Nhật	Bộ	1
	Loại: đặt ngoài trời			
	Bộ hiển thị DO			
	Dây đo: 0-20 mg/l			
	Độ chính xác: +DO 0,01			
	Ngõ ra: 4-20mA			
	Nguồn: 24 VDC			
	Mã hiệu: HD-300			
	Đầu dò DO			
	Mã hiệu: 5505			
VII	BỂ LẮNG Bùn SINH HỌC			
1	Motor hộp số giảm tốc	Nord - Đức	Bộ	1
	Công suất: 0,37kW			
	Điện áp: 400V/3pha/50Hz			
	Tốc độ quay: 3,8 vòng/phút			
	Mã hiệu: SK43-71L/4			
2	Hệ thống gạt bùn	Việt Nam	Bộ	1
	Kích thước: RxH = 6m x5m			
	Vật liệu: Inox 304			
3	Thiết bị hướng dòng - ống trung	Việt Nam	Bộ	1

STT	HẠNG MỤC	XUẤT XỨ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	tấm			
	Kích thước: D x H = 2,4m x 2,0m			
	Vật liệu: Inox 304, dày 1,5mm			
4	Máng thu nước rãnh cửa	Việt Nam	Bộ	1
	Kích thước: L x H = 44,81,6m x 0,2m			
	Vật liệu: Inox 304, dày 1,5mm			
5	Tấm chắn bọt	Việt Nam	Bộ	1
	Kích thước: L x H = 44,8m x 0,2m			
	Vật liệu: Inox 304, dày 1,5mm			
VIII	BÊ BƠM Bùn SINH HỌC			
1	Bơm bùn tuần hoàn nhúng chìm	Zenit - Ý	Bộ	2
	Công suất: 3,7kW			
	Điện áp: 380V/3pha/50Hz			
	Lưu lượng: Q = 42 m ³ /h x 13m			
	Mã hiệu: DRG 250/2/65 B0AT5			
	Ghi chú: 2 máy hoạt động luân phiên			
2	Khớp nối bơm tự động	Việt Nam	Bộ	2
	Vật liệu: Gang			
3	Thanh trượt + xích kéo bơm	Việt Nam	Bộ	2
	Vật liệu: Inox			
4	Bơm bùn dư nhúng chìm	Zenit - Ý	Bộ	2
	Công suất: 0,88kW			
	Điện áp: 380V/3pha/50Hz			
	Lưu lượng: Q = 12 m ³ /h x 8m			

STT	HẠNG MỤC	XUẤT XỨ	DVT	SỐ LƯỢNG
	Mã hiệu: DGO 100/2/G50			
	Ghi chú: 2 máy hoạt động luân phiên			
5	Khớp nối bơm tự động	Việt Nam	Bộ	2
	Vật liệu: Gang			
6	Thanh trượt + xích kéo bơm	Việt Nam	Bộ	2
	Vật liệu: Inox			
IX	BỂ KEO TỤ - TẠO BÔNG			
1	Motor khuấy bể keo tụ	Nord - Đức	Bộ	1
	Công suất: 2,2kW			
	Điện áp: 400V/3pha/50Hz			
	Tốc độ quay: 49 vòng/phút			
	Mã hiệu: SK42F-100L/4			
2	Motor khuấy bể tạo bông	Nord - Đức	Bộ	2
	Công suất: 2,2kW			
	Điện áp: 400V/3pha/50Hz			
	Tốc độ quay: 20 vòng/phút			
	Mã hiệu: SK52F-100L/4			
3	Bộ cánh khuấy bể keo tụ	Việt Nam	Bộ	1
	Vật liệu: Inox 304			
4	Bộ cánh khuấy bể tạo bông	Việt Nam	Bộ	2
	Vật liệu: Inox 304			
5	Bơm định lượng hóa chất PAC, Polymer 1	OBL - Ý	Bộ	4
	Công suất: 0,37kW			

STT	HẠNG MỤC	XUẤT XỨ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	Điện áp: 380V/3pha/50Hz			
	Lưu lượng: Q = 420l/h x 6bar			
	Vật liệu: Đầu bơm: PP; Màng bơm: Teflon			
	Mã hiệu: M421PPSV			
	Ghi chú: 02 máy hoạt động luân phiên/ hóa chất			
6	Bồn chứa hóa chất PAC, Polymer I	Việt Nam	Bộ	2
	Dung tích: V = 2 m ³			
	Vật liệu: PE			
7	Motor khuấy hoá chất	Nord - Đức	Bộ	2
	Công suất: 0,75kW			
	Điện áp: 380V/3pha/50Hz			
	Tốc độ quay: 119vòng/phút			
	Mã hiệu: SK01F-80L/4			
8	Bộ cánh khuấy hoá chất	Việt Nam	Bộ	2
	Vật liệu: Inox 304			
X	BỂ LẮNG Bùn HOÁ LÝ			
1	Motor hộp số giảm tốc	Nord - Đức	Bộ	1
	Công suất: 0,37kW			
	Điện áp: 400V/3pha/50Hz			
	Tốc độ quay: 0,038 vòng/phút			
	Mã hiệu: SK5382VF-IEC 80+ SK01F-71L/4			
2	Hệ thống gạt bùn	Việt Nam	Bộ	1

STT	HẠNG MỤC	XUẤT XỨ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	Kích thước: D x H = 8,5m x 4,7m			
	Vật liệu: Inox 304			
3	Thiết bị hướng dòng - ống trung tâm	Việt Nam	Bộ	1
	Kích thước: D x H = 1,7m x 2,0m			
	Vật liệu: Inox 304, dày 1,5mm			
4	Máng thu nước răng cưa	Việt Nam	Bộ	1
	Kích thước: L x H = 30,9m x 0,2m			
	Vật liệu: Inox 304, dày 1,5mm			
5	Tấm chắn bọt	Việt Nam	Bộ	1
	Kích thước: L x H = 30,9m x 0,2m			
	Vật liệu: Inox 304, dày 1,5mm			
6	Bơm bùn trục ngang	Sacr - Ý	Bộ	2
	Công suất: 0,75kW			
	Điện áp: 380V/3pha/50Hz			
	Lưu lượng: Q = 10 m ³ /h x 10m			
	Mã hiệu: AP/97-B			
	Ghi chú: 02 máy hoạt động luân phiên			
XI	BỂ KHỬ TRÚNG			
1	Bơm định lượng hóa chất Chlorine	OBL - Ý	Bộ	2
	Công suất: 0,37kW			
	Điện áp: 380V/3pha/50Hz			
	Lưu lượng: Q = 420l/h x 6bar			
	Vật liệu: Đầu bơm: PP; Màng bơm: Teflon			

STT	HẠNG MỤC	XUẤT XỨ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	Mã hiệu: M421PPSV			
	Ghi chú: 02 máy hoạt động luân phiên/ hóa chất			
2	Bồn chứa hóa chất Chlorine	Việt Nam	Bộ	1
	Dung tích: $V = 2 \text{ m}^3$			
	Vật liệu: PE			
3	Motor khuấy hoá chất	Nord - Đức	Bộ	1
	Công suất: 0,75kW			
	Điện áp: 380V/3pha/50Hz			
	Tốc độ quay: 119vòng/phút			
	Mã hiệu: SK01F-80L/4			
4	Bộ cánh khuấy hoá chất	Việt Nam	Bộ	1
	Vật liệu: Inox 304			
XII	BỂ NÉN BÙN			
1	Motor hộp số giảm tốc	G7	Bộ	1
	Công suất: 0,12kW			
	Điện áp: 400V/3pha/50Hz			
	Tốc độ quay: 0,14 vòng/phút			
	Mã hiệu: SK3382VF-IEC 80+ SK01F-63S/4			
2	Hệ thống gạt bùn	Việt Nam	Bộ	1
	Kích thước: D x H = 4,5m x 5m			
	Vật liệu: Inox 304			
3	Thiết bị hướng dòng - ống trung tâm	Việt Nam	Bộ	1

STT	HẠNG MỤC	XUẤT XỨ	DVT	SỐ LƯỢNG
	Kích thước: D x H = 0,9m x 2,0m			
	Vật liệu: Inox 304, dày 1,5mm			
4	Máng thu nước răng cưa	Việt Nam	Bộ	1
	Kích thước: L x H = 15,6m x 0,2m			
	Vật liệu: Inox 304, dày 1,5mm			
5	Bơm bùn trực vít	Netzsch - Đức	Bộ	2
	Loại: bơm trực vít			
	Công suất: 2,2kW			
	Điện áp: 380V/3pha/50Hz			
	Lưu lượng: Q = 5-9 m ³ /h x 2bar			
	Mã hiệu: NM 038 BY 01P 05B			
	Ghi chú: Nhà máy sản xuất tại Ấn Độ, 02 máy hoạt động luân phiên			
XIII	HỆ XỬ LÝ Bùn			
1	Công suất: 5-9 m ³ /h	Thiết bị Đài Loan, lắp ráp Việt Nam	Bộ	1
	Kích thước băng tải: 1500mm			
	Thân máy: Inox 304			
	Trục máy: Inox 304			
	Motor trộn: 1Hp			
	Motor hộp số Drive kéo băng tải: 2Hp			
	Motor trống vắt: 1Hp (Drum Thickener)			
	Drum thickener vắt nước sơ bộ			
	Thùng khuấy hóa chất: Inox 304			

STT	HẠNG MỤC	XUẤT XỨ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	Hệ thống máng thu nước: Inox 304			
	Hệ thống rửa băng tải: 1 bộ			
	Chỉnh băng tự động bằng pen khí			
2	Bơm hóa chất Polymer 2	Netzsch - Đức	Bộ	2
	Loại: bơm trục vít			
	Công suất: 0,75kW			
	Điện áp: 380V/3pha/50Hz			
	Lưu lượng: $Q = 1000\text{l/h} \times 2\text{bar}$			
	Mã hiệu: NM 021 BY 01 L 06 B			
	Ghi chú: Nhà máy sản xuất tại Ấn Độ, 02 máy hoạt động luân phiên			
3	Máy nén khí	Swan - Thái Lan	Bộ	1
	Công suất: 2,2kW			
	Điện áp: 380V/3pha/50Hz			
	Lưu lượng: $Q = 355\text{ l/phút}$			
	Áp suất làm việc: $P = 8\text{ kg/cm}^2$			
	Thể tích bình chứa: 106l			
	Mã hiệu: SVP-203			
4	Bơm rửa băng tải cao áp	Ebara - Ý	Bộ	1
	Công suất: 2,2kW			
	Lưu lượng: $Q = 8\text{ m}^3/\text{h} \times 55\text{m}$			
	Điện áp: 380V/3pha/50Hz			
	Mã hiệu: Matrix 10-6T/2.2			

STT	HẠNG MỤC	XUẤT XỨ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
5	Bảng tải dự phòng	Châu Á	Bộ	1
	Kích thước bảng tải: 1500mm			
XIV	HỆ THỐNG LAN CAN, SÀN CÔNG TÁC INOX		Hệ	1
	Vật liệu: Inox 304	Châu Á		
XV	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG		Hệ	1
	Ống dẫn nước thải, bùn ngập trong nước, không tiếp xúc với ánh sáng, ống hóa chất và phụ kiện: uPVC - Bình Minh hoặc tương đương; Ống dẫn nước thải, bùn, ống dẫn khí và phụ kiện: inox 304 Van: gang đúc hoặc nhôm đúc	Châu Á		
XVI	HỆ THỐNG ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN		Hệ	1
	Vỏ tủ điện Việt Nam - Việt Nam Linh kiện trong tủ điện: EU/Châu Á/G7 Lập trình PLC - Đức Cáp điện: Thái Thịnh hoặc tương đương Máng điện: Kẽm nhúng nóng	Châu Á, EU, G7		
XVII	HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG	Việt Nam	Hệ	1
XVIII	HỆ THỐNG CHỐNG SÉT	Việt Nam	Hệ	1

Nguồn: Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy, 2022.

Công ty đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động tại đầu ra từ năm 2018 gồm: Hệ thống camera giám sát bao gồm camera thân tại mương quan sát, camera xoay quan sát các hạng mục công trình xử lý nước thải và giám sát thiết bị đo, tủ lấy mẫu tự động, thiết bị quan trắc chất lượng 05 chỉ tiêu: Lưu lượng nước thải đầu ra, COD, TSS, pH, độ màu và được Trung tâm Quan trắc – Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường xác

nhận kết nối dữ liệu ở văn bản số 4441/STNMT-CCBVMT ngày 25 tháng 9 năm 2018.

Công ty đầu tư lắp đặt thêm thiết bị đo tự động đối với chỉ tiêu nhiệt độ, amoni, lưu lượng nước thải đầu vào và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận kết nối dữ liệu ở văn bản số 1734/STNMT-CCBVMT ngày 30 tháng 5 năm 2022.

2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Dự án không xử lý chất thải tại chỗ mà chỉ thu gom, phân loại, bố trí chỗ lưu giữ để chờ chuyển cho đơn vị vận chuyển xử lý có chức năng.

Chất thải rắn sinh hoạt có thành phần chủ yếu là thực phẩm dư thừa, bao bì nylon, giấy văn phòng, v.v... Lượng rác này chủ yếu phát sinh từ khu vực văn phòng. Khối lượng khoảng 1.235 kg/năm.

Đối với chất thải rắn sinh hoạt, công ty trang bị 1 thùng rác loại 50 lít để chứa chất thải thực phẩm, chất thải hữu cơ dễ phân hủy đặt tại khu vực văn phòng. Hằng ngày, đơn vị có chức năng sẽ đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

Công ty đã ký hợp đồng số 539-RTT/HĐ-KT/21 với Chi nhánh Xử lý Chất thải - Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương thu gom xử lý triệt để.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động của nhà máy được thể hiện trong bảng sau:

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng ^(*) (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	1
2	Giẻ lau, bao tay dính dầu, dính hóa chất thải	Rắn	18 02 01	7
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	2
4	Bao bì đựng hóa chất, dầu nhớt thải	Rắn	18 01 01	152
5	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Rắn	12 06 06	55.355
Tổng cộng				55.517

Nguồn: Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy, 2022.

Ghi chú:

(^{*)}: khối lượng CTNH phát sinh được lấy từ số liệu thống kê lượng CTNH thực tế phát sinh lớn nhất trong 2 năm 2020, 2021 của trạm xử lý.

Đối với chất thải nguy hại, Công ty phân loại thu gom và lưu giữ tại nhà kho CTNH theo đúng thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 về Quản lý chất thải nguy hại.

Chất thải rắn nguy hại được chứa trong thùng nhựa HDPE, có dán mã số phân loại, có nắp đậy thể tích 240 lít, số lượng 7 thùng.

Khu công nghiệp đã xây dựng một nhà kho, có mái che và tường bao để lưu chứa các chất thải nguy hại như: bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in, bùn thải từ HTXLNT... với diện tích 64 m²; cao 3 m; bên trong có phân khu chức năng từng cụm lưu chứa từng loại chất thải khác nhau. Khi khối lượng đủ lớn, KCN Kim Huy sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom.

Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước - Môi Trường Bình Dương - Xi nghiệp Xử lý chất thải tại hợp đồng số: 1652-RNH/HĐ-KT/19 ngày 26/09/2019 và Công ty TNHH Môi Trường Chân Lý theo hợp đồng số: 1872020/HĐXLCT.CL-KH vào tháng 12/2020 để thu gom xử lý toàn bộ lượng chất thải phát sinh.

Các công ty nằm trong Khu công nghiệp Kim Huy sẽ tự hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo đúng quy định.

4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

4.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục các sự cố của HTXLNT KCN Kim Huy

Để ngăn ngừa các sự cố môi trường đối với HTXLNT, KCN Kim Huy thực hiện các biện pháp sau:

- Đối với những máy móc thiết bị thường xuyên bị hỏng như motor, máy bơm nước... Công ty luôn có thiết bị dự phòng nhằm thay thế khi cần thiết. Thời gian khắc phục sự cố khoảng 5 giờ kể từ lúc phát sinh sự cố.
- Đối với những máy móc thiết bị ít gặp sự cố như bồn hóa chất, hệ thống phân phối khí... Công ty áp dụng các biện pháp sau:
 - + Thường xuyên kiểm tra tình trạng vận hành của các máy móc thiết bị.
 - + Định kỳ bảo dưỡng và thay thế khi đến kỳ hạn bảo dưỡng.
- Khi có sự cố mất điện, khu sẽ sử dụng máy phát điện dự phòng để duy trì hoạt động của hệ thống xử lý.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố về điện động lực và điện điều khiển, chuyển qua chế độ vận hành bằng tay trong khi chờ khắc phục sự cố.
- Đối với hàm lượng kim loại nặng đầu vào HTXLNT, Chủ đầu tư sẽ áp dụng biện pháp kiểm soát tại nguồn phát sinh, cụ thể như sau:
 - + Thường xuyên theo dõi, giám sát chất lượng nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp thông qua kết quả quan trắc hằng quý.
 - + Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải đầu vào HTXLNT của KCN thông qua kết quả quan trắc hằng quý. Nếu phát hiện hàm lượng kim loại nặng tăng cao, Chủ đầu tư sẽ tìm hiểu nguyên nhân, lấy mẫu kiểm tra các doanh nghiệp phát sinh kim loại nặng. Đồng thời yêu cầu doanh nghiệp gây ô nhiễm có biện pháp khắc phục ngay lập tức. Trường hợp không thể khắc phục ngay, KCN Kim Huy sẽ yêu cầu doanh nghiệp có kế hoạch tích nước thải tại chỗ, hoặc có phương án nhằm hạn chế phát sinh nước thải tạm thời.
 - + Trên thực tế, dựa trên số liệu tổng hợp từ báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2020, 2021 của KCN Kim Huy, lượng kim loại nặng trong nước thải đầu vào khá thấp so với giá trị cho phép, không ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý của quá trình sinh học.

Bảng III-5. Giá trị cho phép của các nồng độ các chất độc hại có trong nước thải trước khi vào nhà máy xử lý bằng phương pháp sinh học

Tên gọi	Đầu vào (2020)	Đầu vào (2021)	Nồng độ cao nhất cho phép (mg/l)	
			Khử BOD	Nitrat hóa
NH ₃	-	< 0,14	480	-
As	< 0,00025	< 0,0003	0,1	-
Cd	< 0,014	0,0017	10 – 100	-
Fe	-	0,9	1.000	-
Pb	0,0036	< 0,0008	0,1	0,5
Hg	< 0,0003	< 0,0003	0,1 – 5	-

Nguồn: Tính toán thiết kế các công trình xử lý nước thải, Trịnh Xuân Lai, 2009

Nhận xét:

Hàm lượng kim loại nặng trong nước thải đầu vào HTXLNT tập trung KCN Kim Huy rất thấp, không làm ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý của vi sinh vật.

❖ **Khắc phục sự cố khi nước thải đầu ra xử lý không đạt theo quy chuẩn cho phép:**

Nếu kết quả kiểm tra chất lượng nước thải sau xử lý cho thấy chất lượng nước thải không đạt quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra nguồn tiếp nhận, Công ty TNHH phát triển Khu công nghiệp Kim Huy sẽ áp dụng đồng bộ các giải pháp ứng phó sự cố theo trình tự sau đây:

Bước 1: Tạm thời ngưng toàn bộ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, thông báo cho Ban giám đốc. Đồng thời, tiến hành hồi lưu toàn bộ nước thải không đạt tiêu chuẩn về bể điều hòa có kích thước (15,9 x 13,9 x 5) để tiến hành xử lý lại (hồi lưu nước thải bằng bơm sãn có trong hệ thống xử lý nước thải hoặc bơm dự phòng nếu cần thiết).

Bước 2: Xác định nguyên nhân

Có thể do hai nguyên nhân sau:

- Lỗi do quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải không đúng yêu cầu thiết kế.
- Thiết bị xử lý nước thải bị hư hỏng.

Bước 3: Xử lý sự cố

- Nếu lỗi do quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải không đúng yêu cầu thiết kế thì: tiến hành hiệu chỉnh lại chế độ vận hành, các thông số vận hành của hệ thống xử lý nước thải cho đúng với tiêu chuẩn thiết kế. Việc làm này sẽ không mất nhiều thời gian (chỉ khoảng 30 phút), vì thông thường sự cố này là do sự thiếu trách nhiệm của ca trực vận hành, nên sự cố trong trường hợp này công ty hoàn toàn có thể khống chế và khắc phục trong thời gian ngắn, đảm bảo không ảnh hưởng đến việc tiếp nhận nước thải của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp. Đồng thời, Công ty cũng sẽ có biện pháp xử lý kỷ luật đối với ca trực vận hành để xảy ra sự cố này.
- Nếu lỗi do thiết bị xử lý nước thải bị hư hỏng: tiến hành ngay việc thay thế bằng thiết bị dự phòng, đồng thời đem thiết bị bị hư hỏng đi sửa chữa ngay lập tức. Việc làm này sẽ không mất nhiều thời gian (tối đa chỉ khoảng 60 phút), vì công ty luôn có nhân sự phụ trách bảo trì, bảo dưỡng thiết bị riêng, trình độ chuyên môn cao, việc phối hợp sửa chữa thiết bị nhịp nhàng nên sự cố trong trường hợp này công ty hoàn toàn có thể khống chế và khắc phục trong thời gian ngắn, đảm bảo không ảnh hưởng đến việc tiếp nhận nước thải của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.

Bước 4: Dưa hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định bình thường trở lại, sau đó báo cáo Ban chỉ huy về kết quả xử lý sự cố.

Bước 5: Khắc phục thiệt hại từ sự cố (nếu có), phòng ngừa sự cố trong tương lai:

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương trong việc cải tạo nước suối Chợ (suối Con), suối Cái và sông Đồng Nai trong trường hợp nước

mặt của nguồn tiếp nhận nước thải của Công ty bị ô nhiễm do tiếp nhận nước thải từ HTXLNT KCN Kim Huy.

- Đền bù thiệt hại và nộp phí bảo vệ môi trường trong trường hợp nguồn nước mặt bị ô nhiễm được xác định là do sự cố từ HTXLNT KCN Kim Huy.
- Chương trình vận hành và bảo dưỡng HTXLNT cứ sau 3 năm sẽ được cập nhật.
- Thực hiện tốt việc quan trắc hệ thống xử lý.
- Thiết lập và tập huấn cho nhân viên vận hành về phương án ứng cứu sự cố đối với HTXLNT.

Một số sự cố thường gặp khác được liệt kê trong bảng III-5 sau:

Bảng III-6. Các sự cố thường gặp của hệ thống xử lý nước thải

MÔ TẢ	NGUYÊN NHÂN CÓ THỂ	BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC
Hệ thống không khởi động được	CB tổng tủ điện chưa bật	Bật CB tổng tủ điện
	Kiểm tra nguồn điện	Đo điện áp nguồn vào tủ điện
Bơm không làm việc	Mức nước cạn	Bình thường
	Bơm bị Overload	Kiểm tra bơm
	Thiết bị đóng cắt bị hư hỏng	Kiểm tra và thay thế thiết bị đóng cắt
	Sensor báo mức nước bị hư	Kiểm tra và thay thế sensor
Bơm chạy không dừng	Sensor báo mức nước bị hư	Kiểm tra, vệ sinh điện cực hoặc thay thế sensor
Máy bơm làm việc nhưng có tiếng kêu gầm	Điện nguồn mất pha đưa vào motor	Kiểm tra và khắc phục lại nguồn điện.
	Cánh bơm bị chèn bởi các vật cứng	Tháo các vật bị chèn ra khỏi cánh bơm
	Hộp giảm tốc bị thiếu dầu mỡ...	Kiểm tra hoặc bổ sung thêm, hoặc thay nhớt mới.
	Bị chèn các vật lạ có kích thước lớn vào buồng bơm trực vít	Kiểm tra, vệ sinh sạch sẽ
Máy bơm hoạt động nhưng không lên nước.	Ngược chiều quay	Đảo lại chiều quay.
	Van đóng mở bị nghẹt, hoặc hư hỏng	Kiểm tra phát hiện và khắc phục lại, nếu hư hỏng phải thay van mới

MÔ TẢ	NGUYÊN NHÂN CÓ THỂ	BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC
	Đường ống bị tắc nghẽn	Kiểm tra phát hiện chỗ bị nghẽn và khắc phục lại
	Chưa mở van	Mở van
	Rách màng bơm	Thay màng bơm mới
Lưu lượng bơm bị giảm	Bị nghẹt rác	Kiểm tra vệ sinh sạch sẽ
	Mức nước bị cạn	Tắt bơm ngay
	Nguồn điện cung cấp không đúng	Kiểm tra nguồn điện và khắc phục
	Màng bơm bị đóng cặn	Tháo và rửa sạch
Máy bơm làm việc với dòng điện vượt quá giá trị ghi trên nhãn máy	Điện áp thấp dưới quy định.	Tắt máy khắc phục lại tình trạng điện áp
	Tắt máy khắc phục lại tình trạng điện áp.	Sấy nâng cao độ cách điện
	Bị sự cố về cơ khí: bánh răng, vòng bi,...	Phát hiện chỗ hư hỏng về cơ để khắc phục
Máy thổi khí không làm việc	Máy thổi khí bị Overload	Kiểm tra máy thổi khí
	Thiết bị đóng cắt bị hư hỏng	Kiểm tra và thay thế thiết bị đóng cắt
Đèn TRIP sáng	Lựa chọn rơle nhiệt không phù hợp	Thay thế rơle nhiệt thích hợp
	Ngắn mạch	Sửa chữa hoặc thay thế đoạn mạch hỏng
	Bơm hư hoặc bơm không phù hợp	Thay bơm phù hợp
PLC có tín hiệu điều khiển nhưng thiết bị không hoạt động	Contactơ bị hư, đứt dây dẫn	Kiểm tra hoặc thay mới

Để hạn chế những sự cố do hệ thống xử lý gây ra, ngoài việc phải kiểm tra, bảo trì hệ thống thường xuyên, một số biện pháp được áp dụng để hạn chế đến mức thấp nhất những tác hại. Bên cạnh đó, trong quá trình thiết kế hệ thống xử lý nước thải tập trung, chủ đầu tư đã tính toán thiết kế hệ số an toàn của các công trình rất cao, đầu tư các thiết bị dự phòng trong trường hợp xảy ra sự cố.

Công ty thiết lập bộ phận chuyên trách theo dõi quá trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải, nếu có vấn đề về kỹ thuật sẽ tiến hành kiểm tra sửa chữa để hệ thống vận hành liên tục và trong tình trạng hoạt động tốt. Trong trường hợp sự cố thiết bị, sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

Bảng III-7. Khắc phục các sự cố hư hỏng thiết bị, máy móc

STT	Hư hỏng	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
1	Máy bơm không làm việc	Không có nguồn điện cung cấp đến.	Kiểm tra nguồn điện, cấp điện.
2	Máy bơm làm việc nhưng có tiếng kêu gầm	Điện nguồn mất pha đưa vào motor. Cánh bơm bị chèn bởi các vật cứng.	Kiểm tra và khắc phục lại nguồn điện. Tháo các vật bị chèn cứng ra khỏi cánh bơm.
3	Máy bơm hoạt động nhưng không lên nước	Ngược chiều quay. Van đóng mở bị nghẹt, hoặc hư hỏng. Đường ống bị tắc nghẽn. Chưa mở van. Rách màng bơm.	Đảo lại chiều quay. Kiểm tra phát hiện và khắc phục lại, nếu hư hỏng phải thay van mới. Kiểm tra phát hiện chỗ bị nghẹt và khắc phục lại. Mở van. Thay màng bơm khác.
4	Lưu lượng bơm bị giảm	Bị nghẹt rác ở cánh bơm, van, đường ống. Mực nước bị cạn. Nguồn điện cung cấp không đúng. Màng bơm bị đóng cặn.	Kiểm tra, khắc phục lại. Tắt bơm ngay. Kiểm tra nguồn điện và khắc phục. Tháo và rửa sạch bằng xà phòng hoặc dung dịch đặc biệt
5	Máy bơm làm việc với dòng điện vượt quá giá trị ghi trên nhãn máy	Điện áp thấp dưới quy định Độ cách điện của bơm giảm quá quy định. Bị sự cố về cơ khí: bánh	Tắt máy, khắc phục lại tình trạng điện áp. Sấy nâng cao độ cách điện. Phát hiện chỗ hư hỏng về cơ

STT	Hư hỏng	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
		răng, vòng bị,...	để khắc phục.

❖ **Sự cố tràn đổ hóa chất:**

- Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:
 - + Công ty có hệ thống thông gió để khống chế sự bay hơi và phân tán trong khu vực làm việc. Sau đó, cô lập vùng bị tràn hoá chất nguy hiểm, chứa hoặc lấy lại hoá chất nếu có thể và không để tràn hoá chất vào cống thoát nước. Những chất còn lại do tràn, rò rỉ thì đặt trong thùng chứa thích hợp để đem tiêu huỷ.
- Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:
 - + Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng không thể kiểm soát cơ khí, thì sử dụng mặt nạ phòng độc. Thông gió tốt để khống chế sự bay hơi và phân tán trong khu vực làm việc. Sau đó, cô lập vùng bị tràn hoá chất nguy hiểm, chứa hoặc lấy lại hoá chất nếu có thể và không để tràn hoá chất vào cống thoát nước. Những chất còn lại do tràn, rò rỉ thì đặt trong thùng chứa thích hợp để đem tiêu huỷ.
- Biện pháp an toàn khi vận chuyển hóa chất
 - + Công ty bố trí nhân viên vận chuyển là người biết rõ tính chất hoá lý của hóa chất, biện pháp đề phòng và giải quyết các sự cố, khi đi theo hàng hóa, nhân viên vận chuyển phải mang theo đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân.
 - + Trước khi hàng đến ga, cảng, cơ quan vận chuyển phải thông báo cho cơ quan nhận biết để có kế hoạch tiếp nhận kịp thời.
 - + Trước khi xếp hoá chất nguy hiểm lên phương tiện vận chuyển, người có hàng và người phụ trách phương tiện vận chuyển phải cùng kiểm tra, nếu phương tiện vận chuyển đảm bảo an toàn mới được xếp hàng lên.
 - + Ngoài ra, khi hóa chất được nhập về cần phải biết rõ về tính chất từng loại để phân loại thu gom lưu trữ trong khu vực riêng để tránh xảy ra những sự cố.
- Các biện pháp khác
 - + Công nhân có tiếp xúc với hóa chất đều được hướng dẫn các biện pháp an toàn khi sử dụng hóa chất.
 - + Khi làm việc với hóa chất, công nhân vận hành phải mang các dụng cụ an toàn cá nhân như khẩu trang, kính, găng tay...

- + Các dụng cụ sơ cấp cứu như dụng cụ rửa mắt luôn được đặt tại vị trí gần nơi công nhân vận hành tiếp xúc với hóa chất.

❖ **Sự cố cháy nổ**

- Các công nhân trực tiếp làm việc trong các nhà máy được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ.
- Xây dựng đội phòng chống cháy nổ đảm nhiệm cho toàn KCN.
- Đầu tư các thiết bị chống cháy nổ lại các khu vực kho chứa hàng hoá nhiên liệu. Bố trí hệ thống chống cháy nổ tại xung quanh khu vực KCN.
- Mỗi nhà máy, xí nghiệp sẽ có các trang thiết bị chống cháy nổ, nhằm ứng phó kịp thời khi sự cố xảy ra.
- Để đảm bảo kịp thời ứng phó với sự cố cháy nổ, dựa vào hệ thống cấp nước chính của khu quy hoạch, Chủ đầu tư sẽ bố trí các họng lấy nước chữa cháy D100, khoảng cách giữa các họng lấy nước chữa cháy là 150m/trụ. Lưu lượng cấp nước chữa cháy đảm bảo đủ 15 l/s cho một đám cháy, trong trường hợp xảy ra đồng thời một lúc là 2 đám cháy (TCVN 2662 - 1995).

5. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được thể hiện trong Bảng III-8 sau:

STT	Tên công trình bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Quyết định phê duyệt điều chỉnh của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM (nếu có)
			Mương quan trắc --> Hồ sinh học (hiện hữu) --> Cổng thoát nước chung của Khu liên hợp công nghiệp - đô thị - dịch vụ Bình Dương --> thoát ra sông Đồng Nai. Giải trình lý do thay đổi: HTXLNT giai đoạn 2 được thay đổi nhằm tối ưu hóa hiệu suất xử lý của vi sinh vật, đồng thời nâng cao hiệu quả xử lý Nitơ trong nước thải. Nước thải đầu ra của nhà máy luôn đảm bảo đạt quy chuẩn hiện hành QCVN 40:2011/BTNMT – cột A, $K_q = 0,9$ và $K_f = 1$.	

Nguồn: Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy, 2022.

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải (01 nguồn): nước thải đầu ra sau HTXLNT của KCN Kim Huy.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 1.860 m³/ngày.đêm.
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải đầu ra sau HTXLNT của KCN Kim Huy.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải được thể hiện trong bảng IV-1 sau:

Bảng IV-1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn nước thải đầu ra của KCN Kim Huy

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K _q = 0,9; K _t = 1)
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Độ màu	Pt-Co	50
3	pH	-	6-9
4	BOD	mg/L	27
5	COD	mg/L	67,5
6	TSS	mg/L	45
7	As	mg/L	0,045
8	Hg	mg/L	0,0045
9	Pb	mg/L	0,09
10	Cd	mg/L	0,045
11	Cr ⁶⁺	mg/L	0,045
12	Cr ³⁺	mg/L	0,18
13	Cu	mg/L	1,8
14	Zn	mg/L	2,7

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9; K_r = 1$)
15	Ni	mg/L	0,18
16	Mn	mg/L	0,45
17	Fe	mg/L	0,9
18	Tổng xianua	mg/L	0,063
19	Tổng phenol	mg/L	0,09
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	4,5
21	Sunfua	mg/L	0,18
22	Florua	mg/L	4,5
23	Amoni	mg/L	4,5
24	Tổng N	mg/L	18
25	Tổng P	mg/L	3,6
26	Clorua	mg/L	450
27	Clo dư	mg/L	0,9
28	Coliform	MPN/100ml	3.000

Nguồn: Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy, 2022.

- Vị trí, phương thức, chế độ xả thải:

- + Tọa độ xả nước thải vào suối Chợ: X: 12.16.989; Y: 06.86.243;
- + Địa chỉ: phường Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- + Phương thức xả thải: tự chảy;
- + Chế độ xả nước thải: 24h/ngày;
- + Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh Tân Vĩnh Hiệp - hồ Tân Vĩnh Hiệp – suối Chợ - suối Cái – sông Đồng Nai.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

❖ **Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh**

Bảng IV-2. Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng ^(*) (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	5
2	Giẻ lau, bao tay dính dầu, dính hóa chất thải	Rắn	18 02 01	10
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	5
4	Bao bì đựng hóa chất, dầu nhớt thải	Rắn	18 01 01	200
5	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Rắn	12 06 06	56.000
Tổng cộng				56.200

Bảng IV-3. Chủng loại, khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	1.300
Tổng khối lượng		1.300

Chủng loại, khối lượng chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại cần phải kiểm soát

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10 tháng 01 năm 2022.

❖ **Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại**

Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn nguy hại được chứa trong thùng nhựa HDPE, có dán mã số phân loại, có nắp đậy thể tích 240 lít, số lượng 7 thùng.

Khu vực lưu chứa:

Diện tích: 64 m²; cao 3 m;

Thiết kế, cấu tạo: có mái che và tường bao để lưu chứa các chất thải nguy hại như: bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in, bùn thải từ HTXLNT, bên trong có phân khu chức năng từng cụm lưu chứa từng loại chất thải khác nhau. Khi khối lượng đủ lớn, đơn vị có chức năng sẽ đến thu gom. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, có thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: 1 thùng rác loại 50 lít để chứa chất thải thực phẩm, chất thải hữu cơ dễ phân hủy đặt tại khu vực văn phòng. Hằng ngày, đơn vị có chức năng sẽ đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

Chương V.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Bảng V-1. Kết quả quan trắc nước thải năm 2020 của KCN Kim Huy

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Kết quả										QCVN 40:2011/BTNM, cột A, K _q = 0,9; K _t = 1
			Quý 1/2020		Quý 2/2020		Quý 3/2020		Quý 4/2020				
			Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra			
1	Nhiệt độ	°C	-	28,3	-	27,8	-	27,8	-	28,1	-	40	
2	Độ màu	Pt-Co	-	22	-	33	-	6	-	22	-	50	
3	pH	-	6,9	6,6	6,8	6,5	6,9	6,6	6,9	6,7	6-9		
4	BOD	mg/L	87	6	432	15	29	6	44	6	27		
5	COD	mg/L	202	13	950	31	70	13	97	13	67,5		
6	TSS	mg/L	61	16	105	6	44	7	35	16	45		
7	As	mg/L	<0,00025	<0,00025	<0,00025	<0,00025	<0,00025	<0,00025	<0,0003	<0,0003	0,045		
8	Hg	mg/L	<0,00024	<0,00024	<0,00024	<0,00024	<0,00024	<0,00024	<0,0003	<0,0003	0,0045		
9	Pb	mg/L	0,0036	0,001	<0,005	<0,005	0,0014	<0,0008	0,0011	<0,0003	0,09		
10	Cd	mg/L	<0,014	<0,014	<0,014	<0,014	<0,014	<0,014	0,0005	<0,0001	0,045		
11	Cr ⁶⁺	mg/L	-	<0,005	-	<0,005	-	<0,005	-	<0,005	0,045		
12	Cr ³⁺	mg/L	-	<0,06	-	<0,06	-	<0,06	-	<0,06	0,18		
13	Cu	mg/L	-	<0,03	-	<0,03	-	<0,03	-	<0,03	1,8		
14	Zn	mg/L	-	0,06	-	0,02	-	<0,01	-	0,03	2,7		

Chủ cơ sở: Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy
Địa điểm: phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Kết quả										QCVN 40:2011/BTNM, cột A, K _q = 0,9; K _f = 1
			Quý 1/2020		Quý 2/2020		Quý 3/2020		Quý 4/2020				
			Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra			
15	Ni	mg/L	35,8	< 0,03	35,8	< 0,03	-	< 0,03	-	< 0,03	-	< 0,03	0,18
16	Mn	mg/L	-	0,07	-	0,05	-	-	< 0,03	-	0,07	-	0,45
17	Fe	mg/L	-	0,1	-	0,03	-	-	0,03	-	0,38	-	0,9
18	Tổng xianua	mg/L	-	< 0,002	-	0,002	-	-	< 0,002	-	< 0,002	-	0,063
19	Tổng phenol	mg/L	-	< 0,001	-	< 0,001	-	-	< 0,001	-	0,001	-	0,09
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	< 0,3	< 0,3	< 0,3	< 0,3	< 0,3	< 0,3	< 0,3	< 0,3	< 0,3	< 0,3	4,5
21	Sunfua	mg/L	-	0,008	-	0,006	-	-	< 0,002	-	0,004	-	0,18
22	Florua	mg/L	-	3,8	-	1,66	-	-	0,41	-	2,95	-	4,5
23	Amoni	mg/L	-	0,35	-	0,56	-	-	< 0,14	-	1,82	-	4,5
24	Tổng N	mg/L	-	9,52	28	8,4	11,2	7	7	22,4	9,8	-	18
25	Tổng P	mg/L	1,73	0,24	1,34	0,05	1,8	0,05	0,05	1,5	0,03	-	3,6
26	Cl ⁻	mg/L	-	85,1	-	49,6	-	-	24,8	-	85,1	-	450
27	Cl _o dư	mg/L	-	< 0,26	-	< 0,26	-	-	< 0,26	-	< 0,26	-	0,9
28	Coliform	MPN/100ml	6.400	750	6.400	430	6.400	460	460	2.000	150	-	3.000

Nguồn: Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy, 2022.

Bảng V-2. Kết quả quan trắc nước thải năm 2021 của KCN Kim Huy

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Kết quả										QCVN 40:2011/BTNM, cột A, K _q = 0,9; K _f = 1
			Quý 1/2021		Quý 2/2021		Quý 3/2021		Quý 4/2021				
			Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra			
1	Nhiệt độ	°C	-	29,8	-	30,2	-	29,9	-	-	-	40	
2	Độ màu	Pt-Co	-	6	-	8	-	28	-	-	-	50	
3	pH	-	-	6,6	7,1	6,4	-	6,8	6,9	6,7	6-9		
4	BOD	mg/L	37	5	31	7	50	6	51	-	27		
5	COD	mg/L	88	13	70	13	110	13	119	26	67,5		
6	TSS	mg/L	66	6	21	6	32	11	29	8	45		
7	As	mg/L	<0,0003	<0,0003	<0,0003	<0,0003	<0,0003	<0,0003	<0,0003	<0,0003	0,045		
8	Hg	mg/L	<0,0003	<0,0003	<0,0003	<0,0003	<0,0003	<0,0003	<0,0003	<0,0003	0,0045		
9	Pb	mg/L	<0,0008	<0,0008	0,0016	<0,0008	0,001	<0,0008	0,0008	<0,0008	0,09		
10	Cd	mg/L	0,0017	0,0007	<0,0001	<0,0001	<0,0001	0,0004	0,0002	0,0003	0,045		
11	Cr ⁶⁺	mg/L	-	<0,005	-	<0,005	-	<0,005	-	<0,005	0,045		
12	Cr ³⁺	mg/L	-	<0,06	-	<0,06	-	<0,06	-	<0,06	0,18		
13	Cu	mg/L	-	<0,03	-	<0,03	-	<0,03	-	<0,03	1,8		
14	Zn	mg/L	-	0,03	-	0,05	-	0,06	-	0,07	2,7		
15	Ni	mg/L	-	0,03	-	<0,03	-	0,05	-	<0,03	0,18		
16	Mn	mg/L	-	0,04	-	0,13	-	<0,03	-	0,05	0,45		

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Kết quả										QCVN 40:2011/BTNM, cột A, $K_q = 0,9; K_f = 1$
			Quý 1/2021		Quý 2/2021		Quý 3/2021		Quý 4/2021				
			Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra			
17	Fe	mg/L	-	0,07	-	0,1	-	0,9	-	0,03	0,9		
18	Tổng xianua	mg/L	-	<0,002	-	<0,002	-	<0,002	-	<0,002	0,063		
19	Tổng phenol	mg/L	-	<0,001	-	<0,001	-	<0,001	-	<0,001	0,09		
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	<0,3	<0,3	<0,3	<0,3	<0,3	<0,3	<0,3	<0,3	4,5		
21	Sunfua	mg/L	-	<0,002	-	0,002	-	0,013	-	<0,002	0,18		
22	Florua	mg/L	-	7	-	4,25	-	1,16	-	2,11	4,5		
23	Amoni	mg/L	-	<0,14	-	<0,14	-	2,59	-	0,28	4,5		
24	Tổng N	mg/L	24,9	9,8	19,6	4,2	14	8,4	21	8,4	18		
25	Tổng P	mg/L	3,78	0,07	0,96	0,06	0,85	0,11	1,25	0,12	3,6		
26	Clorua	mg/L	-	58,5	-	106,5	-	62	-	74,4	450		
27	Clo dư	mg/L	-	<0,26	-	<0,26	-	<0,26	-	<0,26	0,9		
28	Coliform	MPN/100ml	2.800	210	1.500	390	3.900	230	6.400	430	3.000		

Nguồn: Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy, 2022.

Nhận xét:

Chất lượng nước thải đầu ra sau HTXLNT của KCN Kim Huy trong 2 năm 2020, 2021 đều đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9; K_f = 1$.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Bảng V-3. Kết quả quan trắc chất lượng không khí năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả					QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 06:2009/ BTNMT
			VT1	VT2	VT3	VT4	VT5			
Quý 1										
1	Bụi	µg/m ³	70	63	67	71	64	300	-	-
2	CO	µg/m ³	< 2500	< 2500	< 2500	< 2500	< 2500	30.000	-	-
3	SO ₂	µg/m ³	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	350	-	-
4	NO ₂	µg/m ³	16,1	16,1	16,2	17,3	17,5	200	-	-
5	H ₂ S	µg/m ³	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	-	-	42
6	NH ₃	µg/m ³	< 6	< 6	< 6	< 6	< 6	-	-	200
7	THC	µg/m ³	< 6	< 6	< 6	< 6	< 6	-	-	-
Quý 2										
1	Bụi	µg/m ³	91	70	63	92	92	300	-	-
2	CO	µg/m ³	< 2500	< 2500	< 2500	< 2500	< 2500	30.000	-	-
3	SO ₂	µg/m ³	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	350	-	-
4	NO ₂	µg/m ³	7,1	7,9	13,6	15,2	15,2	200	-	-
5	H ₂ S	µg/m ³	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	-	-	42
6	NH ₃	µg/m ³	< 6	< 6	< 6	< 6	< 6	-	-	200

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả					QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 06:2009/ BTNMT
			VT1	VT2	VT3	VT4	VT5			
7	THC	µg/m ³	< 6	< 6	< 6	< 6	< 6	-	-	-
Quý 3										
1	Bụi	µg/m ³	56	64	64	71	71	300	-	-
2	CO	µg/m ³	< 2500	< 2500	< 2500	< 2500	< 2500	30.000	-	-
3	SO ₂	µg/m ³	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	350	-	-
4	NO ₂	µg/m ³	12	12,2	12,2	12,3	12,3	200	-	-
5	H ₂ S	µg/m ³	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	-	-	42
6	NH ₃	µg/m ³	< 6	< 6	< 6	< 6	< 6	-	-	200
7	THC	µg/m ³	< 6	< 6	< 6	< 6	< 6	-	-	-
Quý 4										
1	Bụi	µg/m ³	78	71	92	64	78	300	-	-
2	CO	µg/m ³	< 2500	< 2500	< 2500	< 2500	< 2500	30.000	-	-
3	SO ₂	µg/m ³	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	350	-	-
4	NO ₂	µg/m ³	19,5	17,9	31,1	21,2	26,2	200	-	-
5	H ₂ S	µg/m ³	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	-	-	42
6	NH ₃	µg/m ³	7	8	< 6	6	6	-	-	200
7	THC	µg/m ³	< 6	< 6	< 6	< 6	< 6	-	-	-

Nguồn: Báo cáo kết quả quan trắc và công tác bảo vệ môi trường, 2020

Ghi chú:

Vị trí giám sát môi trường không khí xung quanh được ký hiệu:

- VT1: Ngã ba tạo lực 2B – Tạo lực 1
- VT2: Ngã ba HI – H2
- VT3: Ngã ba Tạo lực 4 – N7
- VT4: Công nhà máy xử lý nước thải
- VT5: Ngã ba tạo lực 2B – D1.

Nhận xét:

Tất cả các chỉ tiêu quan trắc môi trường không khí xung quanh năm 2020 của KCN đều đạt QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2016/BYT và QCVN 06:2009/BTNMT.

Bảng V-4. Kết quả quan trắc chất lượng không khí năm 2021

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả					QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 06:2009/ BTNMT
			VT1	VT2	VT3	VT4	VT5			
Quý 1										
1	Bụi	µg/m ³	78	71	85	57	78	300	-	-
2	CO	µg/m ³	< 2500	< 2500	< 2500	< 2500	< 2500	30.000	-	-
3	SO ₂	µg/m ³	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	350	-	-
4	NO ₂	µg/m ³	20,2	26,5	26,6	21,5	21,5	200	-	-
5	H ₂ S	µg/m ³	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	-	-	42
6	NH ₃	µg/m ³	< 6	< 6	< 6	< 6	< 6	-	-	200

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả					QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 06:2009/ BTNMT
			VT1	VT2	VT3	VT4	VT5			
7	THC	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 6	< 6	< 6	< 6	< 6	-	-	-
8	n-Hexan	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 6	< 6	< 6	< 6	< 6	-	-	-
9	n-Heptan	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 6	< 6	< 6	< 6	< 6	-	-	-
10	n-Octan	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 6	< 6	< 6	< 6	< 6	-	-	-
11	n-Decane	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 6	< 6	< 6	< 6	< 6	-	-	-
12	n-Dodecan	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 6	< 6	< 6	< 6	< 6	-	-	-
13	n-Nonane	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 6	< 6	< 6	< 6	< 6	-	-	-
14	VOCs	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	-	-	-
15	Toluen	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	-	-	-
16	Xylen	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	-	-	-
17	Styren	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	-	-	-
18	Benzen	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 3	< 3	< 3	< 3	< 3	-	-	-
Quý 2										
1	Bụi	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	78	71	71	57	71	300	-	-
2	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 2500	< 2500	< 2500	< 2500	< 2500	30.000	-	-
3	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	350	-	-
4	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	23,7	23,8	23,1	23,1	23,8	200	-	-
5	H ₂ S	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	-	-	42

Chủ cơ sở: Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy
Địa điểm: phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả					QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 06:2009/ BTNMT
			VT1	VT2	VT3	VT4	VT5			
6	NH ₃	µg/m ³	<6	<6	<6	<6	<6	-	-	200
7	THC	µg/m ³	<6	<6	<6	<6	<6	-	-	-
8	n-Hexan	µg/m ³	<6	<6	<6	<6	<6	-	-	-
9	n-Heptan	µg/m ³	<6	<6	<6	<6	<6	-	-	-
10	n-Octan	µg/m ³	<6	<6	<6	<6	<6	-	-	-
11	n-Decane	µg/m ³	<6	<6	<6	<6	<6	-	-	-
12	n-Dodecan	µg/m ³	<6	<6	<6	<6	<6	-	-	-
13	n-Nonane	µg/m ³	<6	<6	<6	<6	<6	-	-	-
14	VOCs	µg/m ³	<5	<5	<5	<5	<5	-	-	-
15	Toluen	µg/m ³	<5	<5	<5	<5	<5	-	-	-
16	Xylen	µg/m ³	<5	<5	<5	<5	<5	-	-	-
17	Styren	µg/m ³	<5	<5	<5	<5	<5	-	-	-
18	Benzen	µg/m ³	<3	<3	<3	<3	<3	-	-	-
Quý 3										
1	Bụi	µg/m ³	56	64	64	71	71	-	-	-
2	CO	µg/m ³	<2500	<2500	<2500	<2500	<2500	30.000	-	-
3	SO ₂	µg/m ³	<10	<10	<10	<10	<10	350	-	-
4	NO ₂	µg/m ³	12	12,2	12,2	12,3	12,3	200	-	-

Chủ cơ sở: Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy
Địa điểm: phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả					QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 06:2009/ BTNMT
			VT1	VT2	VT3	VT4	VT5			
5	H ₂ S	µg/m ³	<5	<5	<5	<5	<5	-	-	42
6	NH ₃	µg/m ³	<6	<6	<6	<6	<6	-	-	200
7	THC	µg/m ³	<6	<6	<6	<6	<6	-	-	-
8	n-Hexan	µg/m ³	<6	<6	<6	<6	<6	-	-	-
9	n-Heptan	µg/m ³	<6	<6	<6	<6	<6	-	-	-
10	n-Octan	µg/m ³	<6	<6	<6	<6	<6	-	-	-
11	n-Decane	µg/m ³	<6	<6	<6	<6	<6	-	-	-
12	n-Dodecan	µg/m ³	<6	<6	<6	<6	<6	-	-	-
13	n-Nonane	µg/m ³	<6	<6	<6	<6	<6	-	-	-
14	VOCs	µg/m ³	<5	<5	<5	<5	<5	-	-	-
15	Toluen	µg/m ³	<5	<5	<5	<5	<5	-	-	-
16	Xylen	µg/m ³	<5	<5	<5	<5	<5	-	-	-
17	Styren	µg/m ³	<5	<5	<5	<5	<5	-	-	-
18	Benzen	µg/m ³	<3	<3	<3	<3	<3	-	-	-
Quý 4										
1	Bụi	µg/m ³	78	71	92	64	78	300	-	-
2	CO	µg/m ³	<2500	<2500	<2500	<2500	<2500	30.000	-	-
3	SO ₂	µg/m ³	<10	<10	<10	<10	<10	350	-	-

Chủ cơ sở: Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy
Địa điểm: phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả					QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 06:2009/ BTNMT
			VT1	VT2	VT3	VT4	VT5			
4	NO ₂	µg/m ³	19,5	17,9	31,1	21,2	26,2	200	-	-
5	H ₂ S	µg/m ³	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	-	-	42
6	NH ₃	µg/m ³	7	8	< 6	6	6	-	-	200
7	THC	µg/m ³	< 6	< 6	< 6	< 6	< 6	-	-	-
8	n-Hexan	µg/m ³	< 6	< 6	< 6	< 6	< 6	-	-	-
9	n-Heptan	µg/m ³	< 6	< 6	< 6	< 6	< 6	-	-	-
10	n-Octan	µg/m ³	< 6	< 6	< 6	< 6	< 6	-	-	-
11	n-Decane	µg/m ³	< 6	< 6	< 6	< 6	< 6	-	-	-
12	n-Dodecan	µg/m ³	< 6	< 6	< 6	< 6	< 6	-	-	-
13	n-Nonane	µg/m ³	< 6	< 6	< 6	< 6	< 6	-	-	-
14	VOCs	µg/m ³	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	-	-	-
15	Toluen	µg/m ³	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	-	-	-
16	Xylen	µg/m ³	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	-	-	-
17	Styren	µg/m ³	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	-	-	-
18	Benzen	µg/m ³	< 3	< 3	< 3	< 3	< 3	-	-	-

Nguồn: Báo cáo kết quả quan trắc và công tác bảo vệ môi trường, 2021

Ghi chú:

Vị trí giám sát môi trường không khí xung quanh được ký hiệu:

- VT1: Ngã ba tạo lực 2B – Tạo lực 1
- VT2: Ngã ba H1 – H2
- VT3: Ngã ba Tạo lực 4 – N7
- VT4: Công nhà máy xử lý nước thải
- VT5: Ngã ba tạo lực 2B – D1.

Nhận xét:

Tất cả các chỉ tiêu quan trắc môi trường không khí xung quanh năm 2021 của KCN đều đạt QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2016/BYT và QCVN 06:2009/BTNMT.

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

❖ Quan trắc nước thải:

- Vị trí: nước thải sau hệ thống xử lý;
- Tần suất: 3 tháng/lần;
- Thông số giám sát: nhiệt độ, độ màu, pH, BOD, COD, TSS, As, Hg, Pb, Cd, Cr^{6+} , Cr^{3+} , Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, tổng xianua, tổng phenol, tổng dầu mỡ khoáng, florua, amoni, tổng N, tổng P, clorua, clo dư, coliform;
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9$; $K_r = 1$.

1.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

❖ Quan trắc nước thải:

- Vị trí: nước thải sau hệ thống xử lý;
- Tần suất: liên tục;
- Thông số quan trắc: lưu lượng, nhiệt độ, độ màu, pH, COD, TSS, amoni;
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, với hệ số $K_q = 0,9$; $K_r = 1$.

2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của KCN được thể hiện trong Bảng sau:

Bảng VI-1. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của KCN Kim Huy

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến (đồng/năm)
1	Định kỳ thu gom dầu mỡ, hút bùn tại các công trình xử lý sơ bộ và hệ thống xử lý nước thải tập trung.	Hàng tháng	200.000.000
2	Định kỳ lấy mẫu, phân tích chất lượng các loại nước thải sau xử lý, giám sát chất lượng nước thải và chất lượng nguồn nước tiếp nhận.	04 lần/năm	330.000.000
3	Các hoạt động thu gom, xử lý chất thải rắn, vệ sinh khu vực Nhà máy.	Hàng ngày (Phụ thuộc vào nội dung)	30.000.000

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến (đồng/năm)
		công việc)	
4	Lập, triển khai chương trình nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, tái nguyên nước tại Nhà máy.	Hàng năm	40.000.000

Nguồn: Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy, 2022.

Chương VII.
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Ngày 28/4/2021, KCN Kim Huy đã nhận được công văn số 1554/STNMT-CCBVM của Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương về việc xác nhận thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án Khu công nghiệp Kim Huy – Giai đoạn 1 cho module 2 (HTXLNT công suất 2.000 m³/ ngày đêm) của Công ty TNHH Phát triển khu công nghiệp Kim Huy.

Tuy nhiên, tại thời điểm kiểm tra, Công ty còn một số tồn tại cần khắc phục như:

- Chưa thu gom triệt để nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung, cụ thể: một phần nước thải của Công ty ACE Elite và Công ty TNHH Kim Phong đang chảy ra cống thoát nước mưa của KCN Kim Huy. Kết quả lấy mẫu ngày 07/4/2021 cho thấy nước thải sau xử lý của HTXLNT công suất 2.000 m³/ngày đêm chưa đạt quy chuẩn thải ra môi trường;
- Không vận hành công trình xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 với công suất thiết kế là 1.000 m³/ngày đêm;
- Ngoài ra, nội dung báo cáo còn một số tồn tại như: chưa cập nhật tình hình thu gom, xử lý nước thải theo đúng thực tế; thiếu phương án nhằm kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào của HTXLNT tập trung, đặc biệt là đối với nước thải có kim loại nặng,...

Công ty đã khắc phục các tồn tại nêu trên và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Công văn số 2301/STNMT-CCBVM ngày 21/6/2021 về việc giải trình các nội dung liên quan đến quá trình vận hành công trình xử lý chất thải của dự án Đầu tư và kinh doanh KCN Kim Huy.

Cụ thể nội dung khắc phục:

- Đã kiểm tra và khắc phục sự cố đường ống thu gom nước thải, đảm bảo thu gom toàn bộ nước thải của Công ty ACE Elite, Công ty TNHH Kim Phong và tất cả các doanh nghiệp thứ cấp đang hoạt động trong KCN.
- Đã kiểm tra, khắc phục sự cố trong quá trình vận hành, đảm bảo nước thải đầu ra luôn đạt QCVN 40: 2011/BTNMT, cột A, K_q = 0,9; K_c = 1.
- Đã vận hành công trình xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 với công suất thiết kế là 1.000 m³/ngày đêm;
- Đã cập nhật tình hình thu gom, xử lý nước thải theo đúng thực tế.
- Đã bổ sung phương án nhằm kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào của HTXLNT tập trung, đặc biệt là đối với nước thải có kim loại nặng,...

Chương VIII.

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy cam kết:

- Vận hành tốt trạm XLNT công suất 3.000 m³/ngày đêm để xử lý nước thải của dự án đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, với hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1$ trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.
- Thu gom chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về nhà chứa chất thải thông thường, nhà chứa chất thải nguy hại và hợp đồng với các đơn vị có chức năng để xử lý như đã trình bày trong báo cáo. Quá trình thu gom, lưu trữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại luôn luôn đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định hiện hành.
- Những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.



PHỤ LỤC 1: HỒ SƠ PHÁP LÝ

STT	HỒ SƠ
1	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700747025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.
2	Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000042 do Ban quản lý các KCN Bình Dương cấp.
3	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) số 4924/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân Bình Dương cấp ngày 03/11/2006.
4	Giấy xác nhận số 1542/GXN-STNMT về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của giai đoạn 1 Dự án “Đầu tư và kinh doanh Khu công nghiệp Kim Huy” do Sở Tài nguyên và môi trường Bình Dương cấp ngày 25/5/2015.
5	Quyết định số 1661/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000) Khu công nghiệp Kim Huy thuộc Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 26/6/2017.
6	Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 44/GP-UBND do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 29/4/2020.
7	Văn bản số 4441/STNMT-CCBVMT về việc xác nhận kết nối dữ liệu hệ thống quan trắc nước thải tự động do Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương cấp ngày 25/9/2018.
8	Văn bản số 1734/STNMT-CCBVMT về việc kết nối dữ liệu hệ thống quan trắc nước thải tự động do Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương cấp ngày 30/5/2022.
9	Công văn số 5386/STNMT-CCBVMT về việc thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 05/11/2019.
10	Công văn số 2198/STNMT-CCBVMT về việc thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải thứ 2 của khu công nghiệp Kim Huy do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 21/5/2020.
11	Thông báo số 598/TB-BQL về kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng do Ban quản lý các KCN Bình Dương cấp ngày 18/11/2020.
12	Kết luận kiểm tra số 4081/KL-STNMT về công tác bảo vệ môi trường của khu công nghiệp Kim Huy do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày

STT	HỒ SƠ
	16/9/2020.
13	Công văn số 1554/STNMT-CCBVMТ về việc xác nhận thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án Khu công nghiệp Kim Huy – Giai đoạn 1 cho module 2 (HTXLNT công suất 2.000 m ³ /ngày.đêm) do Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương cấp ngày 28/4/2021.
14	Công văn số 2301/STNMT-CCBVMТ về việc giải trình các nội dung liên quan đến quá trình vận hành công trình xử lý chất thải của dự án Đầu tư và kinh doanh KCN Kim Huy của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 21/6/2021.
15	Số đăng ký quản lý chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 74.001574.T do Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương cấp ngày 31/8/2011.
16	Hợp đồng thu gom xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt số 539 – RTT/HĐ-KT/21 ký ngày 24/3/2021.
17	Hợp đồng thu gom xử lý chất thải nguy hại số 1652-RNH/HĐ-KT/19 ký ngày 26/9/2021.
18	Chứng từ thu gom CTNH năm 2020, 2021 của KCN.
19	Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC số 289/TD-PCCC.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3700747025

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 09 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 27 tháng 03 năm 2014

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KIM HUY INDUSTRIAL PARK DEVELOPMENT CO.,LTD

Tên công ty viết tắt: KIM HUY IP

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô CN 16, đường D1, khu công nghiệp Kim Huy, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0650.3815015

Fax: 0650.3815014

Email: khip@kcnkimhuy.com.vn

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và khu dân cư đô thị - Kinh doanh địa ốc (bán và cho thuê nhà, nhà xưởng, nhà kho, nhà văn phòng) (thực hiện theo quy hoạch của Tỉnh và Quyết định số 49/2011/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 của UBND tỉnh Bình Dương Về việc quy định bố trí các ngành nghề sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương);	6810 (Chính)
2	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và khu dân cư đô thị	4100
1	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312

STT	Tên ngành	Mã ngành
4	(Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	Ngành, nghề chưa khớp với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

4. Vốn điều lệ 69.790.000.000 đồng

Bằng chữ: Sáu mươi chín tỷ bảy trăm chín mươi triệu đồng

5. Vốn pháp định 6.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Sáu tỷ đồng

6. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LỮ CÁN CƯỜNG	Số 88/3, Nguyễn Phạm Tuấn, Phường 09, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	26.695.000.000	38,25	023450489	
2	PHAN THI LONG	Số 21 1/44 đường Minh Phụng, Phường 09, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	24.961.000.000	35,77	023445073	
3	LỮ CÁN HÙNG	Số 88/3, Nguyễn Phạm Tuấn, Phường 06, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	4.800.000.000	6,88	023506412	
4	LỮ CÁN DŨNG	Số 40 Đường số 3, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	4.936.000.000	7,07	023506413	
5	LỮ CÁN ĐỨC	Số 361/10 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	4.936.000.000	7,07	023506410	
6	LỮ CÁN THÀNH	361/10 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	1.731.000.000	2,48	023506409	
7	LỮ CÁN NGHI	Số 40, Đường số 3, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	1.731.000.000	2,48	023506411	

7. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

Họ và tên: LỮ CÁN CUÔNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 24/01/1955

Dân tộc: Hoa

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số: 023450489

Ngày cấp: 07/01/2009

Nơi cấp: Công an Tp. Hồ Chí Minh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 88/3, Nguyễn Phạm Tuân, Phường 09, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

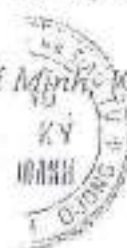
Chỗ ở hiện tại:

Số 88/3, Nguyễn Phạm Tuân, Phường 09, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

8. Thông tin về chi nhánh

9. Thông tin về văn phòng đại diện

10. Thông tin về địa điểm kinh doanh



TRƯỞNG PHÒNG



Mai Bá Truớc

00000102
GIẤY CHỨNG THỰC CÁ NHÂN SỬ DỤNG VỚI BAN CHỨC

Số chứng thực: Quyển số: 01 SCT/23

Ngày: 01-01-2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Thị桂

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN
BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ
Số: 46221000042

Chứng nhận lần đầu : ngày 11/12/2006
Chứng nhận thay đổi lần thứ 2: ngày 14/4/2014

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 751/TTg ngày 15/11/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương;

Quyết định số 912/QĐ-TTg ngày 01/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án tổng thể đầu tư và phát triển khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 2934/QĐ-UBND ngày 22/6/2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Kim Huy thuộc Khu Liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương và Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 07/7/2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Kim Huy thuộc Khu Liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc Ban hành quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương;

Căn cứ bản đề nghị điều chỉnh thay đổi thông tin chủ đầu tư, người đại diện chủ đầu tư, hồ sơ kèm theo do CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY nộp ngày 28/3/2014, biên nhận số 0003/2014.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH DƯƠNG



Chúng nhận: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY, mã số doanh nghiệp số 3700747025 cấp lần đầu ngày 11/9/2006, thay đổi lần thứ 2 ngày 27/3/2014 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp; địa chỉ trụ sở chính tại lô CN16, đường D1, khu công nghiệp Kim Huy, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện bởi: Ông Lữ Cán Cường, sinh ngày 24/01/1955, quốc tịch Việt Nam, chứng minh nhân dân số 023450489 do Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/01/2009; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 88/3 đường Nguyễn Phạm Tuân, phường 9, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh. Chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điểm 1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG & KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY

Điểm 2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

Mục tiêu dự án: đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp.

Quy mô đất khu công nghiệp sử dụng là 213,6257 ha, với cơ cấu sử dụng đất như sau:

STT	Hạng mục	Diện tích theo QĐ 3141/QĐ-UB (ha)	Tỷ lệ %
1	Đất xây dựng công trình quản lý, dịch vụ	5,0378	2,3580
2	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp	144,6924	67,732
3	Đất cây xanh	22,2780	10,428
4	Đất xây dựng nhà ở cao tầng	3,3492	1,5680
5	Đất giao thông	29,7253	13,9150
6	Đất bãi đậu xe	2,5750	1,2050
7	Đất công trình đầu mối kỹ thuật	5,9680	2,7940
	Tổng cộng	213,6257	100

Điểm 3. Địa điểm thực hiện dự án: khu công nghiệp Kim Huy (thuộc Khu Liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương), thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điều 4. Tổng vốn đầu tư: 254,410 tỷ đồng; trong đó, vốn tự có của CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY góp là 60 tỷ đồng, chiếm 23,58% tổng vốn đầu tư để thực hiện dự án.

Điều 5. Thời hạn hoạt động của dự án là 50 năm, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 6. Tiến độ thực hiện dự án và giá trị đầu tư (Đơn vị tính: tỷ đồng) như sau:

Hạng mục	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Tổng cộng
1. Điền bù giải toả	57,500	86,160	5,870			149,530
2. Kiến thiết cơ bản	2,500	460	430			3,390
3. Xây dựng cơ bản						
3.1 San nền + thoát nước mưa			5,200	13,800	5,600	21,600
3.2 Hệ thống Giao thông + bãi đậu xe			6,000	13,780	8,000	27,780
3.3 Hệ thống chiếu sáng				3,000	960	3,960
3.4 Thoát nước bẩn + Trạm xử lý nước thải			2,000	2,930	38,000	42,930
3.5 Cây xanh					2,220	2,220
3.6 Nhà điều hành						3,000
Tổng cộng	60,000	86,620	19,500	33,510	54,780	254,410

Điều 7. Doanh nghiệp khi thực hiện Dự án được hưởng ưu đãi như sau:

a) Doanh nghiệp có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam:

- Thuế thu nhập Doanh nghiệp hàng năm bằng 10% (mười phần trăm) lợi nhuận thu được trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh; Thuế thu nhập Doanh nghiệp hàng năm bằng 25% (hai mươi lăm phần trăm) cho thời gian còn lại.



- Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 (bốn) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% (năm mươi phần trăm) trong 7 (bảy) năm tiếp theo.

- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

b) Doanh nghiệp có nghĩa vụ trả tiền thuế đất cho Ủy ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương.

c) Thuế nhập khẩu, Thuế xuất khẩu đối với hàng hóa phục vụ đầu tư, xây dựng và sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp được thực hiện theo Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005.

Trường hợp nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng phải tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam.

d) Doanh nghiệp có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan đến việc thi hành bảo vệ môi trường.

Doanh nghiệp phải lưu ý áp dụng các biện pháp và phương án cụ thể để đáp ứng các yêu cầu về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 8. Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc; một bản cấp cho CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY và một bản lưu tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương.

TRƯỞNG BAN



Trần Văn Liễn

ĐƯỢC VIẾT VÀ CHỮ ĐÓNG ĐÓNG VỚI BAN CHÍNH

Số chứng thực..... Quyển số: 1/ SC/BS

Ngày..... 07-01-2015



Phạm Văn Việt

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số: 4324/QĐ-UBND

Thị trấn Một, ngày 03 tháng 01 năm 2006.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư và kinh doanh khu công nghiệp Kim Huy của Công ty TNHH Kim Huy tại Khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị Bình Dương.

BẢN SAO

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đơn xin thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư và kinh doanh khu công nghiệp Kim Huy của Công ty TNHH Kim Huy tại Khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị Bình Dương;

Xét đề nghị của Giám đốc sở Tài nguyên - Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư và kinh doanh khu công nghiệp Kim Huy của Công ty TNHH Kim Huy tại Khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị Bình Dương tại tờ trình số 652/TT-TNMT ngày 20/10/2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư và kinh doanh khu công nghiệp Kim Huy của Công ty TNHH Kim Huy tại Khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị Bình Dương đã được họp Hội đồng thẩm định ngày 03/10/2006 và đã được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến kết luận của Hội đồng.

Điều 2. Công ty TNHH Kim Huy có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, thực hiện đúng các quy định về trách nhiệm của Chủ dự án tại Điều 36 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 14 Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ và các yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Phải xây dựng hoàn chỉnh các công trình xử lý môi trường (hệ thống thu gom nước thải, nhà máy xử lý nước thải tập trung, trạm trung chuyển rác...) cho

tổng khu công nghiệp trước khi tiếp nhận các dự án đầu tư vào khu công nghiệp, đồng thời chỉ được tiếp nhận các dự án thuộc các ngành công nghiệp đã đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, trong trường hợp đầu tư thêm ngành nghề khác phải có tờ trình xin phép và chỉ được tiếp nhận khi có sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

2. Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải phải tách riêng. Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của các nhà máy nằm trong khu công nghiệp sau khi xử lý cục bộ đạt TCVN 5945 – 1995 loại B phải tiếp tục xử lý tại nhà máy xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Kim Huy và nước thải đầu ra của nhà máy xử lý nước thải tập trung toàn khu phải đạt tiêu chuẩn TCVN 6980 – 2001 với $Q < 50 \text{ m}^3/\text{s}$ và TCVN 5945 – 1995 loại A trước khi thải ra kênh thoát nước của Khu liên hợp.

3. Các dự án đầu tư vào khu công nghiệp phải tiến hành lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định hiện hành và trong quá trình hoạt động phải đảm bảo:

- Có các biện pháp và hệ thống thích hợp để xử lý khí thải đạt các tiêu chuẩn TCVN 5939 – 1995, TCVN 6991 – 2001 và TCVN 6994 – 2001.

- Các nguồn nước thải của nhà máy thành viên phải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn TCVN 5945 – 1995 loại B trước khi thải vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của toàn khu công nghiệp.

- Các chất thải rắn phải được thu gom và xử lý triệt để theo quy định hiện hành. Đối với chất thải nguy hại phải đăng ký chủ nguồn thải và thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo Quyết định số 155/1999/QĐ-TTg và được cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường chấp thuận.

4. Thực hiện quan trắc, giám sát môi trường định kỳ (6 tháng/lần) đối với các nhà máy trong khu và toàn khu công nghiệp, số liệu quan trắc phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan nhà nước kiểm tra.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Quyết định phê duyệt của dự án đầu tư và kinh doanh khu công nghiệp Kim Huy là cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường việc thực hiện bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường cho dự án khu công nghiệp Kim Huy, Công ty TNHH Kim Huy phải báo cáo bằng văn bản gửi Sở Tài nguyên – Môi trường để kiểm tra, nghiệm thu trước khi đưa khu công nghiệp này vào hoạt động.

Điều 5. Ủy nhiệm sở Tài nguyên – Môi trường theo dõi và giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường của khu công nghiệp Kim Huy theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc sở Tài nguyên -
Môi trường, Công ty TNHH Kim Hùng và Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.



KT/ CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên - Môi trường
- Như Điều 6
- UBND huyện Tân Uyên
- LĐVP, T. Khiêm
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
CHỨNG THỰC BẢN SÁP ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH

Trần Tài Kim Vân

Số công văn: 001773 Quyết định: 67/CT/UBS

Ngày: 23-04-2012

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hùng

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 1542/GXN-STNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 25 tháng 5 năm 2015



GIẤY XÁC NHẬN
VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH
của giai đoạn I Dự án "Đầu tư và kinh doanh Khu công nghiệp Kim Huy" của Công ty TNHH Phát triển khu công nghiệp Kim Huy.

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 61/2008/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2664/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền tiếp nhận, thẩm định, kiểm tra, xác nhận đã thực hiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án bảo vệ môi trường chi tiết;

Căn cứ kết quả kiểm tra việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành cho Dự án đầu tư và kinh doanh Khu công nghiệp Kim Huy của Công ty TNHH Phát triển khu công nghiệp Kim Huy thực hiện vào ngày 04 tháng 5 năm 2015 và Văn bản giải trình số 04/CV.CT ngày 20 tháng 5 năm 2015 của Công ty TNHH Phát triển khu công nghiệp Kim Huy;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

XÁC NHẬN :

Điều 1. Công ty TNHH Phát triển khu công nghiệp Kim Huy đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án đầu tư và kinh doanh Khu công nghiệp Kim Huy như sau:

- Đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải riêng biệt.



- Đã đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 với công suất thiết kế 1.000 m³/ngày, bao gồm các công trình cụ thể như sau: Nước thải => Bể thu gom và tách rác => Bể tách dầu mỡ => Bể điều hòa => Bể keo tụ => Bể tạo bông => Bể lắng sơ cấp => Bể trung hòa => Bể xử lý sinh học định bám (FBR) => Bể lắng thứ cấp => Bể trung gian => Bồn lọc cát => Bồn lọc than hoạt tính => Khử trùng => Khử Clor dư => Hồ sinh học => Thải ra cống thoát nước chung của khu liên hợp công nghiệp- đô thị - dịch vụ Bình Dương rồi chảy vào sông Đồng Nai.

So với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt thì có một số thay đổi như sau: Theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt thì Công trình xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 có công suất 3.000 m³/ngày. Tuy nhiên, do tỉ lệ doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp thấp và ngành nghề của các doanh nghiệp sản xuất có lưu lượng nước thải quá ít nên Công ty mới chỉ đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung công suất 1.000 m³/ngày (hiện tại tổng lưu lượng nước thải của 7 doanh nghiệp đang thu gom về trạm xử lý của khu công nghiệp khoảng 130 m³/ngày) và có bổ sung thêm bể tách dầu mỡ, bồn lọc cát, bồn lọc than hoạt tính cho công trình xử lý nước thải tập trung để tăng hiệu quả xử lý; đồng thời điều chỉnh công đoạn xử lý sinh học từ Anaerob sang FBR.

- Đã thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo đúng quy định.

- Đã thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ.

Điều 2. Công ty TNHH Phát triển khu công nghiệp Kim Huy có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây trong giai đoạn tiếp theo của Dự án:

1. Luôn thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong quá trình hoạt động.

2. Nhanh chóng lắp đặt các thiết bị đo lưu lượng, chất lượng nước thải tự động và kết nối về Trạm điều hành hệ thống quan trắc nước thải tự động của Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định; đồng thời tiếp tục triển khai thực hiện xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung cho các giai đoạn tiếp theo như Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và lập hồ sơ gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xác nhận.

3. Tự chịu trách nhiệm đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được thực hiện có thay đổi, điều chỉnh so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt đã nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này, đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan của pháp luật hiện hành.

4. Vận hành các công trình xử lý chất thải đã được nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này theo đúng thiết kế, đảm bảo các quy trình, quy phạm kỹ thuật.

5. Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường có liên quan của pháp luật hiện hành.

6. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình vận hành của Dự án và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước có liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Phát triển KCN Kim Huy;
- Ban quản lý các KCN Bình Dương;
- Lưu: VT, CCBVMT, ThH4

KT. GIÁM ĐỐC,
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Nguyên

VIỆT NAM



Cơ quan Văn phòng Ủy
ban Nhân dân, Tỉnh Bình
Dương

Quốc vụ: Chính Văn phòng
**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 4661 /QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 26 tháng 6 năm 2017



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng
(Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000) Khu công nghiệp Kim Huy
thuộc Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy
định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về sửa
đổi bổ sung về Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy
định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về Quy
định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng về
việc Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô
thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/04/2008 của Bộ Xây dựng
về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 173/TTg-KTN ngày 28/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ
về việc điều chỉnh các Khu công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1719/TTr-SXD ngày 15
tháng 06 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (Quy hoạch
phân khu tỷ lệ 1/2000) Khu công nghiệp Kim Huy, với những nội dung chính sau:

1. Vị trí, ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

- Vị trí, ranh giới: Khu vực lập quy hoạch thuộc Khu liên hợp Công nghiệp -
Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, tại phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, với tứ
cạnh như sau:

+ Phía Bắc: giáp đường Tạo lực 2B (ĐT.746-Hoà Lợi);

+ Phía Nam: giáp đường N6 và khu công nghiệp Sóng Thần 3;

+ Phía Đông: giáp đất công nghiệp (Công ty Phồn Vinh);

+ Phía Tây: giáp đường N7 và đường Tạo Lực 1.

- Quy mô: tổng diện tích khu đất quy hoạch: 171,63 ha.

2. Tính chất khu vực lập quy hoạch:

Là khu công nghiệp tập trung đa ngành nghề với các loại hình công nghiệp sạch, không gây ô nhiễm hay ảnh hưởng đến môi trường.

3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

a. Chỉ tiêu sử dụng đất:

- Đất xây dựng nhà máy: $\geq 55\%$; Đất kỹ thuật: $\geq 1\%$; Đất công trình hành chính, dịch vụ: $\geq 1\%$; Đất cây xanh: $\geq 10\%$; Đất giao thông: $\geq 8\%$.

- Mật độ xây dựng gộp (brut-tô): tối đa toàn khu công nghiệp là $\leq 50\%$

b. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

- Cấp nước: Nước cho nhu cầu sản xuất: $\geq 20 \text{ m}^3/\text{ha.ngày}$; Nước cho nhu cầu sinh hoạt: $180 \text{ lít/người/ng.đ}$;

- Cấp điện: Đất xây dựng công nghiệp: $200 - 350 \text{ kW/ha}$; Kho tàng: 50 kW/ha ; Các công trình hành chính, dịch vụ: $20 - 30 \text{ W/m}^2 \text{ sản}$.

- Thu gom nước thải và vệ sinh môi trường: Nước thải sản xuất: 80% lượng nước cấp; Nước thải sinh hoạt: 100% lượng nước cấp; Chất thải rắn công nghiệp: $0,5 \text{ tấn/ngày/ha}$ đất xây dựng nhà máy.

4. Cơ cấu sử dụng đất:

STT	LOẠI ĐẤT	Theo Quyết định số 542/QĐ-UBND		Nội dung điều chỉnh	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	ĐẤT NHÀ MÁY	136,34	63,82	113,43	66,09
	Đất nhà máy chưa xây dựng	-	-	39,06	22,76
	Đất nhà máy đã xây dựng	-	-	74,37	43,33
2	ĐẤT CÁC KHU KỸ THUẬT	5,97	2,79	6,05	3,53
	Kênh thoát nước (kênh đô thị mới)	-	-	3,17	1,85
	Hành lang bảo vệ kênh	-	-	1,38	0,80
	Khu đầu mối kỹ thuật	-	-	1,50	0,87
3	ĐẤT CÔNG TRÌNH HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ	16,74	7,84	12,23	7,13
	Đất công trình quản lý, dịch vụ	13,39	-	-	-
	Đất xây dựng nhà ở cao tầng	3,35	-	-	-
4	ĐẤT CÂY XANH	22,28	10,43	17,71	10,32
	Đất cây xanh cách ly	-	-	6,95	4,05
	Đất cây xanh (HLBV đường điện)	-	-	10,76	6,27
5	ĐẤT GIAO THÔNG	32,30	15,12	22,21	12,94
TỔNG:		213,63	100,00	171,63	100,00

5. Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan các khu chức năng chính:

a. Đất nhà máy: diện tích 113,43 ha chiếm 66,09% diện tích toàn khu, với các thửa đất cho thuê xây dựng nhà máy, xí nghiệp có quy mô từ 2-10ha/thửa, phù hợp với nhu cầu thực tế đầu tư xây dựng. Đất nhà máy là chức năng sử dụng đất chính của toàn khu công nghiệp.

b. Đất các khu kỹ thuật: diện tích 6,05 ha, chiếm 3,53% diện tích toàn khu; bao gồm: trạm xử lý nước thải, mương thoát nước, hành lang bảo vệ mương.

c. Đất công trình hành chính, dịch vụ: diện tích 12,23 ha, chiếm 7,13% diện tích toàn khu. Bố trí tập trung về phía Đông và 1 phần phía Bắc khu công nghiệp, tiếp giáp với trục đường tạo lực 2B và trục đường D1, khả năng tiếp cận cao. Với chức năng chính là quản lý, điều hành và nhu cầu thương mại, dịch vụ trong toàn khu.

- Trong đó phần đất Hành chính, dịch vụ DV1 với diện tích 11,13 ha; sau khi lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 sẽ dành quỹ đất khoảng 1-2 ha để bố trí đất công viên, vườn hoa nhằm tăng diện tích mảng xanh, tạo môi trường vi khí hậu cho toàn khu công nghiệp.

- Thửa đất Hành chính dịch vụ DV2 với diện tích 1,1 ha; bao gồm các chức năng: đất xây dựng đội phòng cháy chữa cháy khoảng 2.000m²; Trụ sở Công an và các dịch vụ khác,...

d. Đất cây xanh: diện tích 17,71 ha, chiếm 10,32% diện tích toàn khu. Bao gồm cây xanh trong khoảng cách ly, hành lang bảo vệ tuyến điện cao thế, cây xanh tập trung,... tạo cảnh quan trong khu vực và đảm bảo môi trường vi khí hậu, tránh tình trạng gây ô nhiễm các khu vực lân cận trong quá trình hoạt động sản xuất.

- Ngoài ra, trong từng thửa đất xây dựng nhà máy, phải đảm bảo tỷ lệ đất cây xanh $\geq 20\%$ diện tích thửa đất xây dựng nhà máy, nhằm đảm bảo không gian sản bãi, cây xanh trong từng nhà máy, xí nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất. Phần diện tích cây xanh này không tính vào diện tích cây xanh toàn khu công nghiệp.

e. Đất giao thông: diện tích 22,21 ha, chiếm 12,94% diện tích toàn khu. Đảm bảo khả năng tiếp cận và hoạt động của các nhà máy sản xuất trong khu công nghiệp.

6. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cho từng lô đất:

BẢNG THỐNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT TOÀN KHU

STT	LOẠI ĐẤT	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Hệ số sử dụng đất	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao tối đa (tầng)
1	Đất nhà máy	113.43	66.09	-	-	-
	CN4	5.35	-	≤ 2.8	70%	4
	CN5	5.35	-	≤ 2.8	70%	4
	CN6	4.30	-	≤ 2.8	70%	4
	CN7	4.30	-	≤ 2.8	70%	4

STT	LOẠI ĐẤT	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Hệ số sử dụng đất	Mật độ xây dựng (%)	Tăng cao tối đa (tầng)
	CN8	5.69	-	≤ 2.4	60%	4
	CN9-1	4.12	-	≤ 2.4	60%	4
	CN9-2	1.57	-	≤ 2.8	70%	4
	CN10	5.34	-	≤ 2.4	60%	4
	CN11	5.35	-	≤ 2.4	60%	4
	CN12	9.62	-	≤ 2.8	70%	4
	CN13-1	3.99	-	≤ 2.8	70%	4
	CN13-2	5.63	-	≤ 2.4	60%	4
	CN14-1	3.99	-	≤ 2.8	70%	4
	CN14-2	5.63	-	≤ 2.4	60%	4
	CN15-1	3.99	-	≤ 2.8	70%	4
	CN15-2	5.63	-	≤ 2.4	60%	4
	CN16-1	15.80	-	≤ 2.8	70%	4
	CN16-2	9.20	-	≤ 2.8	70%	4
	CN17	6.90	-	≤ 2.8	70%	4
	CN18	1.68	-	≤ 2.4	60%	4
2	Đất các khu kỹ thuật	6.05	3.53	-	-	-
	Kênh thoát nước (kênh đô thị mới)	3.17	-	-	-	-
	Hành lang bảo vệ kênh	1.38	-	-	-	-
	Khu đầu mối kỹ thuật	1.50	-	≤ 0.6	60%	1
3	Đất công trình hành chính, dịch vụ	12.23	7.13	-	-	-
	- Lô DV1	11.13		≤ 5.4	60%	9
	- Lô DV2	1.10		≤ 3.0	60%	5
4	Đất cây xanh	17.71	10.32	-	-	-
	Đất cây xanh cách ly	6.95	-	-	-	-
	Đất cây xanh thuộc hành lang bảo vệ điện	10.76	-	-	-	-
5	Đất giao thông	22.21	12.94	-	-	-
	TỔNG CỘNG	171.63	100.00	-	-	-
Ghi chú: * Mật độ xây dựng gộp (brut-tô) tối đa toàn khu công nghiệp là 50%. * Mật độ xây dựng các thửa đất nhà máy tuân thủ theo quy định QCVN 01:2008 - Bảng 2.4						

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

Điều chỉnh một số hạng mục cho phù hợp với nội dung điều chỉnh quy hoạch theo cơ cấu sử dụng đất mới và không làm thay đổi hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước đây.

a. Quy hoạch giao thông:

* Giao thông đối ngoại:

- Đường Tạo lực 4: là tuyến giao thông tiếp cận khu công nghiệp từ phía Nam, lộ giới 38,5m.

- Đường Tạo lực 2B: là tuyến giao thông tiếp cận phía Bắc khu công nghiệp, lộ giới 38,5m.

- Đường Tạo lực 1: là tuyến giao thông hiện hữu đi qua khu công nghiệp, lộ giới 38,5m.

* Giao thông đối nội:

Hệ thống giao thông nội bộ của khu công nghiệp tổ chức theo dạng ô cờ, các tuyến giao thông đối nội kết nối vuông góc với các tuyến giao thông đối ngoại Tạo lực 2B, Tạo lực 4, đảm bảo việc vận chuyển hàng hóa và đi lại được dễ dàng và thông suốt. Lộ giới 30m.

BẢNG THỐNG KÊ ĐƯỜNG GIAO THÔNG:

TT	TÊN ĐƯỜNG	HƯỚNG TUYẾN		MẶT CÁT	CHIỀU RỘNG (m)					CGĐĐ (m)		CGXD (m)		KHOẢNG LỐI (m)	
		Từ	Đến		Via hè	Phân cách	Mặt đường	Via hè	Lộ giới	Bên trái	Bên phải	Bên trái	Bên phải	Bên trái	Bên phải
I	GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI														
1	ĐƯỜNG TẠO LỰC 2B			A-A	7.0	2.0	22.5	7.0	38.5	19.25	19.25	25.25	25.25	6.0	6.0
2	ĐƯỜNG TẠO LỰC 1			A-A	7.0	2.0	22.5	7.0	38.5	19.25	19.25	25.25	25.25	6.0	6.0
				B-B	7.0	2.0	22.5	7.0	38.5	19.25	30.75	25.25	36.75	6.0	6.0
II	GIAO THÔNG NỘI BỘ														
1	ĐƯỜNG N7	Ranh KCN	Đường tạo lực 2B	1-1	7.5	0.0	15.0	7.5	30.0	15.0	34.0	21.0	40.0	6.0	6.0
2	ĐƯỜNG H1	N6	Đường tạo lực 2B	4-4	7.5	0.0	15.0	7.5	30.0	15.0	15.0	21.0	21.0	6.0	6.0
3	ĐƯỜNG D1	N6	Đường tạo lực 2B	2-2	7.5	0.0	15.0	7.5	30.0	66.0	15.0	72.0	21.0	6.0	6.0
4	ĐƯỜNG N6	Đường tạo lực 1	Đường D1	3-3	7.5	0.0	15.0	7.5	30.0	46.25	15.0	52.25	21.0	6.0	6.0
		Đường D1	Đất cây xanh	4-4	7.5	0.0	15.0	7.5	30.0	15.0	15.0	21.0	21.0	6.0	6.0
5	ĐƯỜNG H2	Đường H1	Đường tạo lực 1	4-4	7.5	0.0	15.0	7.5	30.0	15.0	15.0	21.0	21.0	6.0	6.0

b. Quy hoạch san nền và hệ thống thoát nước mưa:

- San nền: Khu công nghiệp Kim Huy đã được đầu tư san lấp mặt bằng hoàn chỉnh. Cao độ nền sau khi san lấp từ +31,5m đến +33,5m.

- Hệ thống thoát nước mưa:

+ Hệ thống thoát nước mưa được thu gom tách riêng với thoát nước thải.

+ Mạng lưới thoát nước mưa sử dụng cống tròn bằng bê tông cốt thép có đường kính từ 600mm-1.200mm, các tuyến cống hộp ngang đường thoát nước cho kênh 3xB3000 và các tuyến kênh thoát nước đô thị đi trong khu quy hoạch.

+ Nguồn tiếp nhận: nước mưa sau khi được thu gom sẽ theo các tuyến cống dọc hai bên đường rồi thoát ra các kênh thoát nước thuộc khu liên hợp.

c. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Điều chỉnh lại nhu cầu cấp nước và các chỉ tiêu cấp nước tính toán cho toàn khu. Tổng nhu cầu dùng nước là: 4.194 m³/ngày.

- Nguồn cấp: Nguồn nước từ nhà máy nước Tân Hiệp, khu quy hoạch lấy nước từ các tuyến ống cấp nước đô thị chạy dọc các tuyến đường Tạo lực 1, Tạo lực 2B, Tạo lực 4 và đường D1.

- Mạng lưới đường ống cấp nước xây dựng trên các trục đường giao thông, có đường kính D100mm ÷ D200mm.

- Phòng cháy chữa cháy: bố trí các trụ cứu hỏa có đường kính D100mm với khoảng cách giữa 2 trụ là 150m. Tổng cộng toàn khu có 38 trụ cứu hỏa.

d. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

- Điều chỉnh lưu lượng nước thải phù hợp với nội dung điều chỉnh quy hoạch, cũng như áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn và nghị định mới ban hành. Tổng lưu lượng nước thải: 1.860 m³/ngày.đêm.

- Nguồn tiếp nhận: Mạng lưới thoát nước thải sử dụng cống tròn bằng bê tông cốt thép có đường kính từ 300mm-1000mm, sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của khu để xử lý đạt tiêu chuẩn loại A trước khi thoát ra cống thoát nước mưa, sau đó theo tuyến kênh thoát nước đô thị chảy ra sông Đồng Nai.

- Trạm xử lý nước thải được phê duyệt gồm 2 modul, công suất 1 modul là 3.000 m³/ngđ, tổng công suất của trạm xử lý là 6.000 m³/ngày.đêm.

e. Quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng:

- Điều chỉnh về phụ tải cho phù hợp với cơ cấu sử dụng đất mới. Tổng công suất của khu quy hoạch là: 31.276,75 kW.

- Nguồn cấp điện: nguồn cung cấp chính cho khu công nghiệp lấy từ trạm biến áp T3-110KV-2x63MVA nằm về phía Bắc khu quy hoạch.

- Lưới trung thế 22kV trong khu công nghiệp sử dụng cáp 3P-1N, 3xAs-240mm² cho dây trung pha và 1xAs-120mm² cho dây trung hòa, các tuyến trung thế đi trên trụ bê tông ly tâm cao 14m, khoảng cách các trụ trung bình 30m-50m.

- Mạng lưới chiếu sáng sử dụng đèn Sodium 250W trên trụ thép tráng kẽm, cao cách mặt đất 10m, khoảng cách trung bình giữa 2 trụ khoảng 35m, đường dây điện sử dụng cáp ngầm 0,4KV loại 4 lõi ruột đồng, vỏ bọc cách điện PVC chôn trực tiếp trong đất.

f. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Điều chỉnh về nhu cầu thuê bao cho phù hợp với cơ cấu sử dụng đất mới.
Tổng số nhu cầu thuê bao là 1.525 thuê bao.

- Nguồn cung cấp: Nguồn cấp dịch vụ viễn thông cho khu công nghiệp lấy từ các tuyến cáp thông tin trên các tuyến đường Tạo lực 1, Tạo lực 2B, Tạo lực 4 của các nhà cung cấp dịch vụ trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một.

- Mạng lưới thông tin được thiết kế đi ngầm bằng hệ thống cống bê cấp đi dọc các trục đường trong khu quy hoạch.

8. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng môi trường khu vực bao gồm: quy mô; sự phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn; các ảnh hưởng đối với môi trường của khu vực.

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá phương án quy hoạch; điều kiện hình thành và khả năng tiếp nhận của khu vực hiện hữu,...

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá các môi ảnh hưởng như: địa hình; nguồn nước; khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường; hướng gió; bán kính phục vụ; công nghệ,...

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá, dự báo và lượng hóa các yếu tố môi trường trên cơ sở so sánh với các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, cụ thể: chất lượng nước đạt quy chuẩn; chất lượng không khí; mức ồn và độ rung tại khu vực quy hoạch; bảo đảm 100% chất thải rắn, chất thải độc hại được phân loại, thu gom và xử lý.

- Tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 4924/QĐ-UBND ngày 03/11/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư và kinh doanh khu công nghiệp Kim Huy và Văn bản số 1928/UBND-KTN ngày 10/07/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Báo cáo đánh giá tác động môi trường của khu công nghiệp Kim Huy; đồng thời rà soát, điều chỉnh bổ sung các nội dung thay đổi khác có liên quan.

9. Những hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện:

- Ưu tiên đầu tư phần đất hành chính dịch vụ phía Đông khu công nghiệp nhằm tạo bộ mặt khang trang cho toàn khu công nghiệp và các công trình dịch vụ phục vụ cho người lao động trong khu công nghiệp và khu vực lân cận.

- Triển khai lập Quy hoạch chi tiết 1/500 khu đất Hành chính dịch vụ trong khu công nghiệp.

- Nguồn lực thực hiện: Vốn tự có và vốn huy động.

10. Thành phần hồ sơ quy hoạch:

a. Thuyết minh tổng hợp.

b. Phụ lục kèm theo thuyết minh, các văn bản pháp lý liên quan và bản vẽ A3 thu nhỏ.

c. Thành phần bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất. Tỷ lệ 1/5.000; 1/10.000;

- Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng. Tỷ lệ 1/2.000;

- Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Tỷ lệ 1/2.000;

- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất. Tỷ lệ 1/2.000;

- Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan. Tỷ lệ 1/2.000;

- Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng. Tỷ lệ 1/2.000;

- Bản đồ quy hoạch san nền – Thoát nước mưa. Tỷ lệ 1/2.000;

- Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước. Tỷ lệ 1/2.000;

- Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước thải. Tỷ lệ 1/2.000;

- Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp điện – chiếu sáng. Tỷ lệ 1/2.000;

- Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc. Tỷ lệ 1/2.000;

- Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống kỹ thuật. Tỷ lệ 1/2.000;

- Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược. Tỷ lệ 1/2.000;

d. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch, kèm bản vẽ A3 thu nhỏ.

Điều 2. Công ty TNHH Phát triển công nghiệp Kim Huy là chủ đầu tư, có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cung cấp các nội dung, văn bản, số liệu không trung thực, sai lệch làm ảnh hưởng đến lợi ích, kỹ thuật, mỹ thuật của dự án này.

- Tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo đúng trình tự và quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 2934/QĐ-UBND ngày 22/06/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Kim Huy và Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 26/02/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Kim Huy thuộc Khu liên hợp Công nghiệp- Dịch vụ - Đô thị Bình Dương.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT & các PCT
- Như Điều 4;
- LĐVP, Km, TH;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thanh Liêm

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: KH/ GP-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 29 tháng 06 năm 2020



GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 10 tháng 03 năm 2020 của Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 194/TTr-STNMT ngày 24 tháng 4 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy, địa chỉ: khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, được xả nước thải từ Công trình trạm xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Kim Huy vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: kênh Tân Vĩnh Hiệp - hồ Tân Vĩnh Hiệp - suối Chợ - suối Cái - sông Đồng Nai;

2. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả nước thải vào suối Chợ: X: 12.16.989; Y: 06.86.243

- Địa chỉ: phường Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;

3. Phương thức xả nước thải: tự chảy;

4. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày;

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.900 m³/ngày đêm;

6. Chất lượng nước thải: nước thải sau hệ thống xử lý phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số K_q = 0,9 ; K_r = 1,0 đối với các thông số nhiệt độ, độ màu, pH, BOD, COD, TSS, As, Hg, Pb, Cd, Cr⁶⁺, Cr³⁺, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, tổng xianua, tổng phenol, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua, Florua, amoni, tổng N, tổng P, Clorua, Clo dư, Coliform;

7. Thời hạn của giấy phép: 03 năm, kể từ ngày ký.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:

a) Quan trắc nước thải:

Quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý với vị trí, thông số, tần suất quan trắc như sau:

- Vị trí quan trắc: nước thải sau hệ thống xử lý;

- Các thông số quan trắc chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này;

- Tần suất quan trắc chất lượng nước thải: ba (03) tháng/lần;

- Tần suất quan trắc lưu lượng nước thải: mỗi ngày một (01) lần vào cùng một thời điểm.

b) Quan trắc nguồn nước tiếp nhận:

- Vị trí quan trắc chất lượng nguồn tiếp nhận: một (01) điểm tại suối Chợ cách vị trí hợp lưu hồ Tân Vĩnh Hiệp đổ ra suối Chợ 30m về phía hạ nguồn.

- Thông số quan trắc: các chỉ tiêu theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2.

- Tần suất quan trắc: ba (03) tháng/lần.

3. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào vượt quá mức quy định của Giấy phép và ngưng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải, các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nguồn tiếp nhận theo quy định tại Khoản 2, Điều 2 của Giấy phép này.

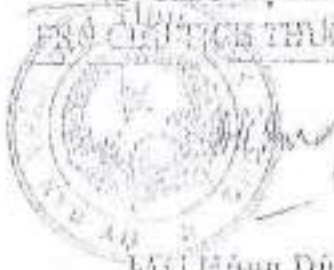
7. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước;

Điều 3. Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./. *ℓ*

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND Tỉnh;
- Cục QL TNN;
- Sở TN&MT;
- UBND thị xã Tân Uyên;
- UBND Tp. Thủ Đức Một;
- Cty TNHH PT KCN Kim Huy;
- LDVP (Lg, Tb), Ch, TH;
- Lưu: VT.

K. CHỦ TỊCH

Mai Hùng Dũng

**UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Số: 1001 /SINMT-CCBVMT
V/v: xác nhận kết nối dữ liệu hệ thống quan
trắc nước thải tự động.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 21 tháng 08 năm 2018



Kính gửi: Công ty TNHH Phát triển khu công nghiệp Kim Huy

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được văn bản số 01-CVĐNKN ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Công ty TNHH Phát triển khu công nghiệp Kim Huy về việc kiểm tra kết nối hệ thống quan trắc nước thải tự động cho Khu công nghiệp Kim Huy. Sau khi xem xét và kiểm tra thực tế tại Khu công nghiệp, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Công ty đã đầu tư lắp đặt thiết bị đo tự động (các thông số pH, TSS, COD và lưu lượng nước thải đầu ra), lắp đặt camera thần tại mương quan trắc và camera xoay trên cao để quan sát các hạng mục công trình xử lý nước thải, lắp đặt tủ lấy mẫu tự động cho Khu công nghiệp Kim Huy và được Trung tâm Quan trắc – Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường xác nhận kết nối dữ liệu về Trạm điều hành trung tâm. Đến nay, Công ty tiếp tục lắp thêm thiết bị đo tự động đối với thông số độ màu. Tại thời điểm kiểm tra, tín hiệu liệu đã truyền về Trạm điều hành trung tâm và độ chính xác tương đối RA của kết quả đo bằng thiết bị đo tự động và kết quả đo phòng thí nghiệm nằm trong giới hạn cho phép. Do vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận Công ty đã hoàn thành việc kết nối dữ liệu hệ thống quan trắc nước thải tự động cho Khu công nghiệp Kim Huy.

Để hệ thống quan trắc nước thải tự động được hoạt động ổn định, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Công ty TNHH Phát triển khu công nghiệp Kim Huy:

- Vận hành hệ thống quan trắc và giám sát nước thải tự động phải đáp ứng theo yêu cầu quy định tại Điều 50, Điều 51, Điều 52, Điều 56 Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đồng thời không được tự ý tháo dỡ các tem đã niêm phong.

- Thực hiện bảo dưỡng, vệ sinh thiết bị như bồn trung gian, hệ thống ống dẫn nước, các đầu đo... để hệ thống hoạt động ổn định và kết quả đo có độ chính xác cao. Trường hợp phát hiện sự cố hoặc lỗi thiết bị thì kịp thời phối hợp với Trung tâm Quan trắc – Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường để khắc phục đảm bảo các số liệu liên tục truyền về trạm trung tâm; đồng thời ghi chép lại toàn bộ hoạt động bảo trì, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị, tháo tem niêm phong và sẵn sàng cung cấp khi được yêu cầu.

- Định kỳ hàng tháng, phối hợp với đơn vị được cấp giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường lấy mẫu phân tích và so sánh với số liệu hiệu thi cùng thời điểm lấy mẫu để đánh giá độ chính xác của thiết bị đo và kịp thời hiệu chuẩn theo đúng quy định tại Khoản 3 Điều 50 Thông tư số 24/2017/TT-

BTNMT ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; trước ngày 05 của tháng tiếp theo có báo cáo hiệu chuẩn gửi về Trung tâm Quan trắc - Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường để theo dõi và hỗ trợ việc hiệu chuẩn thiết bị.

- Định kỳ hàng năm, phối hợp với đơn vị có chức năng thực hiện việc kiểm định/hiệu chuẩn các thiết bị đo pH, COD, TSS, độ màu, lưu lượng nước thải và có báo cáo kèm giấy chứng nhận kiểm định/hiệu chuẩn về Trung tâm Quan trắc - Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường để xem xét, theo dõi theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 52 Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến Công ty để biết và thực hiện.

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- TTQT (để phối hợp);
- Lưu VT, CCHVMT, Thilad.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Nguyên

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 1751/STNMT-CCBVM
V/v kết nối dữ liệu hệ thống quan trắc
nước thải tự động

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 20 tháng 5 năm 2022



Kính gửi: Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được hồ sơ đề nghị kiểm tra, kết nối dữ liệu hệ thống quan trắc nước thải tự động của Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy (kèm theo văn bản số 0905/KH ngày 09/5/2022). Sau khi xem xét và kiểm tra thực tế, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động cho Khu công nghiệp Kim Huy và kết nối dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường (được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận tại văn bản số 4441/STNMT-CCBVM ngày 25/9/2018), gồm: thiết bị quan trắc 05 thông số (pH, TSS, COD, độ màu và lưu lượng nước thải đầu ra), camera thân tại mương quan trắc, camera xoay quan sát các hạng mục công trình xử lý nước thải và giám sát thiết bị đo, tủ lấy mẫu tự động.

Đến nay, Công ty tiếp tục lắp đặt bổ sung thiết bị quan trắc thông số Amoni, nhiệt độ và lưu lượng nước thải đầu vào. Theo Báo cáo đánh giá, kiểm soát chất lượng hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục do Trung tâm Quan trắc – Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Bình Dương thực hiện thì độ chính xác tương đối RA của thiết bị quan trắc nằm trong giới hạn cho phép.

Tại thời điểm kiểm tra ngày 19/5/2022, dữ liệu quan trắc đã truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường. Do vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận Công ty đã kết nối dữ liệu hệ thống quan trắc nước thải tự động cho dự án tại Khu công nghiệp Kim Huy gồm thiết bị đo 08 thông số (pH, TSS, COD, độ màu, amoni, nhiệt độ, lưu lượng nước thải đầu vào và lưu lượng nước thải đầu ra), camera thân tại mương quan trắc, camera xoay quan sát các hạng mục công trình xử lý nước thải và giám sát thiết bị đo, tủ lấy mẫu tự động. Để hệ thống quan trắc nước thải tự động được hoạt động ổn định, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Công ty:

- Vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động phải đáp ứng theo yêu cầu quy định tại Điều 33, 34, 35, 39 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trong quá trình vận hành, Công ty không được tự ý tháo các tem đã niêm phong.

- Phối hợp với đơn vị có chức năng để thực hiện việc kiểm định/hiệu chuẩn các thiết bị theo đúng quy định tại Khoản 4 và Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và có báo cáo kèm giấy chứng nhận kiểm định/hiệu chuẩn gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, theo dõi.

- Tăng cường bảo dưỡng, vệ sinh các thiết bị để hệ thống hoạt động ổn định và kết quả đo có độ chính xác cao. Trường hợp thiết bị bị lỗi hoặc hư hỏng đột xuất, Công ty phải thông báo ngay cho Chi cục Bảo vệ môi trường để biết và nhanh chóng sửa chữa, thay thế trong thời hạn tối đa 15 ngày, trong thời gian thiết bị quan trắc tự động ngừng hoạt động từ 48 giờ trở lên Công ty phải phối với đơn vị có chức năng thực hiện quan trắc tối thiểu 01 lần/ngày theo quy định tại điểm b Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT; kết quả quan trắc phải được lưu giữ và gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường để biết và theo dõi.

- Lập hồ sơ quản lý của hệ thống quan trắc nước thải tự động theo đúng quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 35 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và sẵn sàng xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến Công ty để biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTQT (để phối hợp);
- Lưu VT, CCBVMT, D.Anh).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Ngọc Thúy

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 5306/STNMT-CCBVM

V/v thông báo kết quả kiểm tra các công
trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 05 tháng 01 năm 2015



Kính gửi: Công ty TNHH Phát triển khu công nghiệp Kim Huy

Căn cứ quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm đối với dự án "Đầu tư và kinh doanh khu công nghiệp Kim Huy" của Đoàn kiểm tra, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả như sau:

1. Đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Đã tách riêng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải.
- Công ty đã đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 với công suất thiết kế là 1.000 m³/ngày (module 1) và được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận tại giấy xác nhận số 1542/GXN-STNMT ngày 25 tháng 01 năm 2015, quy trình xử lý như sau: Nước thải => Bể thu gom và tách rác => Bể tách dầu mỡ => Bể điều hòa => Bể keo tụ => Bể tạo bông => Bể lắng sơ cấp => Bể trung hòa => Bể xử lý sinh học dính bám FBR => Bể lắng thứ cấp => Bể trung gian => Bồn lọc cát => Bồn lọc than hoạt tính => Khử trùng => Khử clo dư => Hồ sinh học => Cổng thoát nước chung của Khu liên hợp công nghiệp - đô thị - dịch vụ Bình Dương sau đó thoát ra sông Đồng Nai.

- Hiện nay, Công ty tiếp tục đầu tư thêm 01 công trình xử lý nước thải tập trung, công suất 2.000 m³/ngày (module 2), bao gồm các hạng mục công trình như sau:

Nước thải => Bể thu gom và tách rác (hiện hữu) => Máy tách rác tinh => Bể tách dầu mỡ (hiện hữu) => Bể điều hòa (hiện hữu) => Bể trung hòa => Bể Anoxic => Bể sinh học hiếu khí => Bể lắng sinh học => Bể keo tụ tạo bông => Bể lắng hóa lý => Bể khử trùng => Mương quan trắc => Hồ sinh học (hiện hữu) => Cổng thoát nước chung của Khu liên hợp công nghiệp - đô thị - dịch vụ Bình Dương sau đó thoát ra sông Đồng Nai.

Theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được duyệt thì Công ty phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 01 với công suất 3.000 m³/ngày. Tuy nhiên, do tiến độ thu hút đầu tư và phát sinh nước thải nên công ty đã phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 thành 2 module 1.000 m³/ngày và 2.000 m³/ngày. Đồng thời, đối với module 2, Công ty đã chuyển công đoạn xử lý sinh học lên trước công đoạn xử lý hóa lý, điều chỉnh công đoạn xử lý sinh học từ Anaerobic sang xử lý sinh học thiếu khí và hiếu khí.

2. Đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tự xử lý khí thải phát sinh.

3. Đối với công trình xử lý, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của công nhân viên được Công ty chuyển giao cho Đội rác dân lập phường Phú Tân thu gom, xử lý.

4. Đối với công trình xử lý, lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):

Công ty đã bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh gồm: bồn dằn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu, dầu động cơ, bùn thải từ hệ thống xử lý hóa lý, ... tại nhà chứa có diện tích khoảng 20m², có mái che, biển cảnh báo, nền bê tông, đồng thời hợp đồng với Xi nghiệp xử lý chất thải – Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương thu gom, xử lý.

5. Đối với công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Công ty đã được Sở Cảnh sát phòng cháy chữa cháy tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy số 289/TD-PCCC ngày 19 tháng 9 năm 2013 cho hệ thống cấp nước chữa cháy khu công nghiệp Kim Huy.

- Công ty đã đầu tư lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động và kết nối dữ liệu về trạm điều hành trung tâm và được Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bình Dương xác nhận tại văn bản số 593/TTQT-TĐ ngày 27 tháng 8 năm 2015.

Căn cứ vào kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm Dự án nêu trên, cho thấy Dự án đã đủ điều kiện vận hành thử nghiệm. Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu Công ty phải thực hiện đầy đủ các biện pháp khống chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo như Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải, Công ty thực hiện những nội dung sau:

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm; tổ chức theo dõi, giám sát kết quả quan trắc nước thải tự động đã được kết nối và truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Phối hợp với tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để quan trắc chất thải (lấy mẫu tổ hợp), đánh giá hiệu quả trong từng công đoạn xử lý và cả công trình xử lý chất thải. Việc quan trắc chất thải phải tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường;

- Tự đánh giá hoặc thuê tổ chức có đủ năng lực đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý chất thải của Công ty; tổng hợp, đánh giá các số liệu quan

trắc chất thải và lập báo cáo kết quả hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm cả công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định;

Trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án, nếu chất thải xả ra môi trường không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, chủ dự án phải thực hiện các biện pháp sau:

- Cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung các công trình xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định;

- Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường, chủ dự án phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời tới Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, để đảm bảo tính khách quan, trong quá trình vận hành thử nghiệm Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tiến hành kiểm tra và lấy mẫu đột xuất để đánh giá hiệu quả các công trình xử lý chất thải của Công ty.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Công ty TNHH Phát triển khu công nghiệp Kim Huy biết, làm căn cứ triển khai các bước tiếp theo, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường./.

Nơi nhận: h

- Như trên;
- Phòng TNMT tp TDM;
- Lưu: VT, CCBVMT, Mhđ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Nguyên

ĐIỂN HÌNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số 219 KSTNMT-CCBMT
Nơi thông báo kết quả kiểm tra việc xin
hành thủ tục nhập công trình xử lý nước thải
thứ 2 của khu công nghiệp Kim Huy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Wish Ungong, ngin-2/there



Kính gửi: Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy

Căn cứ quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra đối với công trình xử lý nước thải thứ 2, công suất 2.000m³/ngày đêm của khu công nghiệp Kim Huy, Sơ Tài nguyên và Môi trường tổng báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án như sau:

1. Đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Đã tách riêng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải.

- Công ty đã đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải thứ 2, công suất 2.000 m³/ngày, bao gồm các hạng mục như sau: Nước thải => Bể thu gom và tách rác (hiện hữu) => Máy tách rác tinh => Bể tách dầu mỡ (hiện hữu) => Bể điều hòa (hiện hữu) => Bể trung hòa => Bể Anoxic => Bể sinh học hiếu khí => Bể lắng sinh học => Bể keo tụ tạo bông => Bể lắng hóa lý => Bể khí trũng => Mương quan trắc => Hồ sinh học (hiện hữu) => Thải ra kênh Tân Vĩnh Hiệp.

Theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được duyệt thì công trình xử lý nước thải này có sự thay đổi đó là đã chuyển công đoạn xử lý sinh học lên trước công đoạn xử lý hóa lý và bổ sung bể xử lý thiếu khí.

- Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom, phơi khô làm giảm độ ẩm, sau đó lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại và chuyển giao cho Công ty CP Nước - Môi trường Bình Dương xử lý.

- Hòa chất sử dụng: NaOH, Axit, Metanol, PAC, Polymer Anion, Polymer Cation, Chlorine.

- Công ty đã đầu tư lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động và kết nối dữ liệu về trạm điều hành trung tâm và được Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bình Dương xác nhận tại văn bản số 593/TTQT-TĐ ngày 27 tháng 8 năm 2015.

- Theo báo cáo thử trong thời gian vận hành thử nghiệm Công ty đã phối hợp với đơn vị đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (Trung tâm Công nghệ môi trường) tiến hành lấy mẫu phân tích đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải, kết quả cho thấy nước thải sau công trình xử lý đạt quy chuẩn thải ra môi trường. Kết quả lấy mẫu phân tích để đối chứng của Sở

Tài nguyên và Môi trường, vào ngày 12 tháng 5 năm 2020 thì nước thải sau công trình xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép thải ra môi trường QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A với $K_1 = 0,9$; $K_2 = 1,0$, kèm theo Phụ lục kết quả thử nghiệm số 2123/KQ-TTQTKT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Trung tâm Quan trắc Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường.

2. Đối với công trình xử lý, lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):

Đã bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh (bong đèn luỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu, dầu động cơ, bùn thải từ hệ thống xử lý hóa học), tại nhà chứa có mái che, biển cảnh báo, nền bê tông.

- Đã hợp đồng với Xã nghiệp xử lý chất thải - Công ty, cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương để thu gom, xử lý.

3. Đối với công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Công ty đã được Sở Cảnh sát phòng cháy chữa cháy tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy số 289/TĐ-PCCC ngày 19 tháng 9 năm 2013 cho hệ thống cấp nước chữa cháy khu công nghiệp Kim Huy.

- Công ty đang xây dựng công trình hồ ứng phó sự cố môi trường dung tích 4.000 m³.

Căn cứ kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của Dự án như nêu trên, cho thấy Dự án đã đủ điều kiện để được Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Công ty TNHH Phát triển khu công nghiệp Kim Huy biết, làm căn cứ triển khai các bước tiếp theo, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

Nơi nhận:

- Nhà văn;
- Phòng TSMH tp TDM;
- Lưu VT, CCBVSMH, MHO.



Ngô Quang Sự



THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình,
công trình xây dựng

Kính gửi: Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ giấy phép xây dựng số 124/GPXD ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương;

Căn cứ vào hồ sơ thiết kế được thẩm định tại văn bản số 2529/BQL-QHND ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương;

Căn cứ báo cáo hoàn thành thi công xây dựng của Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy số 054 ngày 05 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ biên bản kiểm tra đối với công trình ngày 12 tháng 11 năm 2020.

Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương chấp thuận kết quả nghiệm thu của Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy đề đưa vào sử dụng đối với công trình/hạng mục công trình như sau:

1. Thông tin chung về hạng mục công trình, công trình xây dựng.

a) Tên công trình/hạng mục công trình: Trạm xử lý nước thải khu công nghiệp Kim Huy (giai đoạn 2)/ Cụm bể xử lý nước thải (giai đoạn 2); Nhà thời khí (liền kề cụm bể xử lý).

b) Địa điểm xây dựng: Khu KTDN (thửa 116, tờ bản đồ số 54), đường Nơ, khu công nghiệp Kim Huy, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Loại và cấp công trình: Công trình công nghiệp, cấp III

d) Các thông số chính của công trình:

d.1. Cụm bể xử lý nước thải (giai đoạn 2):

- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.
- Chiều cao thành bể: +3m (số với cốt sàn).
- Chiều cao công trình: +4,2m (tính tới đỉnh lan can).
- Chiều sâu đáy bể: -2,35m (tính từ cốt sàn).

- Diện tích xây dựng: $(24,4m \times 24,7m) + 2 \times (1m \times 4m) = 610,68m^2$. Trong đó, Diện tích bể: $24,4m \times 24,7m = 602,68m^2$; Cầu thang bên ngoài (02 cái): $2 \times 1m \times 4m = 8m^2$.

d.2. Nhà toilet khi (liền kề cụm bể xử lý):

- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt nền công trình: $+0,35m$ (so với cốt sàn).
- Chiều cao công trình: $+4,015m$ (tính từ cốt sàn).
- Diện tích xây dựng: $2,5m \times 3,5m = 8,75m^2$.

2. Các yêu cầu đối với Chủ đầu tư.

- Hoàn thiện, sắp xếp và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định.
- Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng, thiết kế được duyệt.
- Thường xuyên kiểm tra khả năng hoạt động của hệ thống phòng cháy chữa cháy và thực hiện đầy đủ các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy theo quy định.
- Kiểm tra, đôn đốc các nhà thầu khắc phục, xử lý nhanh chóng các khiếm khuyết (nếu có) trong thời gian bảo hành để đảm bảo chất lượng công trình và an toàn cho đơn vị sử dụng.

Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương thông báo đến Quý đơn vị được biết.

Trân trọng,


Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng QL, QH&XD;
- Lưu VT, A/C.



TRƯỞNG BAN

Bùi Minh Trí

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Số: 1081 /KL-STNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bình Dương, ngày 16 tháng 5 năm 2020



KẾT LUẬN KIỂM TRA

Về công tác bảo vệ môi trường của khu công nghiệp Kim Huy
do Công ty TNHH Phát triển khu công nghiệp Kim Huy làm chủ đầu tư

Thực hiện Quyết định số 494/QĐ-STNMT ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với chủ đầu tư khu công nghiệp Kim Huy và các Công ty thành viên trong khu công nghiệp, ngày 12 tháng 5 năm 2020 Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp Kim Huy (Địa chỉ: phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương).

Xét Báo cáo số 4082 /BC-ĐKT ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Trưởng Đoàn kiểm tra;

Nay, Sở Tài nguyên và Môi trường kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Về hồ sơ pháp lý

- Công ty TNHH Phát triển khu công nghiệp Kim Huy hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000042 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 11 tháng 12 năm 2006, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 14 tháng 4 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên với mã số là 3700747025 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 3 năm 2014.

- Công ty TNHH Kim Huy (nay là Công ty TNHH Phát triển khu công nghiệp Kim Huy) đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Dự án “đầu tư và kinh doanh khu công nghiệp Kim Huy” và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4924/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2006.

- Trong quá trình hoạt động, Công ty xin điều chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của khu công nghiệp Kim Huy và được Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất tại Văn bản số 1928/UBND-KTN ngày 10 tháng 7 năm 2013. Nội dung điều chỉnh là bổ sung thêm ngành nghề được phép thu hút đầu tư gồm: sản xuất đồ uống; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy (không sản xuất giấy từ nguyên liệu thô và bột giấy); in, sao chép bản ghi các loại; sản xuất thuốc và dược liệu; sản xuất sản phẩm từ plastic và cao su (không chế biến mủ từ cao su tươi); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (không gia công xi mạ). Hiện nay, khu công nghiệp có một số điều chỉnh về quy hoạch, cụ thể như: giảm quy mô diện tích từ 213,63ha xuống 171,63ha, tăng diện tích đất kỹ thuật từ 5,97ha lên 6,05ha, giảm diện tích đất hành chính dịch vụ từ 16,74ha xuống

12,23ha, giảm diện tích đất cây xanh từ 22,28ha xuống 17,71ha, giảm diện tích đất giao thông từ 32,3ha xuống 22,21ha. Các nội dung điều chỉnh này đã được Thủ tướng Chính phủ thống nhất tại Văn bản số 173/TTg-KTN ngày 18 tháng 01 năm 2016, được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết 1/2000 tại Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2017 và điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết 1/2000 tại Quyết định số 2091/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2019; đồng thời Công ty có văn bản xin điều chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của khu công nghiệp Kim Huy và được Sở Tài nguyên và Môi trường trả lời tại Văn bản số 29/STNMT-CCBVMT ngày 03 tháng 01 năm 2020. Theo văn bản này thì việc thay đổi các nội dung trên không thuộc đối tượng phải lập lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường hay điều chỉnh Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Công ty tự xem xét, quyết định và tự chịu trách nhiệm.

- Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường giai đoạn 1 của khu công nghiệp tại Giấy xác nhận số 1542/GXN-STNMT ngày 25 tháng 5 năm 2015. Hiện nay, Công ty đang hoàn thiện hồ sơ để xin cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường cho toàn bộ dự án.

2. Tình hình hoạt động

Khu công nghiệp Kim Huy bắt đầu hoạt động từ năm 2006. Hiện nay, trong khu công nghiệp có 24 doanh nghiệp đang hoạt động với tỷ lệ lấp đầy diện tích đất công nghiệp là 79,43%.

Tổng lượng nước cấp sử dụng của toàn khu công nghiệp trung bình khoảng 1.000 m³/ngày từ nguồn nước thủy cục.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA

1. Về công tác thu gom, đấu nối, xử lý nước thải

- Công ty đã xây dựng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải riêng biệt.

+ Hệ thống thu gom nước mưa gồm các tuyến cống có đường kính từ 400mm đến 2.000mm bố trí dọc các tuyến đường giao thông nội bộ, sau đó đấu nối vào kênh Tân Vĩnh Hiệp tại 04 cửa xả gồm: 03 cửa xả tại góc đường H1 và đường N6, 01 cửa xả tại góc đường D1 và đường N6.

+ Hệ thống thu gom nước thải gồm các tuyến cống có đường kính từ 300mm đến 600mm bố trí dọc các tuyến đường giao thông nội bộ trong khu công nghiệp, thu gom về công trình xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp để xử lý, sau đó đấu nối vào đường N6 rồi chảy ra kênh Tân Vĩnh Hiệp tại 01 cửa xả tại góc đường D1 và N6.

Theo báo cáo của Công ty thì hiện nay 100% doanh nghiệp đang hoạt động trong khu công nghiệp đã đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp, không thải ra hệ thống thoát nước mưa. Tại thời điểm

kiểm tra trời không mưa và các tuyến cống thoát nước mưa không có nước chảy ra môi trường.

- Công ty đã xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Kim Huy có tổng công suất là $3.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (modul 1 là $1.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$, modul 2 là $2.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$) gồm các hạng mục như sau:

Nước thải $\Rightarrow$ Bể thu gom $\Rightarrow$ Lưới chắn rác $\Rightarrow$ Bể tách dầu mỡ $\Rightarrow$ Bể điều hòa $\Rightarrow$ Modul 1 hoặc Modul 2 $\Rightarrow$ Mương quan trắc tự động $\Rightarrow$ Hồ ổn định $\Rightarrow$ Thải ra môi trường (đường N6, kênh Tân Vĩnh Hiệp, Hồ điều tiết, suối Chợ, suối Cái, sông Đồng Nai).

+ **Modul 1:** Nước thải từ Bể điều hòa $\Rightarrow$ Bể keo tụ $\Rightarrow$ Bể tạo bông $\Rightarrow$ Bể lắng hóa lý $\Rightarrow$ Bể trung hòa $\Rightarrow$ Bể xử lý sinh học dính bám (FBR) $\Rightarrow$ Bể lắng sinh học $\Rightarrow$ Bể chứa trung gian $\Rightarrow$ Bồn lọc cát $\Rightarrow$ Bồn lọc than hoạt tính $\Rightarrow$ Bể khử trùng $\Rightarrow$ Bể khử Clo $\Rightarrow$ Quan trắc tự động $\Rightarrow$ Hồ ổn định.

+ **Modul 2:** Nước thải từ Bể điều hòa $\Rightarrow$ Bể trung hòa $\Rightarrow$ Bể Anoxic $\Rightarrow$ Bể Aerotank $\Rightarrow$ Bể lắng sinh học $\Rightarrow$ Bể keo tụ $\Rightarrow$ Bể tạo bông $\Rightarrow$ Bể lắng hóa lý $\Rightarrow$ Bể khử trùng $\Rightarrow$ Quan trắc tự động $\Rightarrow$ Hồ ổn định.

Tại thời điểm kiểm tra, modul 2 của công trình xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp đang được vận hành, còn modul 1 không hoạt động, tổng lưu lượng nước thải sau xử lý của khu công nghiệp là $965 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Theo giải trình của Công ty thì lưu lượng nước thải của khu công nghiệp hiện nay chỉ khoảng $900 - 1.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ nên modul 2 đảm bảo đủ công suất để xử lý, Công ty dự kiến trong năm 2020 sẽ thực hiện cải tạo modul 1 để dự phòng.

Theo Phiếu kết quả thử nghiệm số 2123/KQ-TTQTKT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Trung tâm Quan trắc - Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Bình Dương (mã mẫu TC₁₀/09900520) thì nước thải sau công trình xử lý đạt quy chuẩn thải ra môi trường (QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,0$).

- Bùn thải phát sinh từ công trình xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp được thu gom, phơi khô làm giảm độ ẩm, sau đó lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại và chuyển giao cho Chi nhánh xử lý chất thải thuộc Công ty cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương xử lý (hợp đồng số 1652-RNH/HD-KT/19 ngày 26 tháng 9 năm 2019).

2. Về hệ thống quan trắc nước thải tự động

- Công ty đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động tại công trình xử lý nước thải khu công nghiệp gồm: các thiết bị đo tự động 5 thông số (pH, COD, TSS, độ màu, lưu lượng nước thải đầu ra), 01 camera thân tại mương quan trắc, 01 camera xoay trên cao để quan sát các hạng mục công trình xử lý nước thải, tủ lấy mẫu tự động; đồng thời đã kết nối dữ liệu về trạm điều hành trung tâm của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Tại thời điểm kiểm tra, các thiết bị hệ thống quan trắc nước thải tự động đang hoạt động (số liệu hiển thị trên màn hình như sau: pH = 7,2, COD = 17,3, TSS = 14,6, độ màu = 41,4, lưu lượng = $75,1 \text{ m}^3/\text{h}$), còn tem niêm phong. Tuy

- Thực hiện các quy định về phân loại rác tại nguồn, không được đưa các loại chất thải nguy hại, chất thải không hợp pháp, chất thải có thể gây cháy, nổ, chất thải công nghiệp thông thường từ hoạt động sản xuất vào chung chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Giao rác đúng thời gian và đặt tại vị trí thỏa thuận, nơi lưu chứa phải thuận lợi cho phương tiện vận chuyển đi chuyển vào thu gom.
- Cử người kỹ xác nhận việc thu gom chất thải khi bên B đến thu gom.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật, Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết: hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 02.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại khoản 2.2 điều 2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 5.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Bố trí nhân sự, phương tiện đến nhận chất thải của bên A giao theo đúng thời gian thỏa thuận và đảm bảo các quy định vệ sinh đô thị. Phương tiện vận chuyển được trang bị bảo đảm vệ sinh môi trường, bảo đảm thu dọn sạch sẽ chất thải rơi vãi ngay sau khi thu gom.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa

thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 25 tháng 09 năm 2022. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.

5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.

5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.

5.4 Hợp đồng bao gồm 05 (năm) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ (02) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC

Lê Văn Cường

ĐẠI DIỆN BÊN B


PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Chí Thống

Trang 3

BÊN B: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY

Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02743.815015

Fax: 02743.815014

Mã số thuế: 3700747025

Do Ông Bà: Lữ Căn Cường

Chức vụ: Tổng Giám đốc làm đại diện.

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên B đồng ý giao cho bên A thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên B.

1.2. Điều kiện lưu chứa:

- Chất thải nguy hại được bên B thu gom, phân loại, lưu giữ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hiện hành trước khi giao cho Bên A. Chất thải nguy hại (CTNH) lưu chứa trong các bao bì, thiết bị đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn CTNH và tập trung trong kho chứa cô mối che. Bao bì, thùng chứa do bên B tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải nguy hại chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục Chất thải nguy hại chuyển giao đính kèm hợp đồng thì Bên A sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên B có xác nhận của bên A. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên B thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên A.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: theo yêu cầu của bên B, Bên B báo trước bên A 02 ngày làm việc. Bên B phải yêu cầu bên A thu gom ít nhất 03 tháng thu gom 01 lần (trừ ngày lễ và ngày tết)
- Địa điểm giao nhận: tại Công Ty TNHH Phát Triển Khu Công Nghiệp Kim Huy (Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá của từng loại chất thải được thể hiện trong bảng sau:

Sr	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Đơn giá xử lý (đồng/kg)	Đơn giá vận chuyển (đồng/lần)
01	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16.01.06	Hòa rắn / chôn	15.000	700.000

Trang 2

02	Giẻ lau, bao tay dính dần, dính hòa chất thải	Rắn	18 02 01	Thieu dót	5.000
03	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	Thieu dót	4.000
04	Bao bì đựng hóa chất, dầu nhớt thải	Rắn	18 01 01	Thieu dót	2.000
05	Pin chì thải	Rắn	19 06 01	Phá dỡ - tẩy rửa	10.000
06	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải	Lỏng	19 05 02	Thieu dót	7.000
07	Các linh kiện thiết bị điện tử thải	Rắn	16 01 13	Thieu dót	6.000
08	Bùn từ hệ thống xử lý hóa lý	Bùn	12 02 02	Chôn	6.000

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.

- Khi có thay đổi đơn giá, bên A sẽ báo cho bên B trước 30 ngày bằng văn bản

2.2. Phương thức thanh toán

- Căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên A sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên B.
- Bên B thanh toán cho bên A bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phải chuyển khoản do bên B chi trả). Thời gian thanh toán 30 ngày kể từ ngày bên B nhận được hóa đơn GTGT do bên A phát hành tại website: www.biwase.com.vn (định kỳ hàng tháng bên B vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Võ Thị Ngọc Thanh	khiep@kenkimluy.com.vn	0274.3815015

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên B phải thông báo cho bên A bằng văn bản. Nếu bên B không thông báo thì bên A sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên A được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên B không thanh toán cho Bên A theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên A sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên B đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Trang 3

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được nhận tiền do bên B thanh toán theo Điều 2.
- Bên A được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau:
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên B vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên B thanh toán trễ hạn theo quy định tại khoản 2.2 điều 2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 5.

Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên B vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên B vi phạm các quy định pháp luật liên hành mã gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên A.

Từ chối tiếp nhận loại CTNH không đúng với thông tin Danh mục CTNH quy định tại điều 2 của hợp đồng.

Từ chối tiếp nhận CTNH nếu không được lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý; có khả năng không đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại CTNH theo Danh mục CTNH quy định tại điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý CTNH được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên A có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên B giao theo quy định.
- Thực hiện Chứng từ CTNH theo quy định.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được quyền yêu cầu bên A thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên A xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên A vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên A xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại theo quy định.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên A theo Điều 2. Theo định lệ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1 – khoản 1.4, bên A đến thu gom chất thải mà bên B không giao chất thải thì bên B phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại điều 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Phát hành Chứng từ CTNH theo quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT cho bên A khi chuyển giao CTNH theo hợp đồng đã ký kết.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH theo quy định hiện hành.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên A có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.

- Nếu bên B thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên B sẽ phải nộp phạt cho bên A với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên A phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên B tạm ngưng giao chất thải cho bên A xử lý theo mục 3.2.1 Điều 3 thì bên B phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên A trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên B giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật, Bên B phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên A.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên B không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên, Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 25 tháng 09 năm 2022. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.

5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên B không tiếp tục giao chất thải cho bên A thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.

5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.

5.4 Hợp đồng bao gồm 05 (năm) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ (02) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Phạm Thanh Hùng

ĐẠI DIỆN BÊN B



Từ Văn Cường

Trang 3



PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Việc bổ sung danh mục chất thải nguy hại Công Ty TNHH Phát Triển Khu Công Nghiệp Kim Huy

Căn cứ hợp đồng số: 1652-RNH/HĐ-KT/19 ngày 26 tháng 09 năm 2019 được ký giữa Chi Nhánh Xử Lý Chất Thải (Bên A) và Công Ty TNHH Phát Triển Khu Công Nghiệp Kim Huy (Bên B) về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

Căn cứ vào Danh mục phân định chất thải bổ sung ngày 12/05/2020 của Công Ty TNHH Phát Triển Khu Công Nghiệp Kim Huy:

Hôm nay, ngày 12 tháng 05 năm 2020 tại Bình Dương, Chúng tôi gồm:

BÊN A: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI - CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Đại diện: Ông Ngô Chí Thắng

Chức vụ: Phó Giám đốc CN

(Theo giấy ủy quyền số 02/UQ-XLCT.NSQT ngày 04 tháng 05 năm 2020)

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Mã số thuế: 3700145694-008

BÊN B: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY

Ông (Bà): Lữ Cán Cường

Chức vụ: Tổng Giám đốc lâm đại diện.

Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Mã số thuế: 3700747025

Hai bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký phụ lục bổ sung danh mục chất thải trong hợp đồng xử lý chất thải số: 1652-RNH/HĐ-KT/19 ngày 26 tháng 09 năm 2019 với các điều khoản sau:

Điều 1: Bổ sung danh mục chất thải tại Điều 2, khoản 2.1 trên hợp đồng số: 1652-RNH/HĐ-KT/19 ngày 26 tháng 09 năm 2019 như sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Đơn giá xử lý (đồng/kg)
06	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải sau xử lý	Bùn	12-06-06	Thiêu đốt / Chôn	6.000

Điều II Các Nội dung và các điều khoản khác trong hợp đồng số 1652-RNH/HĐ-KT/19 ngày 26 tháng 09 năm 2019 vẫn không thay đổi.

Điều III: Các bên có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký.

Điều IV: Phụ lục hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Chí Cường

Từ Văn Cường



TỈNH/THÀNH PHỐ

Bình Dương

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: .../2021/.....



1. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY**
 Địa chỉ văn phòng: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

2. Chủ hành nghề QLCTNH1: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHẨN LÝ** Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.049, VX

Địa chỉ văn phòng: 60 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, Q7, TP. HCM ĐT: 028 3773 2023

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Lô G, CCN Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An ĐT: 0272 3753646

3. Chủ hành nghề QLCTNH2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở/dại lý: ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	0	Nghiên, PT, HR
2	Giẻ lau, bao tay dính dầu, dính hóa chất thải	x			18 02 01	0	Phối trộn, TĐ, HR
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	0	TC, TĐ
4	Bao bì đựng hóa chất, dầu nhớt thải	x			18 01 01	0	Phối trộn, TĐ, HR
5	Pin chì thải	x			19 06 01	0	Súc rửa, PT, TC, TĐ, HR, XLNT
6	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải		x		19 05 02	0	Phối trộn, TĐ, HR
7	Các linh kiện điện tử thải	x			16 01 13	0	PT, TC, TĐ, HR
8	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 06	5.370	Phối trộn, TĐ, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đóng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khắc (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: 62C-08183 Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH1: Tô Thị Phương Ký: Ngày: 21/01/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 21 tháng 01 năm 2021

Giám Đốc



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Long An, ngày 21 tháng 01 năm 2021

Giám Đốc



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□ - 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ

Bình Dương

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: .../2021/...



1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY

Địa chỉ văn phòng: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

2. Chủ hành nghề QLCTNH1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHẨN LÝ

Địa chỉ văn phòng: 60 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, Q7, TP. HCM

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Lô G, CCN Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6,049, VX

ĐT: 028 3773 2023

ĐT: 0272 3753646

3. Chủ hành nghề QLCTNH2:

Địa chỉ văn phòng:

Địa chỉ cơ sở/dại lý:

Mã số QLCTNH:

ĐT:

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	0	Nghiên, PT, HR
2	Giẻ lau, bao tay dính dầu, dính hóa chất thải	x			18 02 01	0	Phối trộn, TD, HR
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	0	TC, TD
4	Bao bì đựng hóa chất, dầu nhớt thải	x			18 01 01	0	Phối trộn, TD, HR
5	Pin chì thải	x			19 06 01	0	Súc rửa, PT, TC, TD, HR, XLNT
6	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải		x		19 05 02	0	Phối trộn, TD, HR
7	Các linh kiện điện tử thải	x			16 01 13	0	PT, TC, TD, HR
8	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 06	6.690	Phối trộn, TD, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tán/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khắc (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: 62C-06886

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH1: Tô Thị Phương

Ký: .../.../... Ngày: 15/03/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH2:

Ký: .../.../... Ngày: .../.../...

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Giám Đốc



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Long An, ngày ... tháng ... năm 2021

Giám Đốc



Lê Thị Thanh Thủy

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

*Liên số: 1□ - 2□ - 2⁵□ - 2¹□ - 4□ - 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ

Bình Dương

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: .../2021/...



1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY
Địa chỉ văn phòng: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

2. Chủ hành nghề QLCTNH: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHẨN LÝ Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.049, VX

Địa chỉ văn phòng: 60 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, Q7, TP.HCM ĐT: 028 3773 2023

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Lô G, CCN Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An ĐT: 0272 3753646

3. Chủ hành nghề QLCTNH2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở/dại lý: ĐT:

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	0	Nghiên, PT, HR
2	Giẻ lau, bao tay dính dầu, dính hóa chất thải	x			18 02 01	0	Phối trộn, TD, HR
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	0	TC, TD
4	Bao bì đựng hóa chất, dầu nhớt thải	x			18 01 01	0	Phối trộn, TD, HR
5	Pin chì thải	x			19 06 01	0	Súc rửa, PT, TC, TD, HR, XLNT
6	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải		x		19 05 02	0	Phối trộn, TD, HR
7	Các linh kiện điện tử thải	x			16 01 13	0	PT, TC, TD, HR
8	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 06	7.300	Phối trộn, TD, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đóng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: 62C-06886 Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH1: Tô Thị Phương Ký: Ngày: 02/04/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 02 tháng 04 năm 2021



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Long An, ngày 21 tháng 04 năm 2021



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số: 1□ - 2□ - 2⁴□ - 2⁵□ - 4□ - 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ

Bình Dương

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:/2021/.....



1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY

Địa chỉ văn phòng: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

2. Chủ hành nghề QLCTNH1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHẨN LÝ

Địa chỉ văn phòng: 60 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, Q7, TP.HCM

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Lô G, CCN Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.049. VX

ĐT: 028 3773 2023

ĐT: 0272 3753646

3. Chủ hành nghề QLCTNH2:

Địa chỉ văn phòng:

Địa chỉ cơ sở/đại lý:

Mã số QLCTNH:

ĐT:

ĐT:

4. Kế khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	0	Nghiên, PT, HR
2	Giẻ lau, bao tay dính dầu, dính hóa chất thải	x			18 02 01	0	Phối trộn, TĐ, HR
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	0	TC, TĐ
4	Bao bì đựng hóa chất, dầu nhớt thải	x			18 01 01	5	Phối trộn, TĐ, HR
5	Pin chì thải	x			19 06 01	0	Súc rửa, PT, TC, TĐ, HR, XLNT
6	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải		x		19 05 02	0	Phối trộn, TĐ, HR
7	Các linh kiện điện tử thải	x			16 01 13	0	PT, TC, TĐ, HR
8	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 06	4.700	Phối trộn, TĐ, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: 62C-10131

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH1: Tô Thị Phương

Ký:

Ngày: 23/04/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH2:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 23 tháng 04 năm 2021



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4



Lê Thị Thanh Thủy

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□ - 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ

Bình Dương

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: .../2021/.....



1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY

Địa chỉ văn phòng: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

2. Chủ hành nghề QLCTNH: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.849, VX

Địa chỉ văn phòng: 60 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, Q7, TP.HCM

ĐT: 028 3773 2023

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Lô G, CCN Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An

ĐT: 0272 3753646

3. Chủ hành nghề QLCTNH2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/dại lý:

ĐT:

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	0	Nghiên, PT, HR
2	Giẻ lau, bao tay dính dầu, dính hóa chất thải	x			18 02 01	0	Phối trộn, TĐ, HR
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	0	TC, TĐ
4	Bao bì đựng hòa chất, dầu nhớt thải	x			18 01 01	5	Phối trộn, TĐ, HR
5	Pin chì thải	x			19 06 01	0	Súc rửa, PT, TC, TĐ, HR, XLNT
6	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải		x		19 05 02	0	Phối trộn, TĐ, HR
7	Các linh kiện điện tử thải	x			16 01 13	0	PT, TC, TĐ, HR
8	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 06	6.900	Phối trộn, TĐ, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/học/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng ken); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu:.....

Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện: 62C-10131

Ngày xuất cảng:.....

Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH1: Tô Thị Phương

Ký: Ngày: 06/05/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH2:.....

Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 06 tháng 05 năm 2021

Giám Đốc



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Long An, ngày 06 tháng 05 năm 2021

Giám Đốc



Lê Thị Thanh Thủy

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số: 1□ - 2□ - 2□ - 2□ - 4□ - 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ

Bình Dương

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY H

Số: .../2021/...



1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY

Địa chỉ văn phòng: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 0274 375015

2. Chủ hành nghề QLCTNH: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHẨN LÝ

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6-049. VX

Địa chỉ văn phòng: 60 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, Q7, TP. HCM

ĐT: 028 3773 2023

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Lô G, CCN Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An

ĐT: 0272 3753646

3. Chủ hành nghề QLCTNH2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/dại lý:

ĐT:

4. Kế khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	0	Nghiên, PT, HR
2	Giẻ lau, bao tay dính dầu, dính hóa chất thải	x			18 02 01	0	Phối trộn, TD, HR
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	0	TC, TD
4	Bao bì đựng hóa chất, dầu nhớt thải	x			18 01 01	5	Phối trộn, TD, HR
5	Pin chì thải	x			19 06 01	0	Súc rửa, PT, TC, TD, HR, XLNT
6	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải		x		19 05 02	0	Phối trộn, TD, HR
7	Các linh kiện điện tử thải	x			16 01 13	0	PT, TC, TD, HR
8	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 06	9.400	Phối trộn, TD, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đóng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: 62C-08369

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH1: Tô Thị Phương

Ký: Ngày: 25/05/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH2:

Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 25 tháng 05 năm 2021



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Long An, ngày 26 tháng 5 năm 2021

Giám Đốc



Lê Thị Thanh Thủy

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số: 1□ - 2□ - 2^S□ - 2^T□ - 4□ - 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ

Bình Dương

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: .../2021/...



1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY

Địa chỉ văn phòng: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 0274 3815015

2. Chủ hành nghề QLCTNH1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.049. VX

Địa chỉ văn phòng: 60 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, Q7, TP.HCM

ĐT: 028 3773 2023

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Lô G, CCN Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An

ĐT: 0272 3753646

3. Chủ hành nghề QLCTNH2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/dại lý:

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	0	Nghiên, PT, HR
2	Giẻ lau, bao tay dính dầu, dính hóa chất thải	x			18 02 01	0	Phối trộn, TD, HR
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	0	TC, TD
4	Bao bì đựng hóa chất, dầu nhớt thải	x			18 01 01	0	Phối trộn, TD, HR
5	Pin chì thải	x			19 06 01	0	Súc rửa, PT, TC, TD, HR, XLNT
6	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phóng thí nghiệm thải		x		19 05 02	0	Phối trộn, TD, HR
7	Các linh kiện điện tử thải	x			16 01 13	0	PT, TC, TD, HR
8	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 06	8.980	Phối trộn, TD, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/dóng kết); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: 62C-08369

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH1: Tô Thị Phương

Ký: ... Ngày: 11/06/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH2:

Ký: ... Ngày: ...

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 11 tháng 06 năm 2021



Lê Văn Cường

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Long An, ngày ... tháng ... năm 2021



Lê Thị Thanh Thủy

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số: 1□ - 2□ - 2□ - 2□ - 4□ - 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ
Bình Dương

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:/2021/.....

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY
Địa chỉ văn phòng: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Địa chỉ cơ sở: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương



2. Chủ hành nghề QLCTNH1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHẨN LÝ
Địa chỉ văn phòng: 60 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, Q7, TP.HCM
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Lô G, CCN Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.049. VX
ĐT: 028 3773 2023
ĐT: 0272 3753646

3. Chủ hành nghề QLCTNH2:
Địa chỉ văn phòng:
Địa chỉ cơ sở/dại lý:

Mã số QLCTNH:
ĐT:
ĐT:

4. Kế khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	0	Nghiên, PT, HR
2	Giẻ lau, bao tay dính dầu, dính hóa chất thải	x			18 02 01	0	Phối trộn, TD, HR
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	0	TC, TD
4	Bao bì đựng hóa chất, dầu nhớt thải	x			18 01 01		Phối trộn, TD, HR
5	Pin chì thải	x			19 06 01	0	Súc rửa, PT, TC, TD, HR, XLNT
6	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải		x		19 05 02	0	Phối trộn, TD, HR
7	Các linh kiện điện tử thải	x			16 01 13	0	PT, TC, TD, HR
8	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 06	6.010	Phối trộn, TD, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tân thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện : 62C-06886 Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH1: Tô Thị Phương Ký: Ngày: 23/08/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH2:..... Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ hành nghề QLCTNH1 (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Long An, ngày 30 tháng 8 năm 2021
Giám Đốc

Lê Thị Thanh Thủy
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trong mùa mưa lũ)



Số : 2123/KQ-TTQTKT

PL6 - TT-TN-QLM
Bình Dương, ngày 19 tháng 05 năm 2020

Mã mẫu: TC10/09900520

- Tên mẫu:** Nước thải
- Nơi lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phường Phú Tân, tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu:** 12/05/2020
- Điều kiện lấy mẫu:**
- Ngày nhận mẫu:** 12/05/2020
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu:** THANH TRA LIÊN NGÀNH
Địa chỉ: Bình Dương
- Kết quả:**

Ngày thử nghiệm: 13/05/2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Tiêu chuẩn áp dụng
				TC10/09900520	QCVN 40:2011/BTNMT (A)
1	Xác định hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	TCVN 6193A:1996	< 0,014(**)	0,05
2	Xác định hàm lượng Crôm III (Cr3+)	mg/L	TCVN 6222-2008 & HACH 8023-1998 (*)	< 0,06(**)	0,18
3	Xác định tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625 -2000 (*)	6	45
4	Xác định hàm lượng Sắt tổng (Tổng Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996 (*)	0,06	0,9
5	Xác định hàm lượng Photpho tổng (Tổng Photpho)	mg/L	TCVN 6202-2008 (*)	0,04	3,6
6	Xác định hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	TCVN 6193(B)-1996 (*)	< 0,005(**)	0,09
7	Xác định độ màu (pH=7)	Pt-Co	TCVN 6185-2008 (*)	28	50
8	Xác định hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626-2000 (*)	< 0,00025(**)	0,045
9	Xác định hàm lượng Crôm VI (Cr6+)	mg/L	HACH 8023-2005	< 0,005(**)	0,045
10	Xác định nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD5)	mgO2/L	TCVN 6001-1-2008 (*)	8	27
11	Xác định hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008 (*)	< 0,00024(**)	0,0045
12	Xác định hàm lượng NH4+	mg/L	TCVN 5988:1995 (*)	0,7	4,5
13	Xác định hàm lượng Chất hoạt động bề mặt	mg/L	SMEWW 5540- C - 2017	0,09	-

Phiên kết quả này không được sao chép mang phân ngoại trừ trách nhiệm không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: Số 26 Huỳnh Văn Nghệ, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn TEL: 0274.3897638 Fax: 0274.3824753

14	Xác định hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	TCVN 6193:1996 (*)	< 0,03(**)	1,8
15	Xác định nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	TCVN 6491-1999 (*)	18	67,5
16	Xác định Coliform	MPN/100 mL	TCVN 6187-2-1996 (*)	210	3.000
17	Xác định hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	TCVN 6193:1996 (*)	0,03	2,7
18	Xác định hàm lượng Nitơ tổng (Tổng Nitơ)	mg/L	TCVN 6638-2000 (*)	8,4	18
19	Xác định hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	TCVN 6193:1996 (*)	0,04	0,18
20	Xác định hàm lượng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F-2017 (*)	< 0,3(**)	4,5
21	Xác định pH	-	TCVN 6492-2011	7,1	6-9

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT (A): Kq = 0,90 Kf = 1,00
- Vị trí lấy mẫu:
TC10/09900520: Sau công trình xử lý (tại mương quan trắc)
- (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
- Mẫu TC10/09900520 vẫn còn nguyên niêm phong khi nhận mẫu
- (**) Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TÀO MẠNH QUÂN

TỈNH/THÀNH PHỐ

Bình Dương

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: .../2021/.....

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY

Địa chỉ văn phòng: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6049.VX

ĐT: 0274 3815015

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

ĐT: 0272 3753646

Bình Dương, ngày 21 tháng 01 năm 2021

Giám Đốc



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Long An, ngày 21 tháng 01 năm 2021

Giám Đốc



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số: 1□ - 2□ - 25□ - 21□ - 4□ - 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Dương		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: .../2021/.....					
1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY Địa chỉ văn phòng: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương Địa chỉ cơ sở: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương							
2. Chủ hành nghề QLCTNH: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHẨN LÝ Địa chỉ văn phòng: 60 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, Q7, TP.HCM Địa chỉ cơ sở/đại lý: Lô G, CCN Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An		Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.049.VX ĐT: 028 3773 2023 ĐT: 0272 3753646					
3. Chủ hành nghề QLCTNH2: Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở/đại lý:		Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:					
4. Kế khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	0	Nghiên, PT, HR
2	Giẻ lau, bao tay dính dầu, dính hóa chất thải	x			18 02 01	0	Phối trộn, TD, HR
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	0	TC, TD
4	Bao bì đựng hóa chất, dầu nhớt thải	x			18 01 01	0	Phối trộn, TD, HR
5	Pin chì thải	x			19 06 01	0	Súc rửa, PT, TC, TD, HR, XLNT
6	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải		x		19 05 02	0	Phối trộn, TD, HR
7	Các linh kiện điện tử thải	x			16 01 13	0	PT, TC, TD, HR
8	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 06	6.690	Phối trộn, TD, HR
Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:..... Số hiệu phương tiện : 62C-06886 Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH1: Tô Thị Phương				Ký: Ngày: 15/03/2021			
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH2:.....				Ký: Ngày:			
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Bình Dương, ngày 15 tháng 03 năm 2021 Giám Đốc  <i>(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)</i>				8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Long An, ngày 15 tháng 03 năm 2021 Giám Đốc  <i>(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)</i>			
Liên số: 1□ - 2□ - 2^S□ - 2^T□ - 4□ - 5□							

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Dương		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY		Số: .../2021/.....					
Địa chỉ văn phòng: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương							
Địa chỉ cơ sở: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương							
2. Chủ hành nghề QLCTNH1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ		Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.049. VX					
Địa chỉ văn phòng: 60 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, Q7, TP.HCM		ĐT: 028 3773 2023					
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Lô G, CCN Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An		ĐT: 0272 3753646					
3. Chủ hành nghề QLCTNH2:		Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở/dại lý:		ĐT:					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	0	Nghiên, PT, HR
2	Giẻ lau, bao tay dính dầu, dính hóa chất thải	x			18 02 01	0	Phối trộn, TĐ, HR
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	0	TC, TĐ
4	Bao bì đựng hóa chất, dầu nhớt thải	x			18 01 01	0	Phối trộn, TĐ, HR
5	Pin chì thải	x			19 06 01	0	Súc rửa, PT, TC, TĐ, HR, XLNT
6	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải		x		19 05 02	0	Phối trộn, TĐ, HR
7	Các linh kiện điện tử thải	x			16 01 13	0	PT, TC, TĐ, HR
8	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 06	7.300	Phối trộn, TĐ, HR
Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)		Nước nhập khẩu:.....		Cửa khẩu nhập:.....			
Số hiệu phương tiện : 62C-06886		Ngày xuất cảng:.....		Cửa khẩu xuất:.....			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH1: Tô Thị Phương				Ký:		Ngày: 02/04/2021	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH2:.....				Ký:.....		Ngày:.....	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Bình Dương, ngày 02 tháng 04 năm 2021 Giám Đốc (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Long An, ngày 02 tháng 04 năm 2021 Giám Đốc (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐ - 5 ☐							

TỈNH/THÀNH PHỐ

Bình Dương

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:/2021/.....



1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY

Địa chỉ văn phòng: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

2. Chủ hành nghề QLCTNH1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ

Địa chỉ văn phòng: 60 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, Q7, TP.HCM

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Lô G, CCN Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.049. VX

ĐT: 028 3773 2023

ĐT: 0272 3753646

3. Chủ hành nghề QLCTNH2:

Địa chỉ văn phòng:

Địa chỉ cơ sở/dại lý:

Mã số QLCTNH:

ĐT:

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	0	Nghiên, PT, HR
2	Giẻ lau, bao tay dính dầu, dính hóa chất thải	x			18 02 01	0	Phối trộn, TD, HR
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	0	TC, TD
4	Bao bì đựng hóa chất, dầu nhớt thải	x			18 01 01	5	Phối trộn, TD, HR
5	Pin chì thải	x			19 06 01	0	Súc rơm, PT, TC, TD, HR, XLNT
6	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải		x		19 05 02	0	Phối trộn, TD, HR
7	Các linh kiện điện tử thải	x			16 01 13	0	PT, TC, TD, HR
8	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 06	4.700	Phối trộn, TD, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Số hiệu phương tiện: 62C-10131

Nước nhập khẩu:.....

Cửa khẩu nhập:.....

Ngày xuất cảng:.....

Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH1: Tô Thị Phương

Ký:.....

Ngày: 23/04/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH2:.....

Ký:.....

Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 23 tháng 04 năm 2021

Giám Đốc



Lữ Văn Cường

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Long An, ngày 23 tháng 5 năm 2021

Giám Đốc



Lê Thị Thanh Thủy

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

*Liên số: 1□ - 2□ - 2⁵□ - 2¹□ - 4□ - 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ

Bình Dương

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: .../2021/...



1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY

Địa chỉ văn phòng: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

2. Chủ hành nghề QLCTNH: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ

Địa chỉ văn phòng: 60 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, Q7, TP.HCM

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Lô G, CCN Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.049. VX

ĐT: 028 3773 2023

ĐT: 0272 3753646

3. Chủ hành nghề QLCTNH2:

Địa chỉ văn phòng:

Địa chỉ cơ sở/dại lý:

Mã số QLCTNH:

ĐT:

ĐT:

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	0	Nghiền, PT, HR
2	Giẻ lau, bao tay dính dầu, dính hóa chất thải	x			18 02 01	0	Phối trộn, TĐ, HR
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	0	TC, TĐ
4	Bao bì đựng hóa chất, dầu nhớt thải	x			18 01 01	5	Phối trộn, TĐ, HR
5	Pin chì thải	x			19 06 01	0	Súc rửa, PT, TC, TĐ, HR, XLNT
6	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải		x		19 05 02	0	Phối trộn, TĐ, HR
7	Các linh kiện điện tử thải	x			16 01 13	0	PT, TC, TĐ, HR
8	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 06	6.900	Phối trộn, TĐ, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khắc (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Số hiệu phương tiện: 62C-10131

Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH1: Tô Thị Phương

Ký:..... Ngày: 06/05/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH2:.....

Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 06 tháng 05 năm 2021

Giám Đốc



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
 Tô Văn Cường

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Long An, ngày 10 tháng 5 năm 2021

Giám Đốc



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
 Lê Thị Thanh Thủy

Liên số: 1□ - 2□ - 2⁵□ - 2¹□ - 4□ - 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ
Bình Dương

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: .../2021/.....



1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY

Địa chỉ văn phòng: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 0274 3815015

2. Chủ hành nghề QLCTNH1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ

Địa chỉ văn phòng: 60 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, Q7, TP.HCM

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Lô G, CCN Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.049, VX

ĐT: 028 3773 2023

ĐT: 0272 3753646

3. Chủ hành nghề QLCTNH2:

Địa chỉ văn phòng:

Địa chỉ cơ sở/dại lý:

Mã số QLCTNH:

ĐT:

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	0	Nghiên, PT, HR
2	Giẻ lau, bao tay dính dầu, dính hóa chất thải	x			18 02 01	0	Phối trộn, TĐ, HR
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	0	TC, TĐ
4	Bao bì đựng hóa chất, dầu nhớt thải	x			18 01 01	5	Phối trộn, TĐ, HR
5	Pin chì thải	x			19 06 01	0	Súc rửa, PT, TC, TĐ, HR, XLNT
6	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phóng xạ nghiệm thải		x		19 05 02	0	Phối trộn, TĐ, HR
7	Các linh kiện điện tử thải	x			16 01 13	0	PT, TC, TĐ, HR
8	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 06	9.400	Phối trộn, TĐ, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chia/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dòng kết); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Số hiệu phương tiện: 62C-08369

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH1: Tô Thị Phương

Ký: Ngày: 25/05/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH2:

Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 25 tháng 05 năm 2021



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Long An, ngày 11 tháng 6 năm 2021

Giám Đốc



Lê Thị Thanh Thủy

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số: 1□ - 2□ - 2□ - 2□ - 4□ - 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ

Bình Dương

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: .../2021/.....



1. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY**
 Địa chỉ văn phòng: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
 ĐT: 0274 3815015

2. Chủ hành nghề QLCTNH1: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ** Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.049, VX
 Địa chỉ văn phòng: 60 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, Q7, TP. HCM ĐT: 028 3773 2023
 Địa chỉ cơ sở/dại lý: Lô G, CCN Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An ĐT: 0272 3753646

3. Chủ hành nghề QLCTNH2: Mã số QLCTNH:
 Địa chỉ văn phòng: ĐT:
 Địa chỉ cơ sở/dại lý: ĐT:

4. Kể khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	0	Nghiên, PT, HR
2	Giẻ lau, bao tay dính dầu, dính hóa chất thải	x			18 02 01	0	Phối trộn, TD, HR
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	0	TC, TB
4	Bao bì đựng hóa chất, dầu nhớt thải	x			18 01 01	0	Phối trộn, TD, HR
5	Pin chì thải	x			19 06 01	0	Súc rửa, PT, TC, TD, HR, XLNT
6	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải		x		19 05 02	0	Phối trộn, TD, HR
7	Các linh kiện điện tử thải	x			16 01 13	0	PT, TC, TB, HR
8	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 06	8.980	Phối trộn, TD, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TB (Thiêu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/ đóng kết); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
 Số hiệu phương tiện : 62C-08369 Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH1: Tô Thị Phương Ký: Ngày: 11/06/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 11 tháng 06 năm 2021

Giám Đốc



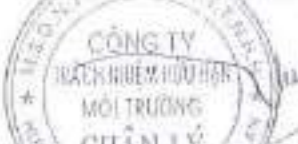
Từ Văn Cường

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Long An, ngày 23 tháng 6 năm 2021

Giám Đốc



Lê Thị Thanh Thủy

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐ - 5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ

Bình Dương

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:/2021/.....



1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY

Địa chỉ văn phòng: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 16, đường D1, KCN Kim Huy, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

2. Chủ hành nghề QLCTNH1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHẨN LÝ

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.049. VX

Địa chỉ văn phòng: 60 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, Q7, TP. HCM

ĐT: 028 3773 2023

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Lô G, CCN Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An

ĐT: 0272 3753646

3. Chủ hành nghề QLCTNH2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/đại lý:

ĐT:

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	0	Nghiên, PT, HR
2	Giẻ lau, bao tay dính dầu, dính hóa chất thải	x			18 02 01	0	Phối trộn, TD, HR
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	0	TC, TD
4	Bao bì đựng hóa chất, dầu nhớt thải	x			18 01 01		Phối trộn, TD, HR
5	Pin chì thải	x			19 06 01	0	Súc rửa, PT, TC, TD, HR, XLNT
6	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải		x		19 05 02	0	Phối trộn, TD, HR
7	Các linh kiện điện tử thải	x			16 01 13	0	PT, TC, TD, HR
8	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 06	6.010	Phối trộn, TD, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tân thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện: 62C-06886

Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH1: Tô Thị Phương

Ký: Ngày: 23/08/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QL CTNH2:..... Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)



P. Cán Cường
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Long An, ngày 30 tháng 8, năm 2021
Giám Đốc



Lê Thị Thanh Thúy
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số: 1□ - 2□ - 2⁵□ - 2¹□ - 4□ - 5□

BỘ CÔNG AN
SỞ CS PCCC T. BÌNH DƯƠNG
Số 28/LTD-PCCC (P2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 20/CVC ngày 17/1/2013 của: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Người đại diện là ông/bà: Lữ Cán Cường Chức danh: Giám đốc
(1) Sở Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương

CHỨNG NHẬN:

(2) HỆ THỐNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY KCN KIM HUY
Địa điểm: KCN Kim Huy, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Phát triển KCN Kim Huy
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Ki nghiệp Tư vấn CTN - Công ty TNHH MTV CTN MT Bình Dương
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

Hệ thống cấp nước chữa cháy

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.
Các yêu cầu kèm theo: (3) Đường ống cấp nước chữa cháy phải được kết nối mạng vòng; Số trụ nước chữa cháy trên 1 đoạn ống ≤ 5 ; khoảng cách giữa các trụ $\leq 150m$; lắp đặt trụ nước chữa cháy tiền lễ đường, gần ngã ba, ngã tư đường, cách nhà $\geq 5m$, cách mép vỉa hè $\leq 2,5m$; thông số, kích thước trụ nước chữa cháy đảm bảo theo TCVN 2622-1995; TCVN 6379-1998;
Tổ chức thi công theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

Bình Dương, ngày 17 tháng 1 năm 2013.

(4) KI. GIÁM ĐỐC
BỘ GIÁM ĐỐC



Đại tá Lê Anh Việt

Nơi nhận:
- Cục Cảnh sát PCCC (Hàng cáo);
- Công ty TNHH Phát triển KCN Kim Huy;
- Lưu P2(2).

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới;
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (tên, đóng dấu).

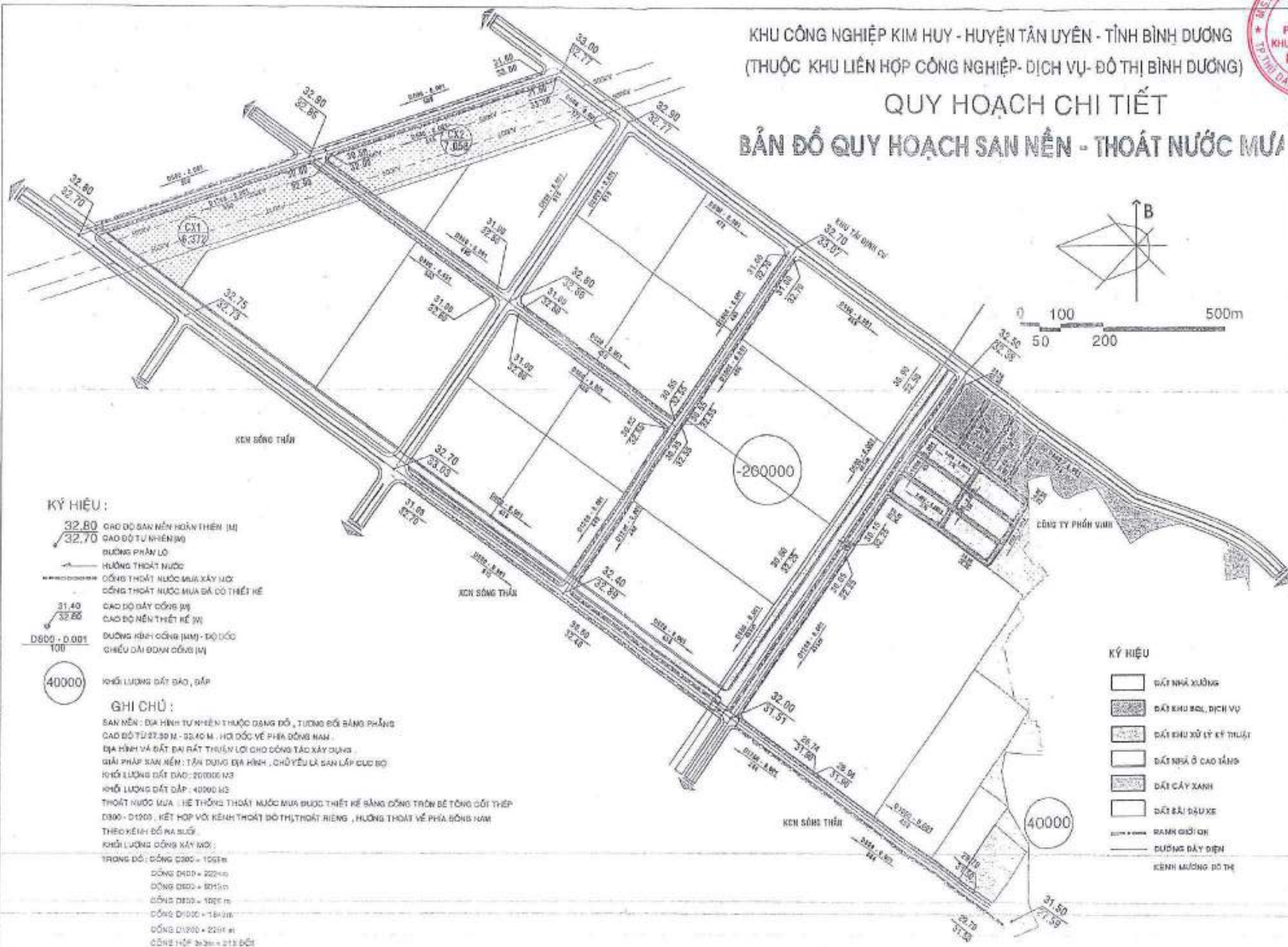
PHỤ LỤC 2:

CÁC BẢN VẼ



KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY - HUYỆN TÂN UYÊN - TỈNH BÌNH DƯƠNG
(THUỘC KHU LIÊN HỢP CÔNG NGHIỆP- DỊCH VỤ- ĐÔ THỊ BÌNH DƯƠNG)

QUY HOẠCH CHI TIẾT BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SAN NỀN - THOÁT NƯỚC MƯA



KÝ HIỆU :

- 32.80 CAO ĐỘ SAN NỀN HOÀN THIỆN (M)
- 32.70 CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (M)
- ĐƯỜNG PHÂN LỘ
- HƯỚNG THOÁT NƯỚC
- ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA XÂY MỚI
- ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA ĐÃ CÓ THIẾT KẾ
- 31.40 CAO ĐỘ DÂY CỐNG (M)
- 32.80 CAO ĐỘ NỀN THIẾT KẾ (M)
- ĐƯỜNG KINH CỐNG (MM) - ĐỘ DỐC
- CHIEU DÀI ĐOẠN CỐNG (M)

40000

KHỐI LƯỢNG ĐẤT ĐÀO, ĐẬP

GHI CHÚ :

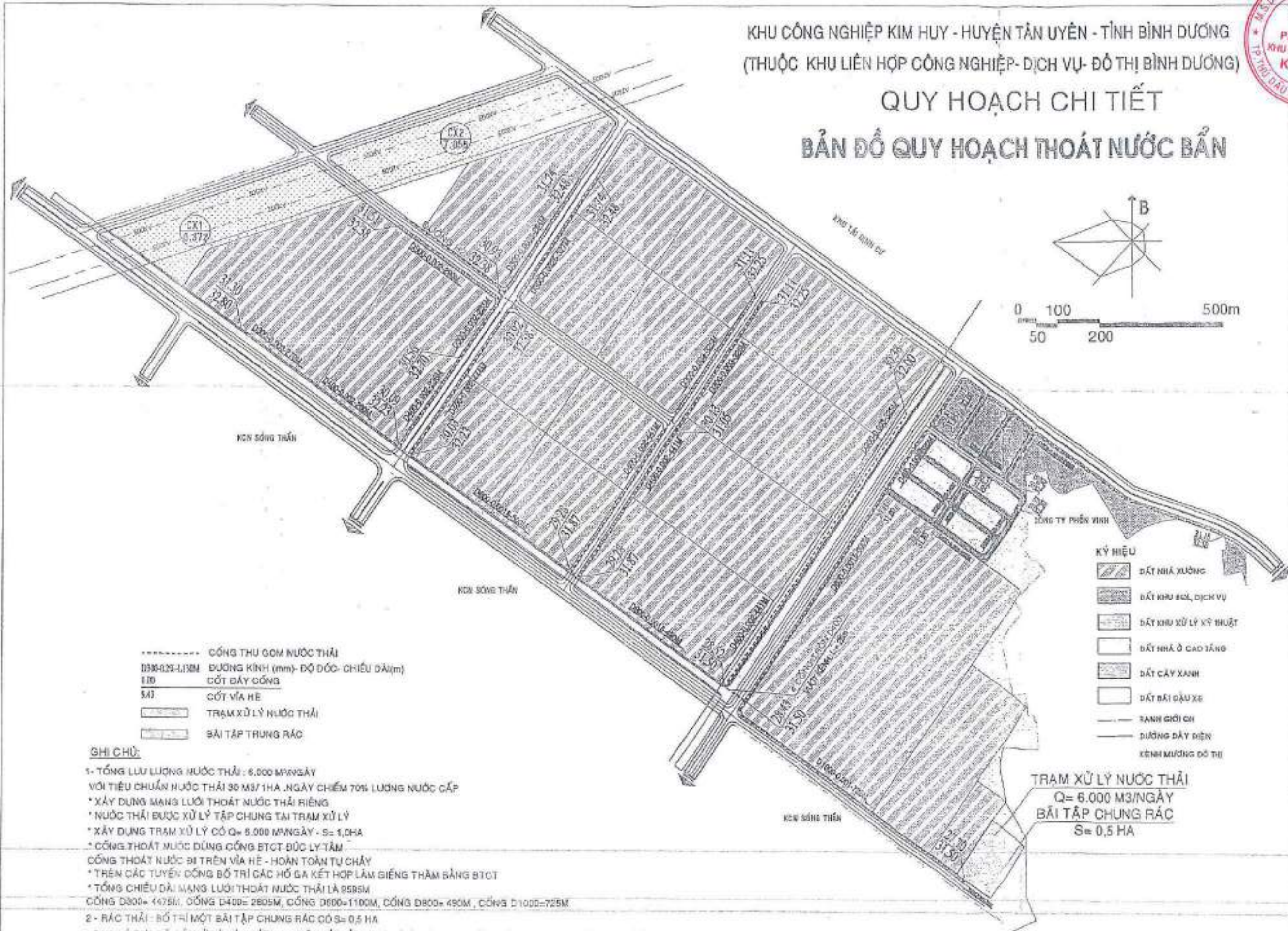
SAN NỀN : ĐỊA HÌNH TỰ NHIÊN THUỘC ĐỒNG ĐỚI, TƯƠNG ĐỐI BẰNG PHẪNG
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN 32.80 M - 32.40 M, HẸC DỐC VỀ PHÍA ĐÔNG NAM.
ĐỊA HÌNH VÀ ĐẤT ĐAI RẤT THUẬN LỢI CHO CÔNG TÁC XÂY DỰNG
GIẢI PHÁP SAN NỀN : TÂN DUNG ĐỊA HÌNH, CHỦ YẾU LÀ SAN LẤP CỤC BỘ
KHỐI LƯỢNG ĐẤT ĐÀO: 20000 M³
KHỐI LƯỢNG ĐẤT ĐẬP: 40000 M³
THOÁT NƯỚC MƯA : HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA ĐƯỢC THIẾT KẾ BẰNG CỐNG TRẦN BÉ TÔNG CỐT THÉP
Ø300 - Ø1200, KẾT HỢP VỚI KÊNH THOÁT ĐÔ THỊ THOÁT RIÊNG, HƯỚNG THOÁT VỀ PHÍA ĐÔNG NAM
THEO KÊNH ĐÓNG RA SÚC
KHỐI LƯỢNG CỐNG XÂY MỚI:
TRONG ĐÓ: CỐNG Ø300 = 1056 m
CỐNG Ø400 = 222 m
CỐNG Ø500 = 801 m
CỐNG Ø600 = 102 m
CỐNG Ø800 = 18 m
CỐNG Ø1000 = 21 m
CỐNG Ø1200 = 21 m
CỐNG HỢP 2m3m = 21 m

KÝ HIỆU

- ĐẤT NHÀ XƯỞNG
- ĐẤT KHU BQL, DỊCH VỤ
- ĐẤT KHU XỬ LÝ KỸ THUẬT
- ĐẤT NHÀ Ở CAO TẦNG
- ĐẤT CÂY XANH
- ĐẤT BÃI ĐẬU XE
- RANH GIỚI DK
- ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN
- KÊNH MƯƠNG ĐÔ THỊ

KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY - HUYỆN TÂN UYÊN - TỈNH BÌNH DƯƠNG
(THUỘC KHU LIÊN HỢP CÔNG NGHIỆP- DỊCH VỤ- ĐÔ THỊ BÌNH DƯƠNG)

QUY HOẠCH CHI TIẾT BẢN ĐỒ QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC BẮN



----- CỐNG THU GOM NƯỚC THẢI
1000-1000-1100M ĐƯỜNG KÍNH (mm)- ĐỘ DỐC- CHIỀU DÀI(m)
100 CỐT DÂY CỐNG
5x3 CỐT VÍA HÈ
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
BÃI TẬP TRUNG RÁC

GHI CHÚ:

- TỔNG LƯỢNG NƯỚC THẢI: 6.000 M³/NGÀY
VỚI TIÊU CHUẨN NƯỚC THẢI 30 M³/1HA, NGÀY CHIẾM 70% LƯỢNG NƯỚC CẤP
- XÂY DỰNG MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI RIÊNG
- NƯỚC THẢI ĐƯỢC XỬ LÝ TẬP CHUNG TẠI TRẠM XỬ LÝ
- XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ CÓ Q= 6.000 M³/NGÀY - S= 1,0HA
- CÔNG THOÁT NƯỚC DÙNG CỐNG BTCT ĐỘC LẬP TÂM
- CỐNG THOÁT NƯỚC BỊ TRÊN VÍA HÈ - HOÀN TOÀN TỰ CHÁY
- TRÊN CÁC TUYẾN CỐNG BỐ TRÍ CÁC HỐ GA KẾT HỢP LÂM GIẾNG THÂM BĂNG BTCT
- TỔNG CHIỀU DÀI MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI LÀ 9595M
- CỐNG D300= 4475M, CỐNG D400= 2805M, CỐNG D600= 1100M, CỐNG D800= 490M, CỐNG D1000= 725M
- RÁC THẢI: BỐ TRÍ MỘT BÃI TẬP CHUNG RÁC CÓ S= 0,5 HA
SAU ĐÓ ĐƯA TỚI BÃI XỬ LÝ RÁC CÔNG NGHIỆP CỦA TỈNH

KÝ HIỆU
 ĐẤT NHÀ XƯỞNG
 ĐẤT KHU BQL, DỊCH VỤ
 ĐẤT KHU XỬ LÝ XẾ THUẬT
 ĐẤT NHÀ Ở CAO TẦNG
 ĐẤT CÂY XANH
 ĐẤT BÃI DẬU XE
 TẠNH GIỚI CH
 DƯỜNG DÂY ĐIỆN
 KÊNH MƯƠNG ĐÓ TH

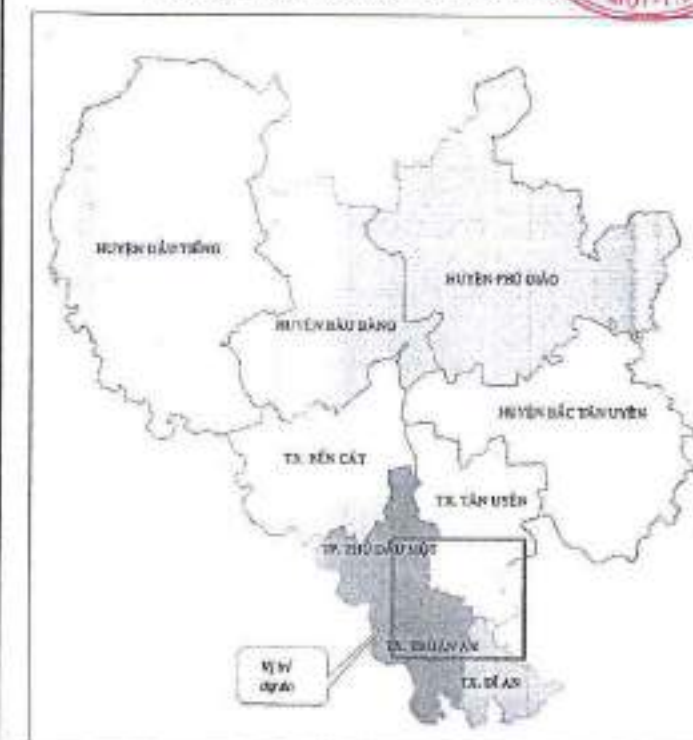
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Q= 6.000 M³/NGÀY
BÃI TẬP CHUNG RÁC
S= 0,5 HA

Địa chỉ: Khu công nghiệp Kim Huy, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Địa chỉ: Khu công nghiệp Kim Huy, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ DỰ ÁN TRONG TỈNH BÌNH DƯƠNG



Tỷ lệ / Hệ quy chiếu

Tỷ lệ 1:50.000

1cm bản đồ = 500m thực địa



Hệ tọa độ VN - 2000

Kinh tuyến trục tỉnh Bình Dương, mũi chiều 6 đồ

Chú dẫn:

- | | |
|---|-----------------------------------|
|  | Vị trí công trình xử lý nước thải |
|  | Vị trí điểm xả thải |
|  | Vị trí điểm tiếp nhận nước thải |
|  | Ranh giới cấp tỉnh |
|  | Ranh giới cấp huyện |
|  | Ranh giới cấp xã |
|  | Đường giao thông |
|  | Sông, suối |

PHỤ LỤC 3:
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



Số : 2098/KQ-TTQTKT

PL6-TT-TN-QLM
Bình Dương, ngày 18 tháng 05 năm 2020

Mã mẫu DV/37650520

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phường Phú Tân, tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 06/05/2020
- Điều kiện lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu: 06/05/2020 Ngày thử nghiệm: 07/05/2020
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỞNG
Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn nghệ, P. Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Kết quả:

ST	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Tiêu chuẩn áp dụng
				DV/37650520	QCVN 40:2011/BTNMT (A)
1	Xác định E.Coli	MPN/100 mL	TCVN 6187-1-2009	110	-

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT (A): $Kq = 0,90$ $Kf = 1,10$
- Vị trí lấy mẫu:
DV/37650520: trước HTXL nước thải

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Tbs. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



GIÁM ĐỐC

TÀO MẠNH QUÂN

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: Số 26 Huỳnh Văn Nghệ, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn

ĐT: 0274.3897628

Fax: 0274.3824753

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



Số : 2098/KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 18 tháng 05 năm 2020

Mã mẫu: DV/37660520

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phường Phú Tân, tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 06/05/2020
- Điều kiện lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu: 06/05/2020
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn nghệ, P. Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 07/05/2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Tiêu chuẩn áp dụng
				DV/37660520	QCVN 40:2011/BTNMT (A)
1	Xác định Coliform	MPN/100 mL	TCVN 6187-2-1996 (*)	430	3.000
2	Xác định hàm lượng Phenol	mg/L	TCVN 6216-1996	< 0,001(**)	0,099
3	Xác định hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626-2000 (*)	< 0,00025(**)	0,0495
4	Xác định hàm lượng Nitơ tổng (Tổng Nitơ)	mg/L	TCVN 6638-2000 (*)	8,4	19,8
5	Xác định hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	TCVN 6193:1996 (*)	0,02	2,97
6	Xác định nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD5)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1-2008 (*)	15	29,7
7	Xác định hàm lượng Photpho tổng (Tổng Photpho)	mg/L	TCVN 6202-2008 (*)	0,05	3,96
8	Xác định hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	TCVN 6193:1996 (*)	< 0,03(**)	0,198
9	Xác định nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	TCVN 6491-1999 (*)	31	74,25
10	Xác định hàm lượng Crom III (Cr3+)	mg/L	TCVN 6222-2008 & HACH 8023-1998 (*)	< 0,06(**)	0,198
11	Xác định hàm lượng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F-2017 (*)	< 0,3(**)	4,95
12	Xác định hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008 (*)	< 0,00024(**)	0,005
13	Xác định hàm lượng Clorua (Cl-)	mg/L	TCVN 6194-1996 (*)	49,6	495

Phiếu kết quả này không được sao chép, ứng dụng ngoài từ luận bộ nêu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: Số 26 Huỳnh Văn Nghệ, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn

ĐT: 0274.3897628

Fax: 0274.3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



PL6-TT-TN-QLM

Số: 3287/KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 29 tháng 07 năm 2020

Mã mẫu: DV/59000720

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phường Phú Tân, tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 16/07/2020
- Điều kiện lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu: 16/07/2020 Ngày thử nghiệm: 17/07/2020
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỞNG
Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn nghệ, P. Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Kết quả:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Tiêu chuẩn áp dụng
				DV/59000720	QCVN 40:2011/BTNMT (A)
1	Xác định Coliform	MPN/100 mL	TCVN 6187-2-1996 (*)	6.400	3.000
2	Xác định nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD5)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1-2008 (*)	29	29,7
3	Xác định hàm lượng Nitơ tổng (Tổng Nitơ)	mg/L	TCVN 6638-2000 (*)	11,2	19,8
4	Xác định hàm lượng Photpho tổng (Tổng Photpho)	mg/L	TCVN 6202-2008 (*)	1,8	3,96
5	Xác định hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626-2000 (*)	< 0,00025(**)	0,0495
6	Xác định pH	-	TCVN 6492-2011 (*)	6,9	6-9
7	Xác định hàm lượng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F-2017 (*)	< 0,3(**)	4,95
8	Xác định hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	TCVN 6193A-1996	< 0,014(**)	0,0495
9	Xác định nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	TCVN 6491-1999 (*)	70	74,25
10	Xác định hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008 (*)	< 0,00024(**)	0,00495
11	Xác định tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625 -2000 (*)	44	49,5
12	Xác định hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B-2012	0,0014	0,099

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn ĐT: 0274.3897628 Fax: 0274.3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



PL6-TT-TN-QLM

Số: 3287/KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 29 tháng 07 năm 2020

Mã mẫu: DV/59000720

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phường Phú Tân, tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 16/07/2020
- Điều kiện lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu: 16/07/2020 Ngày thử nghiệm: 17/07/2020
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn nghệ, P. Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Kết quả:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Tiêu chuẩn áp dụng
				DV/59000720	QCVN 40:2011/BTNMT (A)
1	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1-2009 (*)	49	-

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT (A): $K_q = 0,90$ $K_f = 1,10$
- Vị trí lấy mẫu: DV/59000720: trước HTXL nước thải
- (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



GIÁM ĐỐC

TÀO MẠNH QUẢN

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn

ĐT: 0274.3897628

Fax: 0274.3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



PL6-TT-TN-QLM

Số: 3287/KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 29 tháng 07 năm 2020

Mã mẫu: DV/59010720

1. Tên mẫu: NƯỚC THẢI

2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY

Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phường Phú Tân, tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

3. Ngày lấy mẫu: 16/07/2020

4. Điều kiện lấy mẫu:

5. Ngày nhận mẫu: 16/07/2020

Ngày thử nghiệm: 17/07/2020

6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỞNG

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn nghệ, P. Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

7. Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Tiêu chuẩn áp dụng
				DV/59010720	QCVN 40:2011/BTNMT (A)
1	Xác định hàm lượng Cl ₂	mg/L	TCVN 6225-3-2011 (*)	< 0,26(**)	0,99
2	Xác định hàm lượng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181-1996	< 0,002(**)	0,0693
3	Xác định tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625 -2000 (*)	7	49,5
4	Xác định Coliform	MPN/100 mL	TCVN 6187-2-1996 (*)	460	3.000
5	Xác định hàm lượng Phenol	mg/L	TCVN 6216-1996	< 0,001(**)	0,099
6	Xác định độ màu (pH=7)	Pt-Co	TCVN 6185-2008 (*)	6	50
7	Xác định hàm lượng Chl (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2012	< 0,0008(**)	0,099
8	Xác định hàm lượng NH ₄ ⁺	mg/L	TCVN 5988:1995 (*)	< 0,14(**)	4,95
9	Xác định hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	TCVN 6193:1996 (*)	< 0,03(**)	1,98
10	Xác định hàm lượng Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	TCVN 6222-2008 & HACH 8023-1998 (*)	< 0,06(**)	0,198
11	Xác định hàm lượng Nitơ tổng (Tổng Nitơ)	mg/L	TCVN 6638-2000 (*)	7	19,8
12	Xác định hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	TCVN 6193:1996 (*)	< 0,01(**)	2,97
13	Xác định pH	-	TCVN 6492-2011 (*)	6,6	6-9

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn

ĐT: 0274.3897628

Fax: 0274.3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



PLo-TT-TN-QLM

Số: 3287/KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 29 tháng 07 năm 2020

Mã mẫu: DV/59010720

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phường Phú Tân, tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Ngày lấy mẫu: 16/07/2020
- Điều kiện lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu: 16/07/2020 Ngày thử nghiệm: 17/07/2020
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỞNG
Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn nghệ, P. Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Tiêu chuẩn áp dụng
				DV/59010720	QCVN 40:2011/BTNMT (A)
1	Xác định hàm lượng Cl ₂	mg/L	TCVN 6225-3-2011 (*)	< 0,26(**)	0,99
2	Xác định hàm lượng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181-1996	< 0,002(**)	0,0693
3	Xác định tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625 -2000 (*)	7	49,5
4	Xác định Coliform	MPN/100 mL	TCVN 6187-2-1996 (*)	460	3.000
5	Xác định hàm lượng Phenol	mg/L	TCVN 6216-1996	< 0,001(**)	0,099
6	Xác định độ màu (pH=7)	Pl-Co	TCVN 6185-2008 (*)	6	50
7	Xác định hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2012	< 0,0008(**)	0,099
8	Xác định hàm lượng NH ₄ ⁺	mg/L	TCVN 5988:1995 (*)	< 0,14(**)	4,95
9	Xác định hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	TCVN 6193:1996 (*)	< 0,03(**)	1,98
10	Xác định hàm lượng Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	TCVN 6222-2008 & HACH 8023-1998 (*)	< 0,06(**)	0,198
11	Xác định hàm lượng Nitơ tổng (Tổng Nitơ)	mg/L	TCVN 6638-2000 (*)	7	19,8
12	Xác định hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	TCVN 6193:1996 (*)	< 0,01(**)	2,97
13	Xác định pH	-	TCVN 6492-2011 (*)	6,6	6-9

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn

ĐT: 0274.3897628

Fax: 0274 3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



PL6-TT-TN-QLM

Số: 3287/KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 29 tháng 07 năm 2020
Mã mẫu: DV/59000720

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phường Phú Tân, tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 16/07/2020
- Điều kiện lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu: 16/07/2020
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn nghệ, P. Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 17/07/2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Tiêu chuẩn áp dụng
				DV/59000720	QCVN 40:2011/BTNMT (A)
1	Xác định Coliform	MPN/100 mL	TCVN 6187-2-1996 (*)	6.400	3.000
2	Xác định nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD5)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1-2008 (*)	29	29,7
3	Xác định hàm lượng Nitơ tổng (Tổng Nitơ)	mg/L	TCVN 6638-2000 (*)	11,2	19,8
4	Xác định hàm lượng Photpho tổng (Tổng Photpho)	mg/L	TCVN 6202-2008 (*)	1,8	3,96
5	Xác định hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626-2000 (*)	< 0,00025(**)	0,0495
6	Xác định pH	-	TCVN 6492-2011 (*)	6,9	6-9
7	Xác định hàm lượng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F- 2017 (*)	< 0,3(**)	4,95
8	Xác định hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	TCVN 6193A:1996	< 0,014(**)	0,0495
9	Xác định nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	TCVN 6491-1999 (*)	70	74,25
10	Xác định hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008 (*)	< 0,00024(**)	0,00495
11	Xác định tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625 -2000 (*)	44	49,5
12	Xác định hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B-2012	0,0014	0,099

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn ĐT: 0274.3897628 Fax: 0274.3824753

BREM

TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



PL6-TT-TN-QLM

Số: 3287/KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 29 tháng 07 năm 2020
Mã mẫu: DV/59000720

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phường Phú Tân, tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 16/07/2020
- Điều kiện lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu: 16/07/2020
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỞNG
Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn nghệ, P. Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 17/07/2020

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Tiêu chuẩn áp dụng
				DV/59000720	QCVN 40:2011/BTNMT (A)
1	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1-2009 (*)	49	-

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT (A): $K_q = 0,90$ $K_f = 1,10$
- Vị trí lấy mẫu: DV/59000720: trước HTXL nước thải
- (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



GIÁM ĐỐC

TẠO MẠNH QUẢN

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn

ĐT: 0274.3897628

Fax: 0274 3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



Số: 4872 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 27 tháng 10 năm 2020

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 15/10/2020
- Điều kiện lấy mẫu: Bình thường
- Ngày nhận mẫu: 15/10/2020
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu: Phòng quan trắc hiện trường
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 16/10/2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U (k=2, P = 95%)	QCVN 40-2011/BT NMT (A)
					DV1020-55934		
1	Hàm lượng <i>E.Coli</i>	CFU/100 mL	1	TCVN 6187-1-2009	31	-	-

Ghi chú:

- QCVN 40-2011/BTNMT (A): kq: 0.9; kf: 1.0;
- Vị trí lấy mẫu: DV1020-55934: Trước HTXL nước thải
- Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu

Tra cứu trực tuyến tại <http://brem.cenlab.vn:8080/ketqua/detail?id=1404>

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM


ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn ĐT: 0274.3897628 Fax: 0274.3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 4872 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 27 tháng 10 năm 2020

1. Tên mẫu: NƯỚC THẢI

2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY

Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương

3. Ngày lấy mẫu: 15/10/2020

4. Điều kiện lấy mẫu: Bình thường

5. Ngày nhận mẫu: 15/10/2020

Ngày thử nghiệm: 16/10/2020

6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY

Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương

7. Đơn vị lấy mẫu: Phòng quan trắc hiện trường

8. Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U (k=2, P = 95%)	QCVN 40- 2011/BT NMT (A)
					DV1020- 55934		
1	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	0,0001	SMEWW 3113B:2017	0,0005	-	0,045
2	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	0,0008	SMEWW 3113B:2017	0,0011	-	0,09
3	Hàm lượng dầu, mỡ khoáng	mg/L	0,3	SMEWW 5520B&F-2017 (*)	< 0,3 (**)	-	4,5
4	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD5)	mgO ₂ /L	1	TCVN 6001-1- 2008 (*)	44	± 0,792	27
5	Coliform	MPN/10 0 mL	3	TCVN 6187-2- 1996 (*)	2.000	-	3.000
6	Hàm lượng Photpho tổng (Tổng Photpho)	mg/L	0,005	TCVN 6202-2008 (*)	1,5	± 0,079	3,6
7	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	10	TCVN 6491-1999 (*)	97	± 7,469	67,5
8	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	5	TCVN 6625 -2000 (*)	35	± 3,01	45
9	Hàm lượng Nitơ tổng (Tổng Nito)	mg/L	2	TCVN 6638-2000 (*)	22,4	± 1,183	18
10	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	0,0003	TCVN 7877-2008 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,0045
11	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	0,0003	TCVN 6626:2000 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,045
12	Xác định pH	-	2-12	TCVN 6492-2011	6,9	-	6-9

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhdương.gov.vn

ĐT: 0274.3897628

Fax: 0274 3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 4872 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 27 tháng 10 năm 2020

1. Tên mẫu: NƯỚC THẢI
2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
3. Ngày lấy mẫu: 15/10/2020
4. Điều kiện lấy mẫu: Bình thường
5. Ngày nhận mẫu: 15/10/2020
6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
7. Đơn vị lấy mẫu: Phòng quan trắc hiện trường
8. Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 16/10/2020

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U (k=2, P=95%)	QCVN 40- 2011/BT NMT (A)
					DV1020-05760		
1	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	0,0001	SMEWW 3113B:2017	< 0,0001 (**)	-	0,045
2	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	0,0008	SMEWW 3113B:2017	< 0,0008 (**)	-	0,09
3	Hàm lượng dầu, mỡ khoáng	mg/L	0,3	SMEWW 5520B&F:2017 (*)	< 0,3 (**)	-	4,5
4	Hàm lượng NH ₄ ⁺	mg/L	0,14	TCVN 5988:1995 (*)	1,82	± 0,026	4,5
5	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	1	TCVN 6001-1-2008 (*)	6	± 0,108	27
6	Hàm lượng Sắt tổng (Tổng Fe)	mg/L	0,01	TCVN 6177:1996 (*)	0,38	± 0,004	0,9
7	Hàm lượng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	0,002	TCVN 6181-1996	< 0,002 (**)	-	0,063
8	Độ màu (pH=7)	Pt-Co	2	TCVN 6185-2008 (*)	22	± 1,32	50
9	Coliform	MPN/100 mL	3	TCVN 6187-2-1996 (*)	150	-	3.000
10	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	0,03	TCVN 6193(A):1996 (*)	< 0,03 (**)	-	1,8
11	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	0,01	TCVN 6193(A):1996 (*)	0,03	± 0,001	2,7
12	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	0,03	TCVN 6193(A):1996 (*)	< 0,03 (**)	-	0,18

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn

ĐT: 0274.3897628

Fax: 0274 3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



Số: 1309 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 07 tháng 04 năm 2021

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 29/03/2021
- Điều kiện lấy mẫu: Nắng
- Ngày nhận mẫu: 30/03/2021 Ngày thử nghiệm: 30/03/2021
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỞNG
- Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả		Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0321-27344	DV0321-64201		
1	Coliform (MPN/100 mL)	TCVN 6187-2-1996 (*)	2.800	210	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)	3.000
2	Hàm lượng Đồng (Cu) (mg/L)	TCVN 6193(A):1996 (*)	-	< 0,03 (**)	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)	1,0
3	Hàm lượng Kẽm (Zn) (mg/L)	TCVN 6193(A):1996 (*)	-	0,03	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)	2,0
4	Hàm lượng Niken (Ni) (mg/L)	TCVN 6193(A):1996 (*)	-	0,03	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)	0,18
5	Hàm lượng Clorua (Cl-) (mg/L)	TCVN 6194-1996 (*)	-	58,5	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)	450
6	Hàm lượng Photpho tổng (Tổng Photpho) (mg/L)	TCVN 6202-2008 (*)	3,78	0,07	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)	3,6
7	Hàm lượng Phenol (mg/L)	TCVN 6216-1996	-	< 0,001 (**)	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)	0,09
8	Hàm lượng Cl ₂ (mg/L)	TCVN 6225-3-2011 (*)	-	< 0,26 (**)	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)	0,9
9	Nhu cầu oxy hóa học (COD) (mgO ₂ /L)	TCVN 6491-1999 (*)	88	13	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)	67,5

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả		Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0321-27344	DV0321-64201		
29	Độ màu (pH=7) (Pt-Co)	TCVN 6185-2008 (*)	-	6	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)	50

Ghi chú:

- QCVN 40-2011/ BTNMT (A): kq: 0.9; kf: 1;
- Vị trí lấy mẫu:
DV0321-27344: Trước HTXL nước thải
DV0321-64201: Sau HTXL nước thải
- (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
- (**) Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu

Tra cứu trực tuyến tại <http://brem.cenlab.vn/ketqua/detail?id=5917>

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



GIÁM ĐỐC

TRẦN MẠNH QUÂN



**TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 2461 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 14 tháng 06 năm 2021



- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 28/05/2021
- Điều kiện lấy mẫu: Năng
- Ngày nhận mẫu: 29/05/2021
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỞNG
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 29/05/2021

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U (k=2, P = 95%)	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)
					DV0521-59915		
1	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	0,0001	SMEWW 3113B:2017	< 0,0001 (**)	-	0,0495
2	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	0,0008	SMEWW 3113B:2017	0,0016	-	0,099
3	Hàm lượng dầu, mỡ khoáng	mg/L	0,3	SMEWW 5520B&F-2017 (*)	< 0,3 (**)	-	4,95
4	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	1	TCVN 6001-1-2008 (*)	31	± 0,558	29,7
5	Coliform	MPN/100 mL	3	TCVN 6187-2-1996 (*)	1.500	-	3.000
6	Hàm lượng Photpho tổng (Tổng Photpho)	mg/L	0,005	TCVN 6202-2008 (*)	0,96	± 0,05	3,96
7	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	10	TCVN 6491-1999 (*)	70	± 5,39	74,25
8	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	5	TCVN 6625 -2000 (*)	21	± 1,806	49,5
9	Hàm lượng Nitơ tổng (Tổng Nitơ)	mg/L	2	TCVN 6638-2000 (*)	19,6	± 1,035	19,8
10	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	0,0003	TCVN 7877-2008 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,00495
11	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	0,0003	TCVN 6626-2000 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,0495
12	Xác định pH	-	0-14	TCVN 6492-2011 (*)	7,1	-	6-9
13	E.Coli(#)	CFU/100 mL	1	TCVN 6187-1-2009	4	-	-

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhdương.gov.vn

ĐT: 0274.3897628

Fax: 0274 3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 2461 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 14 tháng 06 năm 2021



1. Tên mẫu: NƯỚC THẢI

2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY

Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương

3. Ngày lấy mẫu: 28/05/2021

4. Điều kiện lấy mẫu: Nắng

5. Ngày nhận mẫu: 29/05/2021

Ngày thử nghiệm: 29/05/2021

6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY

Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương

7. Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

8. Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U (k=2, P=95%)	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)
					DV0521-02188		
1	Xác định pH	-	0-14	TCVN 6492-2011 (*)	6,4	-	6-9
2	Hàm lượng Florua (F ⁻)	mg/L	0,02	SMEWW 4500F-(B&D):2017	4,25	± 0,106	4,95
3	Hàm lượng Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	0,06	TCVN 6222:2008 & TCVN 6658:2000 (*)	< 0,06 (**)	-	0,198
4	Nhiệt độ	°C	0	SMEWW 2550 B-2017	30,2	-	40
5	Hàm lượng S ²⁻	mg/L	0,002	SMEWW 4500 S2-(B&D):2017	0,002	-	0,198
6	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	0,03	SMEWW 3111B:2017	0,13	± 0,008	0,495
7	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	0,0003	TCVN 6626:2000 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,0495
8	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	0,0003	TCVN 7877-2008 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,00495
9	Hàm lượng Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	0,005	TCVN 6658:2000	< 0,005 (**)	-	0,0495
10	Hàm lượng Nitơ tổng (Tổng Nitơ)	mg/L	2	TCVN 6638-2000 (*)	4,2	± 0,222	19,8
11	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	5	TCVN 6625 -2000 (*)	6	± 0,516	49,5
12	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	10	TCVN 6491-1999 (*)	13	± 1,001	74,25
13	Hàm lượng Cl ₂	mg/L	0,26	TCVN 6225-3-2011 (*)	< 0,26 (**)	± 0,015	0,99

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhdương.gov.vn ĐT: 0274.3897628 Fax: 0274.3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



Số: 3259 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 09 tháng 09 năm 2021

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 18/08/2021
- Điều kiện lấy mẫu: Nắng
- Ngày nhận mẫu: 19/08/2021
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 19/08/2021

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả		Quy chuẩn
			DV0821-13796	DV0821-97862	QCVN 40- 2011/ BTNMT (A)
1	Coliform (MPN/100 mL)	TCVN 6187-2-1996 (*)	3.900	230	3.000
2	Đồng (Cu) (mg/L)	TCVN 6193(A):1996 (*)	-	< 0,03 (**)	1,8
3	Kẽm (Zn) (mg/L)	TCVN 6193(A):1996 (*)	-	0,06	2,7
4	Niken (Ni) (mg/L)	TCVN 6193(A):1996 (*)	-	0,05	0,18
5	Clorua (Cl ⁻) (mg/L)	TCVN 6194-1996 (*)	-	62	450
6	Tổng Phot pho (tính theo P) (mg/L)	TCVN 6202-2008 (*)	0,85	0,11	3,6
7	Tổng Phenol (mg/L)	TCVN 6216-1996	-	< 0,001 (**)	0,09
8	Cl ₂ (mg/L)	TCVN 6225-3-2011 (*)	-	< 0,26 (**)	0,9
9	Nhu cầu oxy hóa học (COD) (mgO ₂ /L)	TCVN 6491-1999 (*)	110	13	67,5
10	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (mg/L)	TCVN 6625 -2000 (*)	32	11	45
11	Tổng Nitơ (mg/L)	TCVN 6638-2000 (*)	14	8,4	18
12	Crom VI (Cr ⁶⁺) (mg/L)	TCVN 6658:2000	-	< 0,005 (**)	0,045
13	Thủy ngân (Hg) (mg/L)	TCVN 7877-2008 (*)	< 0,0003 (**)	< 0,0003 (**)	0,0045
14	Asen (As) (mg/L)	TCVN 6626:2000 (*)	< 0,0003 (**)	< 0,0003 (**)	0,045

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhdương.gov.vn ĐT: 0274.3897628 Fax: 0274 3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

PL6-TT-TN-QLM



Số: 3259 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 09 tháng 09 năm 2021

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 18/08/2021
- Điều kiện lấy mẫu: Nắng
- Ngày nhận mẫu: 18/08/2021
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 18/08/2021

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U (k=2, P = 95%)	Quy chuẩn QCVN 40- 2011/ BTNMT (A)
					DV0821-59371		
1	Xác định pH	-	0 - 14	TCVN 6492-2011 (*)	6,8	-	6-9
2	Florua (F ⁻)	mg/L	0,02	SMEWW 4500F-(B&D):2017	1,16	± 0,03	4,5
3	Crom 3 (Cr ³⁺)	mg/L	0,06	TCVN 6222:2008 & TCVN 6658:2000 (*)	< 0,06 (**)	-	0,18
4	Nhiệt độ	°C	0	SMEWW 2550B:2017	30,1	-	40
5	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	0,002	SMEWW 4500 S2-(B&D):2017	0,01	-	0,18
6	Mangan (Mn)	mg/L	0,03	SMEWW 3111B:2017	< 0,03 (**)	-	0,45
7	Asen (As)	mg/L	0,0003	TCVN 6626:2000 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,045
8	Thủy ngân (Hg)	mg/L	0,0003	TCVN 7877-2008 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,0045
9	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	0,005	TCVN 6658:2000	< 0,005 (**)	-	0,045
10	Tổng Nito	mg/L	2	TCVN 6638-2000 (*)	8,4	± 0,4	18

1 / 3

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhdương.gov.vn

ĐT: 0274.3897628

Fax: 0274 3824753

Ghi chú:

- QCVN 40-2011/ BTNMT (A): lq: 0,9; kf: 1;
- Vị trí lấy mẫu:
DV0821-59371: Sau HTXL nước thải
- (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
- (**) Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu

Trà cứu trực tuyến tại <http://brem.cenlab.vn/ketqua/detail?id=10202>

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN THẾ TÙNG LÂM





TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



Số: 4219 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 22 tháng 11 năm 2021

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 12/11/2021
- Điều kiện lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu: 13/11/2021 Ngày thử nghiệm: 13/11/2021
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U (k=2, P = 95%)	Quy chuẩn
					DV1121-49618		QCVN 40-2011/ BTNMT (A)
1	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	0,005	TCVN 6202-2008 (*)	0,12	± 0,01	3,6
2	Xác định pH	-	0 - 14	TCVN 6492-2011 (*)	6,7	-	6-9
3	Florua (F ⁻)	mg/L	0,02	SMEWW 4500F-(B&D):2017	2,11	± 0,05	4,5
4	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	0,06	TCVN 6222:2008 + TCVN 6658:2000 (*)	< 0,06 (**)	-	0,18
5	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	0,002	SMEWW 4500 S2-(B&D):2017	< 0,002 (**)	-	0,18
6	Mangan (Mn)	mg/L	0,03	SMEWW 3111B:2017	0,05	-	0,45
7	Asen (As)	mg/L	0,0003	TCVN 6626:2000 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,045
8	Thủy ngân (Hg)	mg/L	0,0003	TCVN 7877-2008 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,0045
9	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	0,005	TCVN 6658:2000	< 0,005 (**)	-	0,045
10	Tổng Nito	mg/L	2	TCVN 6638-2000 (*)	8,4	± 0,4	18
11	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	5	TCVN 6625-2000 (*)	8	± 1	45
12	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	10	TCVN 6491-1999 (*)	26	± 2	67,5
13	Cl ₂	mg/L	0,26	TCVN 6225-3-2011 (*)	< 0,26 (**)	-	0,9



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



Số: 4214 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 22 tháng 11 năm 2021

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 12/11/2021
- Điều kiện lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu: 13/11/2021 Ngày thử nghiệm: 13/11/2021
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U ($k=2$, $P=95\%$)	Quy chuẩn QCVN 40- 2011/ BTNMT (A)
					DV1121-85035		
1	Cadmi (Cd)	mg/L	0,0001	SMEWW 3113B:2017	0,0002	-	0,045
2	Chì (Pb)	mg/L	0,0008	SMEWW 3113B:2017	0,0008	$\pm 0,0001$	0,09
3	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	0,3	SMEWW 5520B&F- 2017 (*)	0,5	-	4,5
4	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	1	TCVN 6001-1-2008 (*)	51	± 1	27
5	Coliform	MPN/100 mL	3	TCVN 6187-2-1996 (*)	6.400	-	3.000
6	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	0,005	TCVN 6202-2008 (*)	1,25	$\pm 0,06$	3,6
7	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	10	TCVN 6491-1999 (*)	119	± 9	67,5
8	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	5	TCVN 6625 -2000 (*)	29	± 2	45
9	Tổng Nitơ	mg/L	2	TCVN 6638-2000 (*)	21	± 1	18
10	Thủy ngân (Hg)	mg/L	0,0003	TCVN 7877-2008 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,0045
11	Asen (As)	mg/L	0,0003	TCVN 6626:2000 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,045

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



Số : 2098/KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 18 tháng 05 năm 2020

Mã mẫu: DV/37650520

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phường Phú Tân, tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 06/05/2020
- Điều kiện lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu: 06/05/2020 Ngày thử nghiệm: 07/05/2020
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỞNG
Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn nghệ, P. Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Kết quả:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Tiêu chuẩn áp dụng
				DV/37650520	QCVN 40:2011/BTNMT (A)
1	Xác định hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626-2000 (*)	< 0,00025(**)	0,0495
2	Xác định nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	TCVN 6491-1999 (*)	950	74,25
3	Xác định hàm lượng Photpho tổng (Tổng Photpho)	mg/L	TCVN 6202-2008 (*)	1,34	3,96
4	Xác định hàm lượng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F-2017 (*)	0,7	4,95
5	Xác định hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008 (*)	< 0,00024(**)	0,005
6	Xác định nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1-2008 (*)	432	29,7
7	Xác định hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	TCVN 6193(B)-1996 (*)	< 0,005(**)	0,099
8	Xác định Coliform	MPN/100 mL	TCVN 6187-2-1996 (*)	6.400	3.000
9	Xác định tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625 -2000 (*)	105	49,5
10	Xác định hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	TCVN 6193(B)-1996 (*)	< 0,014(**)	0,0495
11	Xác định hàm lượng Nitơ tổng (Tổng Nitơ)	mg/L	TCVN 6638-2000 (*)	28	19,8
12	Xác định pH	-	TCVN 6492-2011	6,8	6-9

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: Số 26 Huỳnh Văn Nghệ, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhdương.gov.vn ĐT: 0274.3897628 Fax: 0274.3824753

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



PL6-TT-TN-QLM

Số : 2098/KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 18 tháng 05 năm 2020

Mã mẫu: DV/37650520

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phường Phú Tân, tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 06/05/2020
- Điều kiện lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu: 06/05/2020 Ngày thử nghiệm: 07/05/2020
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỞNG
Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn nghệ, P. Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Tiêu chuẩn áp dụng
				DV/37650520	QCVN 40:2011/BTNMT (A)
1	Xác định E.Coli	MPN/100 mL	TCVN 6187-1-2009	110	-

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT (A): Kq = 0,90 Kf = 1,10

* Vị trí lấy mẫu:

DV/37650520: trước HTXL nước thải

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



CHẤM ĐỌC

TÀO MẠNH QUÂN

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: Số 26 Huỳnh Văn Nghệ, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn

ĐT: 0274.3897628

Fax: 0274.3824753

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



Số : 2098/KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 18 tháng 05 năm 2020

Mã mẫu: DV/37660520

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phường Phú Tân, tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 06/05/2020
- Điều kiện lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu: 06/05/2020 Ngày thử nghiệm: 07/05/2020
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn nghệ, P. Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Tiêu chuẩn áp dụng
				DV/37660520	QCVN 40:2011/BTNMT (A)
1	Xác định Coliform	MPN/100 mL	TCVN 6187-2-1996 (*)	430	3.000
2	Xác định hàm lượng Phenol	mg/L	TCVN 6216-1996	< 0,001(**)	0,099
3	Xác định hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626-2000 (*)	< 0,00025(**)	0,0495
4	Xác định hàm lượng Nitơ tổng (Tổng Nitơ)	mg/L	TCVN 6638-2000 (*)	8,4	19,8
5	Xác định hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	TCVN 6193:1996 (*)	0,02	2,97
6	Xác định nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD5)	mgO2/L	TCVN 6001-1-2008 (*)	15	29,7
7	Xác định hàm lượng Photpho tổng (Tổng Photpho)	mg/L	TCVN 6202-2008 (*)	0,05	3,96
8	Xác định hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	TCVN 6193:1996 (*)	< 0,03(**)	0,198
9	Xác định nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO2/L	TCVN 6491-1999 (*)	31	74,25
10	Xác định hàm lượng Crom III (Cr3+)	mg/L	TCVN 6222-2008 & HACH 8023-1998 (*)	< 0,06(**)	0,198
11	Xác định hàm lượng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F-2017 (*)	< 0,3(**)	4,95
12	Xác định hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008 (*)	< 0,00024(**)	0,005
13	Xác định hàm lượng Clorua (Cl-)	mg/L	TCVN 6194-1996 (*)	49,6	495

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: Số 26 Huỳnh Văn Nghệ, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhdương.gov.vn ĐT: 0274.3897628 Fax: 0274.3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



PL6-TT-TN-QLM

Số: 3287/KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 29 tháng 07 năm 2020

Mã mẫu: DV/59000720

1. Tên mẫu: NƯỚC THẢI

2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY

Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phường Phú Tân, tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

3. Ngày lấy mẫu: 16/07/2020

4. Điều kiện lấy mẫu:

5. Ngày nhận mẫu: 16/07/2020

Ngày thử nghiệm: 17/07/2020

6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỞNG

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn nghệ, P. Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

7. Kết quả:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Tiêu chuẩn áp dụng
				DV/59000720	QCVN 40:2011/BTNMT (A)
1	Xác định Coliform	MPN/100 mL	TCVN 6187-2-1996 (*)	6.400	3.000
2	Xác định nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD5)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1-2008 (*)	29	29,7
3	Xác định hàm lượng Nitơ tổng (Tổng Nitơ)	mg/L	TCVN 6638-2000 (*)	11,2	19,8
4	Xác định hàm lượng Photpho tổng (Tổng Photpho)	mg/L	TCVN 6202-2008 (*)	1,8	3,96
5	Xác định hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626-2000 (*)	< 0,00025(**)	0,0495
6	Xác định pH	-	TCVN 6492-2011 (*)	6,9	6-9
7	Xác định hàm lượng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F-2017 (*)	< 0,3(**)	4,95
8	Xác định hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	TCVN 6193A:1996	< 0,014(**)	0,0495
9	Xác định nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	TCVN 6491-1999 (*)	70	74,25
10	Xác định hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008 (*)	< 0,00024(**)	0,00495
11	Xác định tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625 -2000 (*)	44	49,5
12	Xác định hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2012	0,0014	0,099

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn

ĐT: 0274.3897628

Fax: 0274 3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



PL6-TT-TN-QLM

Số: 3287/KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 29 tháng 07 năm 2020

Mã mẫu: DV/59000720

1. Tên mẫu: NƯỚC THẢI

2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY

Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phường Phú Tân, tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

3. Ngày lấy mẫu: 16/07/2020

4. Điều kiện lấy mẫu:

5. Ngày nhận mẫu: 16/07/2020

Ngày thử nghiệm: 17/07/2020

6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỞNG

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn nghệ, P. Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

7. Kết quả:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Tiêu chuẩn áp dụng
				DV/59000720	QCVN 40:2011/BTNMT (A)
1	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1-2009 (*)	49	-

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT (A): $Kq = 0,90$ $Kf = 1,10$

- Vị trí lấy mẫu:

DV/59000720: trước HTXL nước thải

- (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG

GIÁM ĐỐC

LÀO MẠNH QUÂN

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn

ĐT: 0274.3897628

Fax: 0274.3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



PL6-TT-TN-QLM

Số: 3287/KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 29 tháng 07 năm 2020

Mã mẫu: DV/59010720

1. Tên mẫu: NƯỚC THẢI

2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY

Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phường Phú Tân, tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

3. Ngày lấy mẫu: 16/07/2020

4. Điều kiện lấy mẫu:

5. Ngày nhận mẫu: 16/07/2020

Ngày thử nghiệm: 17/07/2020

6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỞNG

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn nghệ, P. Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

7. Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Tiêu chuẩn áp dụng
				DV/59010720	QCVN 40:2011/BTNMT (A)
1	Xác định hàm lượng Cl ₂	mg/L	TCVN 6225-3-2011 (*)	< 0,26(**)	0,99
2	Xác định hàm lượng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181-1996	< 0,002(**)	0,0693
3	Xác định tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625 -2000 (*)	7	49,5
4	Xác định Coliform	MPN/100 mL	TCVN 6187-2-1996 (*)	460	3.000
5	Xác định hàm lượng Phenol	mg/L	TCVN 6216-1996	< 0,001(**)	0,099
6	Xác định độ màu (pH=7)	Pt-Co	TCVN 6185-2008 (*)	6	50
7	Xác định hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2012	< 0,0008(**)	0,099
8	Xác định hàm lượng NH ₄ ⁺	mg/L	TCVN 5988:1995 (*)	< 0,14(**)	4,95
9	Xác định hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	TCVN 6193:1996 (*)	< 0,03(**)	1,98
10	Xác định hàm lượng Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	TCVN 6222-2008 & HACH 8023-1998 (*)	< 0,06(**)	0,198
11	Xác định hàm lượng Nitơ tổng (Tổng Nitơ)	mg/L	TCVN 6638-2000 (*)	7	19,8
12	Xác định hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	TCVN 6193:1996 (*)	< 0,01(**)	2,97
13	Xác định pH	-	TCVN 6492-2011 (*)	6,6	6-9

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn ĐT: 0274.3897628 Fax: 0274.3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



PL6-TT-TN-QLM

Số: 3287/KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 29 tháng 07 năm 2020

Mã mẫu: DV/59010720

1. Tên mẫu: NƯỚC THẢI

2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY

Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phường Phú Tân, tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

3. Ngày lấy mẫu: 16/07/2020

4. Điều kiện lấy mẫu:

5. Ngày nhận mẫu: 16/07/2020

Ngày thử nghiệm: 17/07/2020

6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỞNG

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn nghệ, P. Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

7. Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Tiêu chuẩn áp dụng
				DV/59010720	QCVN 40:2011/BTNMT (A)
1	Xác định hàm lượng Cl ₂	mg/L	TCVN 6225-3-2011 (*)	< 0,26(**)	0,99
2	Xác định hàm lượng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181-1996	< 0,002(**)	0,0693
3	Xác định tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625 -2000 (*)	7	49,5
4	Xác định Coliform	MPN/100 mL	TCVN 6187-2-1996 (*)	460	3.000
5	Xác định hàm lượng Phenol	mg/L	TCVN 6216-1996	< 0,001(**)	0,099
6	Xác định độ màu (pH=7)	Pt-Co	TCVN 6185-2008 (*)	6	50
7	Xác định hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B-2012	< 0,0008(**)	0,099
8	Xác định hàm lượng NH ₄ ⁺	mg/L	TCVN 5988:1995 (*)	< 0,14(**)	4,95
9	Xác định hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	TCVN 6193:1996 (*)	< 0,03(**)	1,98
10	Xác định hàm lượng Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	TCVN 6222-2008 & HACH 8023-1998 (*)	< 0,06(**)	0,198
11	Xác định hàm lượng Nitơ tổng (Tổng Nitơ)	mg/L	TCVN 6638-2000 (*)	7	19,8
12	Xác định hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	TCVN 6193:1996 (*)	< 0,01(**)	2,97
13	Xác định pH	-	TCVN 6492-2011 (*)	6,6	6-9

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhdương.gov.vn

ĐT: 0274.3897628

Fax: 0274 3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



PL6-TT-TN-QLM

Số: 3287/KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 29 tháng 07 năm 2020

Mã mẫu: DV/59000720

1. Tên mẫu: NƯỚC THẢI

2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY

Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phường Phú Tân, tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

3. Ngày lấy mẫu: 16/07/2020

4. Điều kiện lấy mẫu:

5. Ngày nhận mẫu: 16/07/2020

Ngày thử nghiệm: 17/07/2020

6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỞNG

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, P. Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

7. Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Tiêu chuẩn áp dụng
				DV/59000720	QCVN 40:2011/BTNMT (A)
1	Xác định Coliform	MPN/100 mL	TCVN 6187-2-1996 (*)	6.400	3.000
2	Xác định nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD5)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1-2008 (*)	29	29,7
3	Xác định hàm lượng Nitơ tổng (Tổng Nitơ)	mg/L	TCVN 6638-2000 (*)	11,2	19,8
4	Xác định hàm lượng Photpho tổng (Tổng Photpho)	mg/L	TCVN 6202-2008 (*)	1,8	3,96
5	Xác định hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626-2000 (*)	< 0,00025(**)	0,0495
6	Xác định pH	-	TCVN 6492-2011 (*)	6,9	6-9
7	Xác định hàm lượng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F-2017 (*)	< 0,3(**)	4,95
8	Xác định hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	TCVN 6193A:1996	< 0,014(**)	0,0495
9	Xác định nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	TCVN 6491-1999 (*)	70	74,25
10	Xác định hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008 (*)	< 0,00024(**)	0,00495
11	Xác định tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625 -2000 (*)	44	49,5
12	Xác định hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2012	0,0014	0,099

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn

ĐT: 0274.3897628

Fax: 0274 3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



PL6-TT-TN-QLM

Số: 3287/KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 29 tháng 07 năm 2020

Mã mẫu: DV/59000720

1. Tên mẫu: NƯỚC THẢI

2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KIM HUY

Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phường Phú Tân, tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

3. Ngày lấy mẫu: 16/07/2020

4. Điều kiện lấy mẫu:

5. Ngày nhận mẫu: 16/07/2020

Ngày thử nghiệm: 17/07/2020

6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỞNG

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn nghệ, P. Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

7. Kết quả:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Tiêu chuẩn áp dụng
				DV/59000720	QCVN 40:2011/BTNMT (A)
1	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1-2009 (*)	49	-

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT (A): Kq = 0,90 Kf = 1,10

- Vị trí lấy mẫu:

DV/59000720: trước HTXL nước thải

- (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG

GIÁM ĐỐC



* TẠO MẠNH QUẢN

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn

ĐT: 0274.3897628

Fax: 0274 3824753



**TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



Số: 4872 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 27 tháng 10 năm 2020

1. Tên mẫu: NƯỚC THẢI
2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
3. Ngày lấy mẫu: 15/10/2020
4. Điều kiện lấy mẫu: Bình thường
5. Ngày nhận mẫu: 15/10/2020
6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
7. Đơn vị lấy mẫu: Phòng quan trắc hiện trường
8. Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 16/10/2020

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U (k=2, P = 95%)	QCVN 40-2011/BT NMT (A)
					DV1020-55934		
1	Hàm lượng <i>E.Coli</i>	CFU/100 mL	1	TCVN 6187-1-2009	31	-	-

Ghi chú:

- QCVN 40-2011/BTNMT (A); kq: 0.9; kf: 1.0;
- Vị trí lấy mẫu:
DV1020-55934: Trước HTXL nước thải
- Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu

Tra cứu trực tuyến tại <http://brem.cenlab.vn:8080/ketqua/detail?id=1404>

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



CHĂM ĐỌC
TRAO MẠNH QUẢN

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn ĐT: 0274.3897628 Fax: 0274 3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 4872 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 27 tháng 10 năm 2020

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 15/10/2020
- Điều kiện lấy mẫu: Bình thường
- Ngày nhận mẫu: 15/10/2020
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu: Phòng quan trắc hiện trường
- Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U (k=2, P = 95%)	QCVN 40-2011/BT NMT (A)
					DV1020-55934		
1	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	0,0001	SMEWW 3113B:2017	0,0005	-	0,045
2	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	0,0008	SMEWW 3113B:2017	0,0011	-	0,09
3	Hàm lượng dầu, mỡ khoáng	mg/L	0,3	SMEWW 5520B&F-2017 (*)	< 0,3 (**)	-	4,5
4	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD5)	mgO ₂ /L	1	TCVN 6001-1-2008 (*)	44	± 0,792	27
5	Coliform	MPN/100 mL	3	TCVN 6187-2-1996 (*)	2.000	-	3.000
6	Hàm lượng Photpho tổng (Tổng Photpho)	mg/L	0,005	TCVN 6202-2008 (*)	1,5	± 0,079	3,6
7	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	10	TCVN 6491-1999 (*)	97	± 7,469	67,5
8	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	5	TCVN 6625 -2000 (*)	35	± 3,01	45
9	Hàm lượng Nitơ tổng (Tổng Nitơ)	mg/L	2	TCVN 6638-2000 (*)	22,4	± 1,183	18
10	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	0,0003	TCVN 7877-2008 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,0045
11	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	0,0003	TCVN 6626-2000 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,045
12	Xác định pH	-	2-12	TCVN 6492-2011	6,9	-	6-9

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn ĐT: 0274.3897628 Fax: 0274 3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 4872 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 27 tháng 10 năm 2020

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 15/10/2020
- Điều kiện lấy mẫu: Bình thường
- Ngày nhận mẫu: 15/10/2020
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu: Phòng quan trắc hiện trường
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 16/10/2020

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U (k=2, P = 95%)	QCVN 40-2011/BT NMT (A)
					DV1020-05760		
1	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	0,0001	SMEWW/3113B:2017	< 0,0001 (**)	-	0,045
2	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	0,0008	SMEWW/3113B:2017	< 0,0008 (**)	-	0,09
3	Hàm lượng dầu, mỡ khoáng	mg/L	0,3	SMEWW/5520B&F-2017 (*)	< 0,3 (**)	-	4,5
4	Hàm lượng NH ₄ ⁺	mg/L	0,14	TCVN 5988:1995 (*)	1,82	± 0,026	4,5
5	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	1	TCVN 6001-1-2008 (*)	6	± 0,108	27
6	Hàm lượng Sắt tổng (Tổng Fe)	mg/L	0,01	TCVN 6177:1996 (*)	0,38	± 0,004	0,9
7	Hàm lượng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	0,002	TCVN 6181-1996	< 0,002 (**)	-	0,063
8	Độ màu (pH=7)	Pt-Co	2	TCVN 6185-2008 (*)	22	± 1,32	50
9	Coliform	MPN/100 mL	3	TCVN 6187-2-1996 (*)	150	-	3.000
10	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	0,03	TCVN 6193(A):1996 (*)	< 0,03 (**)	-	1,8
11	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	0,01	TCVN 6193(A):1996 (*)	0,03	± 0,001	2,7
12	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	0,03	TCVN 6193(A):1996 (*)	< 0,03 (**)	-	0,18

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn DT: 0274.3897628 Fax: 0274 3824753

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



Số: 1309 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 07 tháng 04 năm 2021

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 29/03/2021
- Điều kiện lấy mẫu: Nắng
- Ngày nhận mẫu: 30/03/2021
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỞNG
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 30/03/2021

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả		Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0321-27344	DV0321-64201		
1	Coliform (MPN/100 mL)	TCVN 6187-2-1996 (*)	2.800	210	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)	3.000
2	Hàm lượng Đồng (Cu) (mg/L)	TCVN 6193(A):1996 (*)	-	< 0,03 (**)	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)	
3	Hàm lượng Kẽm (Zn) (mg/L)	TCVN 6193(A):1996 (*)	-	0,03	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)	
4	Hàm lượng Niken (Ni) (mg/L)	TCVN 6193(A):1996 (*)	-	0,03	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)	
5	Hàm lượng Clorua (Cl-) (mg/L)	TCVN 6194-1996 (*)	-	58,5	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)	450
6	Hàm lượng Photpho tổng (Tổng Photpho) (mg/L)	TCVN 6202-2008 (*)	3,78	0,07	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)	3,6
7	Hàm lượng Phenol (mg/L)	TCVN 6216-1996	-	< 0,001 (**)	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)	0,09
8	Hàm lượng Cl ₂ (mg/L)	TCVN 6225-3-2011 (*)	-	< 0,26 (**)	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)	0,9
9	Nhu cầu oxy hóa học (COD) (mgO ₂ /L)	TCVN 6491-1999 (*)	88	13	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)	67,5



Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả		Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0321-27344	DV0321-64201		
29	Độ màu (pH=7) (Pt-Co)	TCVN 6185-2008 (*)	-	6	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)	50

Ghi chú:

- QCVN 40-2011/ BTNMT (A): kq: 0.9; kf: 1;
 - Vị trí lấy mẫu:
DV0321-27344: Trước HTXL nước thải
DV0321-64201: Sau HTXL nước thải
 - (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
 - (**) Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
- Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu

Tra cứu trực tuyến tại <http://brem.cenlab.vn/ketqua/detail?id=5917>

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



GIÁM ĐỐC

TÀO MẠNH QUẢN



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 2461 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 14 tháng 05 năm 2021

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 28/05/2021
- Điều kiện lấy mẫu: Năng
- Ngày nhận mẫu: 29/05/2021
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỞNG
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 29/05/2021

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U (k=2, P=95%)	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)
					DV0521-59915		
1	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	0,0001	SMEWW 3113B:2017	< 0,0001 (**)	-	0,0495
2	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	0,0008	SMEWW 3113B:2017	0,0016	-	0,099
3	Hàm lượng dầu, mỡ khoáng	mg/L	0,3	SMEWW 5520B&F-2017 (*)	< 0,3 (**)	-	4,95
4	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	1	TCVN 6001-1-2008 (*)	31	± 0,558	29,7
5	Coliform	MPN/100 mL	3	TCVN 6187-2-1996 (*)	1.500	-	3.000
6	Hàm lượng Photpho tổng (Tổng Photpho)	mg/L	0,005	TCVN 6202-2008 (*)	0,96	± 0,05	3,96
7	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	10	TCVN 6491-1999 (*)	70	± 5,39	74,25
8	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	5	TCVN 6625 -2000 (*)	21	± 1,806	49,5
9	Hàm lượng Nitơ tổng (Tổng Nitơ)	mg/L	2	TCVN 6638-2000 (*)	19,6	± 1,035	19,8
10	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	0,0003	TCVN 7877-2008 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,00495
11	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	0,0003	TCVN 6626:2000 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,0495
12	Xác định pH	-	0-14	TCVN 6492-2011 (*)	7,1	-	6-9
13	E.Coli(f)	CFU/100 mL	1	TCVN 6187-1-2009	4	-	-

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhdương.gov.vn ĐT: 0274.3897628 Fax: 0274.3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 2461 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 14 tháng 06 năm 2021

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 28/05/2021
- Điều kiện lấy mẫu: Nắng
- Ngày nhận mẫu: 29/05/2021
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỞNG
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 29/05/2021

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U (k=2, P=95%)	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)
					DV0521-02188		
1	Xác định pH	-	0-14	TCVN 6492-2011 (*)	6,4	-	6-9
2	Hàm lượng Florua (F ⁻)	mg/L	0,02	SMEWW 4500F-(B&D):2017	4,25	± 0,106	4,95
3	Hàm lượng Crôm III (Cr ³⁺)	mg/L	0,06	TCVN 6222:2008 & TCVN 6658:2000 (*)	< 0,06 (**)	-	0,198
4	Nhiệt độ	°C	0	SMEWW 2550 B-2017	30,2	-	40
5	Hàm lượng S ²⁻	mg/L	0,002	SMEWW 4500 S2-(B&D):2017	0,002	-	0,198
6	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	0,03	SMEWW 3111B:2017	0,13	± 0,008	0,495
7	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	0,0003	TCVN 6626:2000 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,0495
8	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	0,0003	TCVN 7877-2008 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,00495
9	Hàm lượng Crôm VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	0,005	TCVN 6658:2000	< 0,005 (**)	-	0,0495
10	Hàm lượng Nitơ tổng (Tổng Nitơ)	mg/L	2	TCVN 6638-2000 (*)	4,2	± 0,222	19,8
11	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	5	TCVN 6625 -2000 (*)	6	± 0,516	49,5
12	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	10	TCVN 6491-1999 (*)	13	± 1,001	74,25
13	Hàm lượng Cl ₂	mg/L	0,26	TCVN 6225-3-2011 (*)	< 0,26 (**)	± 0,015	0,99

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn ĐT: 0274.3897628 Fax: 0274.3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



Số: 3259 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 09 tháng 09 năm 2021

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 18/08/2021
- Điều kiện lấy mẫu: Nắng
- Ngày nhận mẫu: 19/08/2021
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 19/08/2021

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả		Quy chuẩn QCVN 40-2011/ BTNMT (A)
			DV0821-13796	DV0821-97862	
1	Coliform (MPN/100 mL)	TCVN 6187-2-1996 (*)	3.900	230	3.000
2	Đồng (Cu) (mg/L)	TCVN 6193(A):1996 (*)	-	< 0,03 (**)	1,8
3	Kẽm (Zn) (mg/L)	TCVN 6193(A):1996 (*)	-	0,06	2,7
4	Niken (Ni) (mg/L)	TCVN 6193(A):1996 (*)	-	0,05	0,18
5	Clorua (Cl) (mg/L)	TCVN 6194-1996 (*)	-	62	450
6	Tổng Phot pho (tính theo P) (mg/L)	TCVN 6202-2008 (*)	0,85	0,11	3,6
7	Tổng Phenol (mg/L)	TCVN 6216-1996	-	< 0,001 (**)	0,09
8	Cl2 (mg/L)	TCVN 6225-3-2011 (*)	-	< 0,26 (**)	0,9
9	Nhu cầu oxy hóa học (COD) (mgO ₂ /L)	TCVN 6491-1999 (*)	110	13	67,5
10	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (mg/L)	TCVN 6625 -2000 (*)	32	11	45
11	Tổng Nitơ (mg/L)	TCVN 6638-2000 (*)	14	8,4	18
12	Crom VI (Cr ^{VI}) (mg/L)	TCVN 6658:2000	-	< 0,005 (**)	0,045
13	Thủy ngân (Hg) (mg/L)	TCVN 7877-2008 (*)	< 0,0003 (**)	< 0,0003 (**)	0,0045
14	Asen (As) (mg/L)	TCVN 6626:2000 (*)	< 0,0003 (**)	< 0,0003 (**)	0,045

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn ĐT: 0274.3897628 Fax: 0274.3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



Số: 3259 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 09 tháng 09 năm 2021

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 18/08/2021
- Điều kiện lấy mẫu: Nắng
- Ngày nhận mẫu: 18/08/2021
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 18/08/2021

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U (k=2, P=95%)	Quy chuẩn QCVN 40- 2011/ BTNMT (A)
					DV0821-59371		
1	Xác định pH	-	0 - 14	TCVN 6492-2011 (*)	6,8	-	6-9
2	Florua (F ⁻)	mg/L	0,02	SMEWW 4500F-(B&D):2017	1,16	± 0,03	4,5
3	Crom 3 (Cr ³⁺)	mg/L	0,06	TCVN 6222:2008 & TCVN 6658:2000 (*)	< 0,06 (**)	-	0,1
4	Nhiệt độ	°C	0	SMEWW 2550B:2017	30,1	-	40
5	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	0,002	SMEWW 4500 S2-(B&D):2017	0,01	-	0,18
6	Mangan (Mn)	mg/L	0,03	SMEWW 3111B:2017	< 0,03 (**)	-	0,45
7	Asen (As)	mg/L	0,0003	TCVN 6626:2000 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,045
8	Thủy ngân (Hg)	mg/L	0,0003	TCVN 7877-2008 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,0045
9	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	0,005	TCVN 6658:2000	< 0,005 (**)	-	0,045
10	Tổng Nito	mg/L	2	TCVN 6638-2000 (*)	8,4	± 0,4	18

1 / 3

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn DT: 0274.3897628 Fax: 0274 3824753

Ghi chú:

- QCVN 40-2011/ BTNMT (A): kq; 0,9; kf; 1;
- Vị trí lấy mẫu:
DV0821-59371; Sau HTXL nước thải
- (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
- (**) Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu

Tra cứu trực tuyến tại <http://brem.cenlab.vn/ketqua/detail?id=10202>

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN THẾ TÙNG LÂM





TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



Số: 4219 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 22 tháng 11 năm 2021

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 12/11/2021
- Điều kiện lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu: 13/11/2021 Ngày thử nghiệm: 13/11/2021
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U (k=2, P = 95%)	Quy chuẩn QCVN 40- 2011/ BTNMT (A)
					DV1121-49618		
1	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	0,005	TCVN 6202-2008 (*)	0,12	± 0,01	3,6
2	Xác định pH	-	0 - 14	TCVN 6492-2011 (*)	6,7	-	6-9
3	Florua (F ⁻)	mg/L	0,02	SMEWW 4500F- (B&D):2017	2,11	± 0,05	4,5
4	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	0,06	TCVN 6222:2008 + TCVN 6658:2000 (*)	< 0,06 (**)	-	0,18
5	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	0,002	SMEWW 4500 S2- (B&D):2017	< 0,002 (**)	-	0,18
6	Mangan (Mn)	mg/L	0,03	SMEWW 3111B:2017	0,05	-	0,45
7	Asen (As)	mg/L	0,0003	TCVN 6626:2000 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,045
8	Thủy ngân (Hg)	mg/L	0,0003	TCVN 7877-2008 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,0045
9	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	0,005	TCVN 6658:2000	< 0,005 (**)	-	0,045
10	Tổng Nitơ	mg/L	2	TCVN 6638-2000 (*)	8,4	± 0,4	18
11	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	5	TCVN 6625 -2000 (*)	8	± 1	45
12	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	10	TCVN 6491-1999 (*)	26	± 2	67,5
13	Cl ₂	mg/L	0,26	TCVN 6225-3-2011 (*)	< 0,26 (**)	-	0,9

1 / 2

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn

ĐT: 0274.3897628

Fax: 0274 3824753



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)



Số: 4214 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 22 tháng 11 năm 2021

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 12/11/2021
- Điều kiện lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu: 13/11/2021 Ngày thử nghiệm: 13/11/2021
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KCN KIM HUY
Địa chỉ: Lô CN16, đường D1, KCN Kim Huy, Phú Tân, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U (k=2, P = 95%)	Quy chuẩn
					DV1121-85035		QCVN 40-2011/ BTNMT (A)
1	Cadmi (Cd)	mg/L	0,0001	SMEWW 3113B:2017	0,0002	-	0,045
2	Chì (Pb)	mg/L	0,0008	SMEWW 3113B:2017	0,0008	± 0,0001	0,09
3	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	0,3	SMEWW 5520B&F-2017 (*)	0,5	-	4,5
4	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	1	TCVN 6001-1-2008 (*)	51	± 1	27
5	Coliform	MPN/100 mL	3	TCVN 6187-2-1996 (*)	6.400	-	3.000
6	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	0,005	TCVN 6202-2008 (*)	1,25	± 0,06	3,6
7	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	10	TCVN 6491-1999 (*)	119	± 9	67,5
8	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	5	TCVN 6625 -2000 (*)	29	± 2	45
9	Tổng Nitơ	mg/L	2	TCVN 6638-2000 (*)	21	± 1	18
10	Thủy ngân (Hg)	mg/L	0,0003	TCVN 7877-2008 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,0045
11	Asen (As)	mg/L	0,0003	TCVN 6626:2000 (*)	< 0,0003 (**)	-	0,045

